

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

**BÁO CÁO TỔNG KẾT THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN
THỐNG KÊ VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2011-2020, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030,
XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN THỐNG KÊ VIỆT NAM
GIAI ĐOẠN 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045**

*(Kèm theo Tờ trình số /TTr-BKHĐT ngày tháng năm 2021
của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)*

Phần thứ nhất

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN THỐNG KÊ VIỆT NAM
GIAI ĐOẠN 2011-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030**

Thực hiện Quyết định số 1803/QĐ-TTg ngày 18/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2030 (viết gọn là CLTK11-20), 10 năm qua Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) đã chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương tích cực triển khai thực hiện CLTK11-20 và đạt được những kết quả quan trọng, góp phần nâng cao năng lực, đáp ứng tốt hơn nhu cầu thông tin thống kê phục vụ Đảng, Nhà nước và các đối tượng sử dụng. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) tổng kết 10 năm thực hiện CLTK11-20 như sau:

I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Công tác chỉ đạo, hướng dẫn và triển khai thực hiện CLTK11-20

Ngay sau khi CLTK11-20 được phê duyệt, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) đã chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện CLTK11-20:

(1) Chủ động thành lập các Ban Chỉ đạo thực hiện CLTK11-20 các cấp, gồm: Ban Chỉ đạo Trung ương do một Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư làm Trưởng ban, các thành viên là đại diện lãnh đạo cấp Vụ phụ trách công tác thống kê của các bộ, ngành¹; Ban Chỉ đạo thực hiện CLTK11-20 của các địa phương².

¹ Quyết định số 1548/QĐ-BKHĐT ngày 19/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về thành lập BCĐTW thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê; Quyết định số 1631/QĐ-BKHĐT ngày 10/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về kiện toàn BCĐTW thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê.

(2) Hướng dẫn xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện CLTK11-20, gồm: Ban hành Kế hoạch thực hiện CLTK11-20³; Kế hoạch thực hiện CLTK11-20 của bộ, ngành, địa phương⁴.

(3) Xây dựng công cụ theo dõi, đánh giá thực hiện CLTK11-20, gồm: Khung theo dõi, đánh giá thực hiện CLTK11-20⁵; Tài liệu hướng dẫn theo dõi, đánh giá thực hiện CLTK11-20⁶; Phần mềm theo dõi thực hiện CLTK11-20 trực tuyến.

(4) Tổ chức một số lớp tập huấn, hội nghị phổ biến, tuyên truyền về CLTK11-20⁷.

(5) Thực hiện theo dõi, đánh giá, báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện CLTK11-20, gồm:

- Định kỳ báo cáo Thủ tướng Chính phủ tiến độ thực hiện CLTK11-20⁸, sơ kết thực hiện CLTK11-20⁹. Trên cơ sở các kiến nghị trong các báo cáo nói trên, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo các bộ, ngành và địa phương tích cực triển khai thực hiện các nhiệm vụ được phân công trong CLTK11-20¹⁰.

- Tổ chức đánh giá định kỳ thực hiện CLTK11-20 và phổ biến các báo cáo đánh giá: đánh giá đầu kỳ (năm 2013), đánh giá giữa kỳ (năm 2015), đánh giá cuối kỳ (năm 2020).

Với sự chỉ đạo kịp thời của Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn và tổ chức thực hiện kịp thời, bài bản của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ, ngành và địa phương đã triển khai thực hiện CLTK11-20 nghiêm túc và thống nhất trong toàn hệ thống. Sau 10 năm thực hiện, đã đạt **4/8** mục tiêu cụ thể của CLTK11-20, hoàn thành 100/119 (**84%**) số hoạt động trong chương trình hành động của CLTK11-20 đã đề ra.

² 37/63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đã thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê.

³ Công văn số 602/BKHĐT-TCTK ngày 9/02/2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê.

⁴ 20 bộ, ngành và 61/63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đã xây dựng Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê.

⁵ Công văn số 2274/BKHĐT-TCTK ngày 10/4/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về ban hành Khung theo dõi, đánh giá thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê.

⁶ Công văn số 9820/BKHĐT-TCTK ngày 05/12/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về ban hành Tài liệu hướng dẫn theo dõi, đánh giá thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê.

⁷ Tổ chức 2 hội nghị phổ biến CLTK11-20; 5 lớp tập huấn hướng dẫn theo dõi, đánh giá thực hiện CLTK11-20.

⁸ Ngày 19/5/2014, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả 2 năm thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê (Tờ trình số 3033/TTr-BKHĐT); ngày 21/5/2015 báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả 3 năm thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê (Tờ trình số 3066/TTr-BKHĐT); ngày 07/12/2018 báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả 7 năm thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê (Tờ trình số 8713/TTr-BKHĐT).

⁹ Ngày 05/4/2017, Bộ Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Thủ tướng Chính phủ sơ kết 5 năm thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê (Tờ trình số 2904/TTr-BKHĐT).

¹⁰ Văn bản số 4487/VPCP-KTTH ngày 19/5/2014, Văn bản số 4537/VPCP-KTTH ngày 17/6/2015, Văn bản số 4186/VPCP-KTTH ngày 24/4/2017 và Văn bản số 12357/VPCP-KTTH ngày 20/12/2018 của Văn phòng Chính phủ về triển khai thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê.

2. Kết quả thực hiện các mục tiêu của CLTK11-20

CLTK11-20 đã đề ra mục tiêu tổng quát và 8 mục tiêu cụ thể. Đánh giá mức độ đạt được của các mục tiêu đến hết năm 2020 như sau:

Mục tiêu tổng quát:

CLTK11-20 đề ra mục tiêu tổng quát: *Thống kê Việt Nam phát triển nhanh, bền vững; phấn đấu đến năm 2020 Thống kê Việt Nam đạt trình độ khá và năm 2030 đạt trình độ tiên tiến trong khu vực.*

Đánh giá: Không đạt mục tiêu của CLTK11-20

Sau 10 năm thực hiện CLTK11-20, Thống kê Việt Nam đã có những tiến bộ và phát triển hơn so với trước đây. Năng lực của Thống kê Việt Nam đã được cải thiện nhưng chưa đạt được mục tiêu CLTK11-20 đặt ra. Thống kê Việt Nam hiện đang ở mức trung bình khá trong khu vực Đông Nam Á.

- Chỉ số năng lực thống kê của Việt Nam đạt **74,44 điểm** (năm 2020), đứng thứ 5¹¹ (xem chi tiết tại Bảng 3);
- Chỉ số dữ liệu mở của Việt Nam đạt 0,74 điểm (năm 2020), đứng thứ 6;
- Chỉ số dữ liệu mở (Open Data Inventory - ODIN¹²) đạt 49,3 điểm (năm 2020), đứng thứ 6;
- Mức độ đáp ứng yêu cầu các chỉ tiêu về GDP đứng thứ 5 (số liệu năm), đứng thứ 3 (số liệu quý);
- Mức độ đáp ứng yêu cầu của về CPI, PPI đứng thứ 2 (số liệu năm), đứng thứ 3 (số liệu tháng);
- Mức độ đáp ứng yêu cầu các chỉ tiêu về SDG đứng thứ 4;
- Mức độ đáp ứng các chỉ tiêu xã hội (số liệu năm) thấp, chỉ đạt 42,7%, (thấp hơn nhiều so với nước cao liền kề là Ma-lai-xi-a và Phi-líp-pin, 74,8%), đứng thứ 6.

Mục tiêu cụ thể:

Mục tiêu 1. Xây dựng, hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu thống kê của các bộ, ngành đồng bộ với Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia (ban hành theo Quyết định số 43/2010/QĐ-TTg ngày 02 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ) và Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, huyện, xã (ban hành theo Thông tư số 02/2011/TT- BKHĐT ngày 10 tháng 01 năm 2011 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

¹¹ Ngân hàng Thế giới không tính toán và công bố chỉ số năng lực thống kê của Xinh-ga-po và Bru-nây do đây là hai quốc gia có thu nhập cao.

Chỉ số năng lực thống kê năm 2020 của Việt Nam do Ngân hàng Thế giới công bố chưa phản ánh đúng thực tế thực hiện của Việt Nam. Ví dụ, chỉ số sản xuất công nghiệp được biên soạn và công bố hàng tháng nhưng Ngân hàng Thế giới không tính điểm, tỷ lệ học sinh được công nhận hoàn thành chương trình tiểu học được biên soạn và công bố hàng năm nhưng chỉ được Ngân hàng Thế giới cho 0,67 điểm (thay vì cho điểm tối đa là 1 điểm).

¹² <https://odin.opendatawatch.com/>

Đánh giá: Đạt mục tiêu của CLTK11-20

Hầu hết các bộ, ngành đã xây dựng, hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu thống kê của bộ, ngành đồng bộ với hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia. Đến hết năm 2015, 17 bộ, ngành¹³ đã xây dựng và ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê của bộ, ngành đồng bộ với hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia ban hành theo Quyết định số 43/2010/QĐ-TTg ngày 02/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ.

Năm 2015, Luật Thống kê được ban hành và quy định hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia mới. Theo đó, 20 bộ, ngành¹⁵ đã xây dựng, hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu thống kê của bộ, ngành đồng bộ với hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia mới (tính đến hết năm 2020).

Mục tiêu 2. Bảo đảm từ năm 2015 tất cả các chỉ tiêu trong Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, Hệ thống chỉ tiêu thống kê các bộ, ngành và Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, huyện, xã đều được thu thập, tổng hợp và phổ biến theo nội dung và kỳ công bố quy định

Đánh giá: Không đạt mục tiêu của CLTK11-20

So với trước đây, thông tin thống kê được thu thập, tổng hợp và phổ biến ngày càng nhiều hơn. Tuy nhiên, tính đến hết năm 2020, các chỉ tiêu thuộc Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, Hệ thống chỉ tiêu thống kê các bộ, ngành và Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, huyện, xã chưa được thu thập, tổng hợp và phổ biến theo nội dung và kỳ công bố đầy đủ theo quy định.

Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia được quy định trong Luật Thống kê năm 2015 gồm 186 chỉ tiêu, trong đó: 106 chỉ tiêu đã thu thập, tổng hợp và công bố đầy đủ các phân tổ (56,99%), 70 chỉ tiêu đã thu thập, tổng hợp và công bố một số phân tổ (37,63%), 10 chỉ tiêu chưa thu thập, tổng hợp được (5,38%)¹⁶.

Hệ thống chỉ tiêu thống kê của bộ, ngành: 71,05% số chỉ tiêu thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê của các bộ, ngành¹⁷ đã thu thập, tổng hợp và công bố đầy đủ các phân tổ, 26,11% số chỉ tiêu đã thu thập, tổng hợp và công bố một số phân tổ, 2,83% số chỉ tiêu chưa thu thập, tổng hợp được.

Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, huyện, xã ban hành theo Quyết định

¹³ Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công an, Bộ Tài chính, Bộ Công Thương, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Giao thông Vận tải, Bộ Xây dựng, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Bộ Y tế, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy Ban Dân tộc, Đài Truyền hình Việt Nam, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

¹⁵ Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công Thương, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ, Bộ Xây dựng, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Tài chính, Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bảo hiểm Xã hội Việt Nam, Ủy ban dân tộc, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

¹⁶ Báo cáo tổng kết thực hiện các chỉ tiêu thống kê ban hành kèm theo Luật Thống kê của Tổng cục Thống kê.

¹⁷ Có 7 bộ, ngành báo cáo kết quả thực hiện hệ thống chỉ tiêu thống kê của bộ, ngành, gồm: Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Tư pháp, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Công thương, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế.

số 54/2016/QĐ-TTg ngày 19/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ: 89,66% số chỉ tiêu thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh đã được thu thập, tổng hợp và công bố đầy đủ các phân tổ; 93,16% số chỉ tiêu thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp huyện được thu thập, tổng hợp và công bố đầy đủ các phân tổ; 90,31% số chỉ tiêu thống kê cấp xã được thu thập, tổng hợp và công bố đầy đủ.

Mục tiêu 3. Các thông tin thống kê được sản xuất và phổ biến đáp ứng các tiêu thức chất lượng đang được hầu hết các cơ quan thống kê quốc gia và các tổ chức quốc tế áp dụng, bao gồm: tính phù hợp, tính chính xác, tính kịp thời, khả năng tiếp cận, khả năng giải thích và tính chặt chẽ; đồng thời bảo đảm tính so sánh quốc tế

Đánh giá: Đạt mục tiêu của CLTK11-20

Thông tin thống kê được sản xuất và phổ biến đã đáp ứng các tiêu thức chất lượng đang được các cơ quan thống kê quốc gia và các tổ chức quốc tế áp dụng. Tuy nhiên, chất lượng số liệu thống kê chưa được đánh giá theo Bộ tiêu chí chất lượng thống kê do Thủ tướng Chính phủ ban hành tại Quyết định số 01/2019/QĐ-TTg ngày 05/01/2019.

Bảng 1. Đánh giá các thông tin thống kê theo các tiêu thức chất lượng

Các tiêu thức chất lượng		Năm 2013 (%)	Năm 2020 (%)
Tác dụng của thông tin thống kê	Rất có tác dụng	35,1	46,7
	Có tác dụng	60,6	51,0
	Ít có tác dụng	4,2	2,2
	Không có tác dụng	0,1	0,1
Độ tin cậy của thông tin thống kê	Tin cậy	30,0	50,5
	Tương đối tin cậy	64,3	47,7
	Ít tin cậy	4,8	1,4
	Chưa tin cậy	0,9	0,4
Tính kịp thời của thông tin thống kê	Rất kịp thời	13,5	27,3
	Tương đối kịp thời	70,2	65,4
	Chưa kịp thời	16,3	7,3
Khả năng tiếp cận thông tin thống kê	Dễ dàng	27,7	39,5
	Tương đối dễ dàng	63,8	54,7
	Khó khăn	6,4	3,8
	Không biết	2,1	1,9
Tính đầy đủ của thông tin thống kê	Đầy đủ	15,3	30,9
	Tương đối đầy đủ	70,4	63,3
	Chưa đầy đủ	14,3	5,9

Nguồn: Kết quả điều tra nhu cầu và mức độ hài lòng của người sử dụng thông tin thống kê năm 2013 và 2020

Mục tiêu 4. Hình thành hệ thống thông tin thống kê quốc gia tập trung, đồng bộ và thống nhất có sự phối hợp, trao đổi, chia sẻ và kết nối thông tin thường xuyên, chặt chẽ giữa các cơ quan, tổ chức thống kê trong nước, thực hiện đầy đủ các cam kết về cung cấp và chia sẻ thông tin với các tổ chức quốc tế, cơ quan thống kê các quốc gia theo quy định của pháp luật

Đánh giá: Đạt mục tiêu của CLTK11-20

Hệ thống thông tin thống kê đã được tạo lập đồng bộ, thống nhất từ Trung ương đến địa phương với việc xây dựng, hoàn thiện và ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp bộ, ngành và hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, huyện, xã.

Thông tin thống kê được thu thập, tổng hợp trên cơ sở thực hiện các chế độ báo cáo thống kê (cấp quốc gia và cấp bộ, ngành), chương trình điều tra thống kê và cơ chế hợp tác, chia sẻ thông tin thống kê giữa Tổng cục Thống kê và các bộ, ngành ở Trung ương, giữa Cục Thống kê cấp tỉnh với các sở, ngành ở địa phương. Tổng cục Thống kê và 11 bộ, ngành, cơ quan đã ký kết cơ chế hợp tác, chia sẻ thông tin thống kê¹⁸; trong đó có 04 bộ, ngành đã ký kết thỏa thuận về việc kết nối, chia sẻ, trao đổi và tích hợp Cơ sở dữ liệu hành chính tự động (sử dụng cơ sở dữ liệu vi mô) với Tổng cục Thống kê¹⁹.

Thống kê Việt Nam thường xuyên cung cấp và chia sẻ thông tin thống kê cho các tổ chức quốc tế và các cơ quan thống kê quốc gia khác theo các cam kết mà Việt Nam tham gia trên cơ sở các quy định của pháp luật và năng lực của Thống kê Việt Nam. Việc cung cấp và chia sẻ thông tin thống kê cho các tổ chức quốc tế cơ bản đã đáp ứng được về số lần yêu cầu (giai đoạn 2011-2020, Tổng cục Thống kê đã 140 lần cung cấp số liệu cho 12 tổ chức quốc tế, 59 lần cung cấp số liệu cho 18 đại sứ quán các nước).

Mục tiêu 5. Hoàn thành việc xây dựng các cơ sở dữ liệu thống kê vi mô; cơ sở dữ liệu thống kê vĩ mô; cơ sở dữ liệu thống kê về hệ thống các bảng phân loại, danh mục và hệ thống khái niệm, nguồn thông tin, phương pháp tính các chỉ tiêu thống kê; tiến tới hoàn thành việc xây dựng kho dữ liệu thống kê kinh tế - xã hội vào năm 2020 để các đối tượng dùng tin đều có thể khai thác, sử dụng

Đánh giá: Không đạt mục tiêu của CLTK11-20

Tất cả các cuộc Tổng điều tra, điều tra thống kê hàng năm do Tổng cục Thống kê thực hiện đều có cơ sở dữ liệu. Tuy nhiên, dữ liệu điều tra của các cuộc tổng điều tra, điều tra thống kê hàng năm chưa được xây dựng thành cơ sở dữ liệu nhiều năm (do dữ liệu chưa được chuẩn hóa, các phần mềm cơ sở dữ liệu được phát triển trên nhiều nền tảng và ngôn ngữ lập trình khác nhau dẫn đến

¹⁸ Ngoài những bộ, ngành và cơ quan này, Bộ Tài chính cũng đã ký kết cơ chế phối hợp và chia sẻ thông tin thống kê với Bộ Kế hoạch và Đầu tư Quy chế số 11260/QCPH-BTC-BKHĐT ngày 17/9/2018, trong đó có các dữ liệu trong lĩnh vực thống kê.

¹⁹ Gồm: Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Tổng cục Thuế.

việc kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu khó khăn). Tổng cục Thống kê đã xây dựng được một số kho dữ liệu thống kê: kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 1999, kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009²⁰, kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019²¹, kết quả Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản năm 2006, kết quả Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản năm 2011, kết quả Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản năm 2016²², kết quả Tổng điều tra cơ sở kinh tế, hành chính, sự nghiệp năm 2007, kết quả Tổng điều tra cơ sở kinh tế, hành chính, sự nghiệp năm 2012, điều tra doanh nghiệp hàng năm, điều tra khảo sát mức sống hộ gia đình (năm 2004, 2006, 2008); điều tra lao động việc làm (năm 2007-2010); điều tra biến động dân số.

Tổng cục Thống kê đã xây dựng cơ sở dữ liệu về hệ thống các bảng phân loại, danh mục thống kê, cơ sở dữ liệu hệ thống khái niệm, nguồn thông tin, phương pháp tính các chỉ tiêu thống kê quốc gia, chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, huyện, xã, cơ sở dữ liệu số liệu thống kê, cơ sở dữ liệu báo cáo tình hình kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, chưa xây dựng được kho dữ liệu thống kê kinh tế - xã hội.

Mục tiêu 6. Nâng Chỉ số chung về năng lực thống kê theo các tiêu chí đánh giá của Ngân hàng Thế giới đối với thống kê nước ta từ 61 điểm (thang điểm 100) năm 2010 lên 70 điểm vào năm 2015; 80 điểm vào năm 2020 và 95 điểm vào năm 2030, trong đó Chỉ số phương pháp luận thống kê từ 30 điểm lên 55 điểm; 75 điểm và 90 điểm vào các năm tương ứng.

Đánh giá: Đạt mục tiêu của CLTK11-20

Năm 2020 chỉ số năng lực thống kê của Việt Nam đạt **74,44 điểm** (thang điểm 100), **tăng 10 điểm** so với năm 2010, **xếp thứ 5** trong số 9 nước Đông Nam Á, tương đương với Mi-an-ma (**tăng 2 bậc** so với năm 2010)²³. Trong đó, chỉ số phương pháp luận thống kê của Việt Nam đạt **50 điểm**, **tăng 20 điểm** so với năm 2010²⁴.

²⁰ <http://portal.thongke.gov.vn/KhodulieuDanso2009>

²¹ <http://portal.thongke.gov.vn/khodulieudanso2019/>

²² Tại <http://tdtntnnts2016.gso.gov.vn/>

²³ Số liệu của Ngân hàng Thế giới công bố tại <http://datatopics.worldbank.org/statisticalcapacity/SCIdashboard.aspx>

²⁴ Ngân hàng Thế giới không tính toán và công bố chỉ số năng lực thống kê của Xinh-ga-po và Bru-nây do đây là hai quốc gia có thu nhập cao.

Chỉ số năng lực thống kê năm 2020 của Việt Nam do Ngân hàng Thế giới công bố chưa phản ánh đúng thực tế thực hiện của Việt Nam. Ví dụ, chỉ số sản xuất công nghiệp được biên soạn và công bố hàng tháng nhưng Ngân hàng Thế giới không tính điểm, tỷ lệ học sinh được công nhận hoàn thành chương trình tiểu học được biên soạn và công bố hàng năm nhưng chỉ được Ngân hàng Thế giới cho 0,67 điểm (thay vì cho điểm tối đa là 1 điểm). Năm 2018, chỉ số năng lực thống kê của Việt Nam đã đạt 83,33 điểm, chỉ số phương pháp luận thống kê đạt 70 điểm.

Bảng 2. Chỉ số năng lực thống kê và chỉ số phương pháp luận thống kê của các nước Đông Nam Á

Quốc gia	Chỉ số năng lực thống kê		Chỉ số phương pháp luận thống kê	
	Năm 2010	Năm 2020	Năm 2010	Năm 2020
In-đô-nê-xi-a	86,67	85,56	80,00	100,00
Phi-líp-pin	88,89	82,22	70,00	60,00
Thái Lan	80,00	83,33	80,00	80,00
Ma-lai-xi-a	80,00	76,67	80,00	80,00
Việt Nam	64,44	74,44	30,00	50,00
Mi-an-ma	52,22	74,44	40,00	70,00
Đông Ti-mo	55,56	71,11	40,00	60,00
Lào	70,00	62,22	40,00	40,00
Cam-pu-chia	73,33	60,00	70,00	30,00

Nguồn: Ngân hàng Thế giới²⁵

Mục tiêu 7. Nâng mức độ thực hiện Hệ thống tài khoản quốc gia của thống kê nước ta theo Khung đánh giá của Ủy ban Thống kê Liên hợp quốc từ mức 2/6 năm 2008 lên mức 3/6 năm 2015; 4/6 năm 2020 và phấn đấu đạt mức 6/6 vào năm 2030

Đánh giá: Không đạt mục tiêu của CLTK11-20

Thống kê tài khoản quốc gia của Việt Nam đã có nhiều tiến bộ so với trước đây. Mặc dù vậy, Việt Nam đang thực hiện được ở mức 3 so với 6 mức của Ủy ban Thống kê Liên hợp quốc²⁶, chưa đạt mục tiêu thực hiện ở mức 4 như CLTK11-20 đặt ra (năm 2008, Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ - USAID đánh giá thống kê tài khoản quốc gia của Việt Nam thực hiện ở mức 2, tức là có các chỉ số cơ bản của GDP và GNI)²⁷.

Mục tiêu 8. Năm 2020 tuân thủ đầy đủ Tiêu chuẩn phổ biến dữ liệu riêng (SDDS) của Quỹ Tiền tệ Quốc tế

Đánh giá: Không đạt mục tiêu của CLTK11-20

Những năm qua, Việt Nam đã thực hiện Hệ thống phổ biến dữ liệu chung

²⁵ Tại <https://datatopics.worldbank.org/statisticalcapacity/>

²⁶ Theo bài trình bày của TS. Phạm Đăng Quyết về “Lồng ghép phát triển thống kê kinh tế trong Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam” tại Hội thảo Đánh giá thực trạng và định hướng phát triển Thống kê kinh tế đến năm 2045 tổ chức ngày 16/11/2020 tại Hà Nội.

²⁷ Báo cáo về việc thực hiện Hệ thống tài khoản quốc gia SNA 1993 tại các nước ASEAN.

(GDDS) và đang thực hiện Hệ thống phổ biến dữ liệu chung tăng cường (e-GDDS). Hằng năm, Tổng cục Thống kê và các bộ, ngành duy trì và cập nhật bộ dữ liệu chủ giải (metadata) mới và chính xác trên Bảng tin Phổ biến số liệu của Quỹ Tiền tệ quốc tế (DSBB), đồng thời phổ biến trên website của cơ quan Thống kê quốc gia. Tính đến hết năm 2020, Việt Nam chưa đăng ký thực hiện SDDS (các số liệu thống kê của Việt Nam đáp ứng được 47,06% hạng mục số liệu của SDDS khi tính chung cho cả 3 yêu cầu về phạm vi, tính định kỳ và tính kịp thời). Trong khi đó, các nước trong khu vực Đông Nam Á như Xinh-ga-po, In-đô-nê-xi-a, Phi-líp-pin, Ma-lai-xi-a, Thái Lan đều đã thực hiện SDDS.

3. CLTK11-20 giải quyết các hạn chế của Thống kê Việt Nam

Mặc dù một số mục tiêu không đạt kế hoạch đề ra, tuy nhiên với việc triển khai thực hiện đồng bộ các chương trình hành động của CLTK11-20 góp phần giải quyết (toàn bộ hoặc một phần) những hạn chế trong hệ thống Thống kê Việt Nam đã được phát hiện và chỉ ra trong đánh giá thực trạng thống kê Việt Nam năm 2010 (trước khi thực hiện CLTK11-20) và đánh giá bổ sung năm 2013.

Bảng 3. Những hạn chế của hệ thống thống kê Việt Nam đã được giải quyết toàn bộ hoặc một phần

Trước khi thực hiện CLTK11-20	Sau khi thực hiện CLTK11-20
Sự phối hợp giữa Tổng cục Thống kê với các bộ, ngành còn nhiều hạn chế, đặc biệt là việc cung cấp và chia sẻ số liệu thống kê.	Việc cung cấp và chia sẻ thông tin thống kê giữa Tổng cục Thống kê và các bộ, ngành đã được cải thiện nhiều trên cơ sở thực hiện các chế độ báo cáo thống kê và ký kết các văn bản về cơ chế phối hợp và chia sẻ thông tin thống kê. Nhiều bộ, ngành đã cung cấp số liệu cho Tổng cục Thống kê đầy đủ và đúng thời hạn hơn ²⁹ . Tổng cục Thống kê và 11 bộ, ngành, cơ quan đã ký kết cơ chế phối hợp và chia sẻ thông tin thống kê ³⁰ .
Số lượng các chỉ tiêu thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia được công bố rất hạn chế. Năm 2010, mới thu thập, biên soạn và công bố được 120 chỉ tiêu trong	Các chỉ tiêu thống kê đã được thu thập, tổng hợp và phổ biến nhiều hơn so với trước đây. Năm 2015, đã thu thập, biên soạn được 311 trong tổng số 350 chỉ tiêu thống kê quốc gia (tăng 191 chỉ tiêu so với năm 2010), trong

²⁹ Bảo hiểm Xã hội Việt Nam, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Thông tin và Truyền thông, Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

³⁰ Bộ Công Thương; Ban Kinh tế trung ương; Ủy ban Dân tộc; Tổng cục Thuế; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Tổng công ty Bưu điện Việt Nam; Trường Đại học kinh tế (Đại học Đà Nẵng); Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Y tế.

Trước khi thực hiện CLTK11-20	Sau khi thực hiện CLTK11-20
tổng số 350 chỉ tiêu được quy định tại Quyết định số 43/2010/QĐ-TTg ngày 02/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ.	đó 47% số chỉ tiêu được công bố đầy đủ thông tin theo các phân tổ; 42% số chỉ tiêu được công bố thông tin theo một số phân tổ hoặc đã thu thập được thông tin nhưng chưa công bố, chỉ còn 11% số chỉ tiêu chưa thu thập được thông tin. Đối với hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia mới theo Luật Thống kê năm 2015, 106 chỉ tiêu đã thu thập, tổng hợp và công bố đầy đủ các phân tổ, 70 chỉ tiêu đã thu thập, tổng hợp và công bố một số phân tổ, 10 chỉ tiêu chưa thu thập, tổng hợp.
Chưa ban hành chính thức các quy trình chuẩn liên quan đến sản xuất thông tin thống kê (bao gồm cả quy trình xử lý, tổng hợp và phổ biến số liệu của các chỉ tiêu thống kê quốc gia).	Nhiều quy trình liên quan đến sản xuất thông tin thống kê đã được xây dựng và ban hành như: Quy trình sản xuất thông tin thống kê cấp cao³¹; Quy trình biên soạn, thẩm định và phổ biến Niên giám thống kê quốc gia; Quy trình biên soạn, thẩm định và phổ biến Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội hàng tháng của Tổng cục Thống kê và Cục Thống kê; Quy trình biên soạn, thẩm định và phổ biến Báo cáo thống kê chính thức của Tổng cục Thống kê và Cục Thống kê; Quy trình biên soạn, thẩm định và phổ biến kết quả tổng điều tra và điều tra thống kê của Tổng cục Thống kê và Cục Thống kê³²; Quy trình biên soạn số liệu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (GRDP)³³. Nhiệm vụ thu thập, tổng hợp và biên soạn các chỉ tiêu thống kê của hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia do Tổng cục Thống kê chịu trách nhiệm đã được phân công cho các đơn vị trong Tổng cục³⁴.

³¹ Quyết định số 945/QĐ-TCTK ngày 24/9/2013 của Tổng cục trưởng TCTK phê duyệt Quy trình sản xuất thông tin thống kê cấp cao của Tổng cục Thống kê.

³² Quyết định số 680/QĐ-BKHĐT ngày 28/5/2014 của Bộ trưởng Bộ KH&ĐT ban hành Quy chế phổ biến thông tin thống kê của Tổng cục Thống kê.

³³ Quyết định số 715/QĐ-TTg ngày 22/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới quy trình biên soạn số liệu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

³⁴ Quyết định số 394/QĐ-TCTK ngày 22/5/2014 của Tổng cục trưởng TCTK về giao nhiệm vụ thu thập, tổng

Trước khi thực hiện CLTK11-20	Sau khi thực hiện CLTK11-20
Phổ biến số liệu thống kê có nhiều hạn chế. Rất ít bộ ngành tổng hợp niên giám thống kê hoặc các sản phẩm thống kê khác. Hoạt động phổ biến vẫn chủ yếu dưới hình thức bản in. Khối lượng thông tin trên website của Tổng cục Thống kê khá hạn chế và không được cập nhật thường xuyên. Chỉ có một số Cục Thống kê có website riêng. Các hình thức phổ biến số liệu khác như phòng đọc với số liệu được lưu trữ trong máy tính, trung tâm giới thiệu các sản phẩm thống kê, CD-ROM hoặc cung cấp số liệu qua điện thoại, fax và email chưa được sử dụng rộng rãi. Ngành Thống kê vẫn chưa có chính sách phổ biến thông tin.	Công tác phổ biến thông tin thống kê đã được cải thiện đáng kể. Chính sách phổ biến thông tin thống kê nhà nước được ban hành. Tổng cục Thống kê và một số bộ, ngành³⁵ đã xây dựng, ban hành quy chế phổ biến thông tin thống kê nhà nước, lịch phổ biến thông tin thống kê hàng năm và công khai các văn bản này trên website của các đơn vị. Website của Tổng cục Thống kê được nâng cấp năm 2015 và năm 2020, đồng thời cập nhật dữ liệu thường xuyên. Hầu hết các Cục Thống kê đều đã có website riêng. Website của các bộ, ngành đều có chuyên mục về số thống kê. 11 bộ, ngành thực hiện biên soạn niên giám thống kê (hay ấn phẩm thường niên tương tự như niên giám thống kê)³⁶. Các số liệu thống kê được tổng hợp và công bố trong nhiều ấn phẩm như Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng, quý, năm, Niên giám thống kê hàng năm, Báo cáo phân tích kinh tế - xã hội tổng hợp... và được phổ biến dưới nhiều hình thức khác nhau như họp báo công bố số liệu (hàng quý), ra thông cáo báo chí, các ấn phẩm dạng bản in, đĩa CD, website của Tổng cục Thống kê và các Cục Thống kê, đưa tin trên các phương tiện phát thanh, truyền hình, các ấn phẩm, tạp chí của ngành, bảng đèn Led, thư viện...
Việc phân tích kết quả các cuộc điều tra thống kê rất hạn chế, năng lực phân tích và dự báo của công	Tất cả các cuộc tổng điều tra, điều tra thống kê do Tổng cục Thống kê thực hiện biên soạn và xuất bản báo cáo kết quả điều tra

hợp và biên soạn các chỉ tiêu thống kê thuộc HTCTTKQG.

³⁵ Bộ Giao thông vận tải; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Bộ Tài chính; Bộ Tư pháp; Bộ Xây dựng; Bộ Y tế.

³⁶ Bộ Giao thông vận tải; Bộ Xây dựng; Bộ Thông tin và Truyền thông; Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bộ Y tế; Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Tài nguyên và Môi trường; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Tòa án nhân dân tối cao; Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Trước khi thực hiện CLTK11-20	Sau khi thực hiện CLTK11-20
chức thống kê còn yếu, có rất ít các khoá đào tạo về kỹ năng phân tích và dự báo trong hệ thống thống kê tập trung và các bộ, ngành.	(trong đó có các phân tích về kết quả điều tra) và các báo cáo phân tích chuyên đề³⁷. Năng lực phân tích và dự báo thống kê đã được tăng cường thông qua việc thành lập các đơn vị chuyên trách về phân tích và dự báo³⁸ cũng như đưa các lớp đào tạo, bồi dưỡng về phân tích và dự báo vào chương trình đào tạo của các bộ, ngành³⁹. Các báo cáo phân tích và dự báo thống kê do Tổng cục Thống kê và các bộ, ngành đã biên soạn là tài liệu tham khảo quan trọng đối với lãnh đạo các cấp và các nhà hoạch định chính sách.
Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông là một lĩnh vực còn có nhiều hạn chế. Mạng máy tính trong hệ thống thống kê tập trung thường xuyên bị lỗi mạng và gián đoạn đường truyền giữa các đơn vị. Cơ sở dữ liệu đặc tả (metadata) chưa được nghiên cứu xây dựng đầy đủ; còn gặp khó khăn trong việc xây dựng các cơ sở dữ liệu vĩ mô và vi mô (năm 2013 có 4 kho dữ liệu); cơ sở dữ liệu về kết quả của các cuộc điều tra không liên kết với nhau và không được liên kết theo thời gian.	Hạ tầng công nghệ thông tin của hệ thống thống kê tập trung được duy trì. Hệ thống mạng diện rộng được trang bị máy chủ, thiết bị tương đối đồng bộ, bảo đảm thông tin và truyền đưa dữ liệu trong toàn hệ thống thông suốt. 10 kho dữ liệu cục bộ đã được xây dựng. Tất cả các cuộc tổng điều tra, điều tra thống kê do Tổng cục Thống kê thực hiện đều có cơ sở dữ liệu. Cơ sở dữ liệu đặc tả (metadata) của Tổng cục Thống kê đã được hình thành để sử dụng chung với một số dữ liệu về các bảng danh mục, ngân hàng câu hỏi điều tra, các bảng mã câu trả lời cho câu hỏi đóng đối với một số lĩnh vực thống kê. Tuy nhiên, cơ sở dữ liệu kết quả của các cuộc điều tra chưa liên kết được với nhau

³⁷ Giai đoạn 2011-2019, Tổng cục Thống kê đã biên soạn 140 báo cáo phân tích kết quả các cuộc tổng điều tra, điều tra thống kê do Tổng cục Thống kê thực hiện

³⁸ Tổng cục Thống kê đã thành lập Tổ phân tích và Dự báo thống kê. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Giao thông vận tải đã thành lập đơn vị chuyên trách về phân tích và dự báo thống kê.

³⁹ Giai đoạn 2011-2019, Tổng cục Thống kê đã tổ chức 28 lớp đào tạo, bồi dưỡng về phân tích và dự báo thống kê cho 974 lượt công chức, viên chức.

Trước khi thực hiện CLTK11-20	Sau khi thực hiện CLTK11-20
Nguồn nhân lực là nhân tố hạn chế trong hệ thống thống kê tập trung. Số lượng chuyên viên chính và chuyên viên cao cấp trong hệ thống thống kê tập trung còn quá thấp. Tỷ lệ cán bộ có trình độ đại học cao (khoảng gần 60%) nhưng rất ít người có trình độ cao hơn đại học (ít hơn 2%)	Nguồn nhân lực của hệ thống thống kê tập trung được duy trì tương đối ổn định về số lượng và được tăng cường về chất lượng. Tính đến 30/9/2020, tỷ lệ thống kê viên cao cấp (và tương đương) và thống kê viên chính chiếm 13%; tỷ lệ công chức, viên chức có trình độ đại học khoảng 77%, tỷ lệ công chức, viên chức có trình độ trên đại học khoảng 11%.
Trụ sở làm việc của Tổng cục Thống kê, Cục Thống kê các tỉnh và Phòng Thống kê cấp huyện đã cải thiện điều kiện làm việc theo quy định về tiêu chuẩn của trụ sở làm việc, nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu về diện tích làm việc cho công chức, viên chức. Thiết bị văn phòng được xem đã đầy đủ đối với công chức, viên chức của cơ quan Tổng cục Thống kê và Cục Thống kê. Tuy nhiên, hơn 50% thiết bị có chất lượng kém cần phải được sửa chữa thường xuyên. Thiết bị văn phòng không đủ đối với công chức của phòng Thống kê cấp huyện nhằm đáp ứng các điều kiện làm việc. Tổng cục Thống kê và Cục Thống kê được trang bị xe ô tô và số lượng xe khá đủ, tuy nhiên rất nhiều xe đã cũ và cần được thay thế.	Trụ sở làm việc của các đơn vị trong hệ thống thống kê tập trung đã được cải thiện đáng kể nhờ được đầu tư xây dựng, cải tạo trụ sở làm việc, cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu về điều kiện làm việc của công chức, viên chức, đặc biệt là trụ sở của cơ quan Tổng cục Thống kê tại 54 Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội. Các trang thiết bị văn phòng, nhất là máy tính cá nhân (máy trạm) về cơ bản đã cung cấp đủ cho công chức, viên chức và người lao động trong toàn hệ thống, mỗi người làm chuyên môn thống kê đều được trang bị tối thiểu 01 máy tính phục vụ công tác Cơ quan Tổng cục Thống kê và các Cục Thống kê đã được trang bị tương đối đầy đủ xe ô tô dùng chung và chuyên dùng trong lĩnh vực thống kê.
Trong 4 năm đầu (2011-2014) thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê, chưa bố trí kinh phí riêng để thực hiện các hoạt động của Chiến lược	Từ năm 2015 đã bố trí một khoản kinh phí nhất định để thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê của Tổng cục Thống kê. Kinh phí này được bố trí cho một số hoạt động của Chiến lược phát triển Thống kê, trong đó có hoạt động theo dõi, đánh giá thực hiện của Chiến lược

II. TỒN TẠI, HẠN CHẾ

Mặc dù tất cả các hoạt động của CLTK11-20 đã được triển khai thực hiện, tuy nhiên vẫn còn **19 hoạt động** (chiếm **16%**) chưa hoàn thành. Mục tiêu tổng quát và **4/8 mục tiêu cụ thể** của CLTK11-20 không đạt kế hoạch đề ra.

1. Thể chế, khuôn khổ pháp lý, cơ chế điều phối các hoạt động thống kê và nhân lực thống kê

- Tổ chức thống kê bộ, ngành đã được củng cố và hoàn thiện hơn so với trước đây. Tuy nhiên, một số bộ, ngành như Bộ Nội vụ, Bảo hiểm Xã hội Việt Nam chưa thành lập tổ chức thống kê thuộc bộ, ngành theo quy định của Nghị định số 85/2017/NĐ-CP ngày 19/7/2017 của Chính phủ.

- Hoạt động phối hợp, chia sẻ dữ liệu hành chính cho hoạt động thống kê nhà nước giữa Tổng cục Thống kê và các bộ, ngành chưa thật sự tốt. Còn nhiều bộ, ngành chưa ký kết quy chế phối hợp, chia sẻ thông tin với Tổng cục Thống kê, trong đó có việc cung cấp, chia sẻ dữ liệu hành chính nhằm nâng cao hiệu quả, hiệu lực và giảm chi phí sản xuất số liệu thống kê. Quy chế phối hợp không có hướng dẫn triển khai Quy chế đến các địa phương. Một số bộ, ngành gửi báo cáo về Tổng cục Thống kê còn chậm, thiếu thông tin, không bảo đảm phạm vi số liệu và thời gian quy định. Nhiều vấn đề về đảm bảo chất lượng dữ liệu phát sinh trong quá trình phối hợp, chia sẻ như việc khó khăn trong xác định loại hình kinh tế (một số đơn vị sự nghiệp bị xác định là doanh nghiệp nhà nước...).

- Về nhân lực thống kê: nhân lực của hệ thống thống kê tập trung còn thiếu so với định mức biên chế, mới đáp ứng được được 91,6% so với tổng số biên chế được giao. Một trong những hạn chế về nhân lực thống kê trong hệ thống thống kê tập trung hiện nay là sự thiếu hụt nhân lực lãnh đạo của các Cục Thống kê cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Sự thiếu hụt này dẫn đến việc bổ nhiệm lãnh đạo các Cục Thống kê gặp khó khăn, một số Cục Thống kê không có Cục trưởng.

Các bộ, ngành ở Trung ương, các sở, ban, ngành ở địa phương đều đánh giá thiếu nhân lực làm thống kê. Đối với cấp xã, công chức Văn phòng - thống kê hầu như tập trung 100% công việc chính là công tác văn phòng, nhân sự thường xuyên thay đổi, nhất là qua các kỳ Đại hội Đảng cũng như bầu cử Hội đồng nhân dân.

Về chất lượng, trình độ học vấn của công chức, viên chức trong hệ thống thống kê tập trung đã được nâng cao, nhưng tỷ lệ công chức, viên chức được đào tạo chuyên ngành thống kê lại giảm, từ 30,66% năm 2010 xuống 20,75% năm 2020. Đặc biệt là thiếu nhân lực thống kê được đào tạo bài bản, trình độ cao và có nhiều kinh nghiệm thực tiễn trong công tác thống kê để thực hiện các hoạt động nghiên cứu và ứng dụng phương pháp luận và quy trình thống kê theo tiêu chuẩn quốc tế, phân tích và dự báo thống kê. Kết quả tham vấn năm 2020 của Viện Khoa học Thống kê (Tổng cục Thống kê) cho thấy 83% số người trả lời

đánh giá chưa hình thành được đội ngũ chuyên gia thống kê ở một số lĩnh vực: thiết kế mẫu điều tra, tiêu chuẩn, quy trình, phân tích và dự báo,...

Nhân lực làm thống kê tại bộ, ngành ở Trung ương và tại các sở, ngành, xã, phường, thị trấn ở địa phương chủ yếu là kiêm nhiệm (95%). Tỷ lệ người làm thống kê tại các bộ, ngành được cấp bằng hoặc chứng chỉ bồi dưỡng công tác thống kê thấp (dưới 1%). Đánh giá về năng lực thống kê của bộ, ngành tại Trung ương, sở, ban, ngành và xã, phường, thị trấn ở địa phương, kết quả tham vấn của Viện Khoa học Thống kê cho thấy: 74% số người trả lời cho rằng năng lực thống kê bộ, ngành chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ; 83% số người trả lời đánh giá năng lực thống kê các sở, ngành cấp tỉnh chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ; 85% số người trả lời đánh giá năng lực thống kê cấp xã chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ; 59% số người trả lời đánh giá năng lực của người làm thống kê nói chung chưa đáp ứng được yêu cầu.

2. Ứng dụng phương pháp luận thống kê tiên tiến và xây dựng, chuẩn hóa các quy trình thống kê theo chuẩn mực quốc tế

- Các tiêu chuẩn thống kê, quy trình thống kê, phương pháp chưa được xây dựng, hoàn thiện và áp dụng một cách hệ thống theo chuẩn quốc tế.

+ Lĩnh vực tài khoản quốc gia: Một số khái niệm, định nghĩa chưa tuân thủ theo đúng chuẩn mực của SNA 2008. Ví dụ, chưa sử dụng đơn vị cơ sở làm đơn vị thống kê đối với thống kê chuyên ngành công nghiệp, xây dựng, thương nghiệp, dịch vụ. Tích lũy tài sản vẫn dùng tỷ lệ của giá trị tài sản cố định tăng trong năm so với vốn đầu tư thực hiện để tính toán (tức là mới chỉ tính được theo phương pháp vốn đầu tư, chưa tính được theo phương pháp tăng giảm giá trị tài sản); khái niệm về vốn đầu tư, nợ công; chỉ số giá dịch vụ, các loại chỉ số giá đầu vào còn thiếu.

Về phạm vi, chưa thu thập được thông tin về lao động làm việc ở nước ngoài và lao động không thường trú ở nước ngoài vào nước ta, hoạt động của các tổ chức và cơ quan quốc tế tại Việt Nam, hoạt động của khu vực kinh tế chưa được quan sát phục vụ cho việc biên soạn số liệu SNA.

GDP đã được tổng hợp và công bố theo phương pháp sản xuất và phương pháp sử dụng cuối cùng nhưng GDP chưa được tổng hợp và công bố theo phương pháp thu nhập. Tài khoản sản xuất, tài khoản tạo thu nhập, tài khoản phân phối thu nhập lần đầu, tài khoản phân phối lại thu nhập đã được lập nhưng chưa công bố; chưa lập được tài khoản sử dụng thu nhập, tài khoản vốn, tài sản, tài khoản tài chính theo khu vực thể chế. Nguồn thông tin phục vụ biên soạn số liệu tài khoản quốc gia định kỳ chưa đáp ứng được cho việc ước tính đến ngành kinh tế cấp 2.

+ Lĩnh vực thương mại, dịch vụ: Thống kê thương mại quốc tế về hàng hóa thiếu số lượng theo mã HS 8 chữ số, phân tổ theo phương thức vận tải và hàng tái xuất; lĩnh vực thống kê thương mại dịch vụ quốc tế chưa cung cấp được

số liệu theo phân tổ như hướng dẫn của Cẩm nang cán cân thanh toán quốc tế phiên bản thứ 6 (BPM6), đồng thời cũng chưa phân tổ theo nước đối tác.

+ Lĩnh vực vốn đầu tư: Việc tính toán một số chỉ tiêu liên quan đến phân tổ số liệu FDI mang tính so sánh quốc tế còn hạn chế do số liệu về giá trị vốn thực hiện chưa phân chia được theo các nguồn vốn, cũng không chia thành vốn bằng tiền và vốn bằng hiện vật và các khoản tương đương tiền như công nghệ, bí quyết kỹ thuật, thương hiệu.

+ Các bảng danh mục, phân loại thống kê: Việt Nam đã xây dựng và ban hành 8 bảng danh mục, phân loại thống kê tương thích với các bảng danh mục phân loại quốc tế. Tuy nhiên, cơ sở dữ liệu về các tiêu chuẩn thống kê toàn cầu⁴⁰ có tới 17 bảng phân loại, danh mục.

+ Quy trình thống kê: Tổng cục Thống kê đã xây dựng và ban hành Quy trình sản xuất thông tin thống kê cấp cao, nhưng tới nay chưa xây dựng và ban hành quy trình sản xuất thông tin thống kê cấp chi tiết.

3. Thu thập, xử lý và quản trị dữ liệu

- Hệ thống chỉ tiêu thống kê, chế độ báo cáo thống kê của một số bộ, ngành chưa được cập nhật, rà soát và ban hành để phù hợp với các quy định của Luật Thống kê năm 2015.

- Các cuộc điều tra thống kê chưa được thực hiện đầy đủ theo quy định. 7 cuộc điều tra thống kê thuộc chương trình điều tra thống kê quốc gia đến kỳ điều tra nhưng chưa thực hiện, gồm: 2 cuộc điều tra do Tổng cục Thống kê chủ trì⁴¹ và 5 cuộc điều tra do các bộ, ngành chủ trì⁴². Chế độ báo cáo thống kê quốc gia chưa được thực hiện đầy đủ (vẫn còn 33/84 chỉ tiêu mới báo cáo một số phân tổ, 02/84 chỉ tiêu chưa thực hiện).

Đối với thực hiện hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh: các sở, ngành thực hiện chế độ báo cáo chưa đầy đủ, thiếu tính thống nhất trong Hệ thống chỉ tiêu cấp tỉnh. Một số đơn vị phải thực hiện cung cấp thông tin đầu vào của hệ thống chỉ tiêu, nhưng trong Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh lại không quy định phải gửi báo cáo cho cơ quan Thống kê (Cục Hải quan; Quản lý thị trường;

⁴⁰ <https://unstats.un.org/unsd/iiss/List-of-Statistical-Standards.ashx>

⁴¹ Gồm: Điều tra thu thập thông tin lập bảng cân đối liên ngành và tính hệ số chi phí trung gian, Điều tra thu thập thông tin tính các chỉ tiêu giá trị sản xuất và giá trị tăng thêm của các đơn vị sự nghiệp và tổ chức vô vị lợi.

Điều tra thu thập thông tin lập bảng cân đối liên ngành và tính hệ số chi phí trung gian theo kế hoạch triển khai thực hiện năm 2018 nhưng đã trình Thủ tướng Chính phủ xin chuyển thời gian tổ chức thực hiện cuộc điều tra này sang năm 2021 do năm 2020 là năm được chọn làm năm gốc mới thay thế cho năm gốc 2010. Vì vậy cuộc điều tra này tổ chức thực hiện năm 2021 để thu thập thông tin của năm 2020 để phù hợp tính toán các chỉ tiêu thống kê theo giá so sánh năm 2020.

Điều tra thu thập thông tin tính các chỉ tiêu giá trị sản xuất và giá trị tăng thêm của các đơn vị sự nghiệp và tổ chức vô vị lợi chưa triển khai thực hiện do đối tượng, đơn vị điều tra có phạm vi nhỏ không thể tiến hành tổ chức triển khai thành cuộc điều tra độc lập vì tốn kém về nguồn lực.

⁴² Gồm: điều tra hoạt động cung cấp dịch vụ thông tin và truyền thông, điều tra giá xây dựng, điều tra các chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật đô thị, điều tra dinh dưỡng, điều tra các cơ sở giáo dục ngoài công lập.

Ngân hàng Nhà nước...) nên Cục Thống kê khó khăn trong thu thập thông tin để tổng hợp báo cáo theo quy định. Một số chỉ tiêu tổng hợp giữa các sở, ngành địa phương (báo cáo theo ngành dọc) và ngành Thống kê chưa đồng nhất về khái niệm, phạm vi nên ảnh hưởng đến việc công bố chỉ tiêu thống kê.

Đối với chỉ tiêu thống kê cấp huyện, xã: Chưa có hướng dẫn cụ thể trong triển khai, thực hiện chế độ báo cáo của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn đối với cơ quan thống kê; thiếu các chỉ tiêu thống kê tổng hợp giúp cho cấp ủy, chính quyền cấp huyện, cấp xã đánh giá kết quả phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

- Chưa thực hiện rà soát, đánh giá mức độ đáp ứng của các cơ sở dữ liệu hành chính được quy định trong Luật Thống kê năm 2015⁴³ phục vụ cho mục đích thống kê. Chưa sử dụng và đồng bộ cơ sở dữ liệu quốc gia về Dân cư⁴⁴ (do chưa cấp mã số định danh cá nhân cho toàn bộ người dân Việt Nam, người dân Việt Nam ngoài sổ chứng minh còn có sổ thẻ căn cước, bằng lái xe số khác, sổ các loại bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội là hoàn toàn khác nhau). Các cơ sở dữ liệu quản lý chuyên ngành vẫn trong tình trạng rời rạc, ít cập nhật, chưa tích hợp chung thành một hệ thống cơ sở dữ liệu thống nhất của Ngành, chưa tương xứng với khối lượng công việc phải thực hiện, gây khó khăn trong khâu thu thập, xử lý và lưu trữ thông tin, ảnh hưởng đến tiến độ, chất lượng báo cáo và công tác phổ biến, chia sẻ thông tin thống kê.

Cơ sở dữ liệu đặc tả (metadata) của Tổng cục Thống kê đã được hình thành để sử dụng chung với một số dữ liệu về các bảng danh mục, ngân hàng câu hỏi điều tra, các bảng mã câu trả lời cho câu hỏi đóng đối với một số lĩnh vực thống kê. Nhưng do hầu hết dữ liệu đang được quản lý phân tán, khó kết nối, xâu chuỗi theo thời gian và giữa các lĩnh vực nên chưa đầy đủ và hoàn thiện để làm cơ sở thống nhất đồng bộ dữ liệu.

Dữ liệu thống kê hiện được quản lý theo nhiều hệ quản trị dữ liệu và phân tán khắp nơi trong ngành Thống kê từ Trung ương đến địa phương nhưng vẫn chưa thống nhất, thiếu tính liên kết theo không gian và thời gian (nhất là dữ liệu vi mô được lưu trữ rất phân tán, thiếu liên kết giữa số liệu tổng hợp với dữ liệu vi mô, giữa các lĩnh vực, kể cả cùng lĩnh vực nhưng khó liên kết theo thời gian).

4. Phân tích, dự báo và phổ biến thông tin thống kê

- Các báo cáo phân tích thống kê còn mang tính chất mô tả số liệu nhiều hơn là mang tính phân tích, giải thích về dữ liệu. Các dự báo thống kê chủ yếu là ước tính số liệu thống kê cho dự báo ngắn hạn mà chưa có nhiều các dự báo thống kê trung và dài hạn. Ít ứng dụng các mô hình trong phân tích và dự báo thống kê.

⁴³ Gồm các cơ sở dữ liệu: Cơ sở dữ liệu về con người; Cơ sở dữ liệu về đất đai; Cơ sở dữ liệu về cơ sở kinh tế; Cơ sở dữ liệu về thuế; Cơ sở dữ liệu về hải quan; Cơ sở dữ liệu về bảo hiểm; Cơ sở dữ liệu hành chính khác.

⁴⁴ Hiện nay, cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư do Bộ Công an xây dựng và quản lý. Cục Hộ tịch (Bộ Tư pháp) xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu đăng ký hộ tịch điện tử.

- Thông tin thống kê được công bố, phổ biến chưa đầy đủ theo quy định và tương xứng với nguồn dữ liệu sẵn có:

+ Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia: còn 10 chỉ tiêu thống kê chưa được thu thập, tổng hợp⁴⁵; 70 chỉ tiêu mới thu thập, tổng hợp và công bố một số phân tử.

+ Hệ thống chỉ tiêu thống kê của bộ, ngành: còn 26,11% số chỉ tiêu thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê của bộ, ngành⁴⁶ thu thập, tổng hợp và công bố một số phân tử, 2,83% số chỉ tiêu chưa thu thập, tổng hợp được.

+ Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh: còn 6,41% số chỉ tiêu mới thu thập, tổng hợp và công bố một số phân tử, 3,93% số chỉ tiêu chưa thu thập, tổng hợp được.

+ Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp huyện: còn 5,02% số chỉ tiêu mới thu thập, tổng hợp và công bố một số phân tử, 1,67% số chỉ tiêu chưa thu thập, tổng hợp được.

+ Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp xã: còn khoảng 10% số chỉ tiêu mới thu thập, tổng hợp và công bố một số phân tử.

- Tổng cục Thống kê và các bộ, ngành thực hiện nhiều cuộc điều tra thống kê nhưng việc phổ biến dữ liệu vi mô của các cuộc điều tra vẫn còn hạn chế.

- Việc cung cấp, thông tin thống kê cho các tổ chức quốc tế chưa đầy đủ theo yêu cầu:

+ Giai đoạn 2011-2020, Tổng cục Thống kê đã 140 lần cung cấp số liệu cho 12 tổ chức quốc tế, 59 lần cung cấp số liệu cho 18 đại sứ quán các nước. Tuy nhiên, mới chỉ đáp ứng số lần yêu cầu của các tổ chức quốc tế và các đại sứ quán mà chưa đáp ứng hay cung cấp đầy đủ 100% các chỉ tiêu theo yêu cầu do Việt Nam không có số liệu để cung cấp hoặc không có đủ phân tử chi tiết.

+ Cung cấp thông tin thống kê cho thống kê ASEAN theo các biểu mẫu thu thập số liệu thống kê (ASI-CT) đối với các chỉ tiêu kinh tế ở mức khá, nhưng các chỉ tiêu xã hội ở mức rất thấp. Mức độ đáp ứng các chỉ tiêu xã hội (số liệu theo năm) của Việt Nam thấp, chỉ đạt 42,7%, thấp hơn nhiều so với nước cao liền kề (Malaysia và Philippines, 74,8%). Mức độ đáp ứng yêu cầu các chỉ tiêu về SDG của Việt Nam (số liệu theo năm) cũng chỉ ở mức đạt 47,4%.

+ Thực hiện e-GDDS của IMF chưa được đầy đủ theo yêu cầu: 3/21 bảng metadata chưa được cập nhật, 6/21 bảng số liệu chưa được cập nhật và phổ biến theo yêu cầu. Số liệu của một số chỉ tiêu về tiền tệ, tài khóa vẫn chưa đáp ứng được đầy đủ yêu cầu của e-GDDS, nhất là các yêu cầu SDDS của IMF về phạm vi, phân tử, tính kịp thời hay tần suất biên soạn, phổ biến số liệu.

⁴⁵ Bao gồm cả những chỉ tiêu chưa tới kỳ công bố.

⁴⁶ Có 7 bộ, ngành báo cáo kết quả thực hiện hệ thống chỉ tiêu thống kê của bộ, ngành, gồm: Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Tư pháp, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Công thương, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế.

Các sản phẩm thông tin thống kê của ngành Thống kê đã đáp ứng được yêu cầu của người sử dụng. Tuy nhiên, kết quả điều tra nhu cầu và mức độ hài lòng của người sử dụng thông tin thống kê năm 2020 cho thấy một số loại sản phẩm thông tin thống kê chủ yếu còn có những nhược điểm nhất định. Đối với Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội hàng tháng, còn có ý kiến đánh giá thiếu thông tin của một số lĩnh vực, phân tích chưa sâu, ít phân tích nguyên nhân và hạn chế về dự báo. Đối với Niên giám thống kê, nội dung còn thiếu một số lĩnh vực, số liệu chưa chi tiết, bảng biểu khó tra cứu và có ý kiến cho rằng số liệu chưa kịp thời, ít tính thời sự. Đối với các Ấn phẩm phân tích tình hình kinh tế - xã hội nhiều năm, nội dung phân tích còn chưa sâu và số liệu chưa đầy đủ, bảng biểu chưa hợp lý, khó tra cứu, số liệu chưa phân tổ chi tiết. Đối với Kết quả các cuộc điều tra, có ý kiến đánh giá cho rằng phân tích trong báo cáo chưa đáp ứng được nhu cầu của người dùng tin; số liệu trong Báo cáo chưa cụ thể, thiếu chi tiết và chưa được khai thác hết thông tin đã điều tra. Đối với Website của Tổng cục Thống kê, có ý kiến đánh giá rằng thông tin trên Website thiếu, chưa đầy đủ, thiếu tính thời sự, ít cập nhật thông tin; hình thức, giao diện chưa đẹp, bố trí các chuyên mục chưa hợp lý.

5. Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực thống kê

Đối với các hoạt động về hợp tác song phương, khó khăn nhất chủ yếu là thiếu kinh phí và trình độ ngoại ngữ của công chức, viên chức làm thống kê. Ngôn ngữ hiện đang là rào cản lớn đối với đội ngũ công chức, viên chức làm công tác thống kê trong việc tiếp cận với phương pháp luận quốc tế mới, trong chia sẻ kinh nghiệm, kiến thức thống kê với các cơ quan thống kê các quốc gia trong khu vực và trên thế giới, trong tham gia hội nhập sâu rộng với cộng đồng thống kê quốc tế. Việc thiếu kinh phí khiến nhiều hoạt động hợp tác không thể triển khai thực hiện (theo nguyên tắc hợp tác song phương, các bên tự chịu trách nhiệm về kinh phí hoạt động).

Thống kê Việt Nam cũng còn một số khó khăn trong việc cung cấp số liệu cho các cơ quan, tổ chức quốc tế như: (1) Yêu cầu các chỉ tiêu quá chi tiết; (2) Cách phân tổ không thống nhất, đồng bộ; (3) Nhiều chỉ tiêu mới, chưa được tính toán tại Việt Nam dẫn đến Việt Nam không có số liệu cung cấp đầy đủ như yêu cầu.

6. Cơ sở vật chất và các nguồn lực tài chính phục vụ hoạt động thống kê

Tổng cục Thống kê đã xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ 2 Đề án xây dựng trụ sở làm việc của hệ thống thống kê tập trung: (i) Giai đoạn 2014-2015; (ii) giai đoạn 2016-2020; 2 Đề án Đầu tư trang thiết bị, phương tiện làm việc của hệ thống thống kê tập trung: (i) Giai đoạn 2014-2015 (được phê duyệt); (ii) giai đoạn 2016-2020 (chưa được phê duyệt). Tuy nhiên, chỉ có đề án Đầu tư trang thiết bị, phương tiện làm việc của hệ thống thống kê tập trung giai đoạn 2014-2015 được phê duyệt. Do vậy, trụ sở làm việc của nhiều đơn vị thuộc hệ thống thống kê tập trung (nhất là ở chi cục thống kê) bị xuống cấp, chưa đáp

ứng được yêu cầu làm việc. Hạ tầng công nghệ thông tin của hệ thống thống kê tập trung chủ yếu được trang bị từ năm 2010 nay nhiều phần xuống cấp.

Hầu hết các bộ, ngành, địa phương không bố trí kinh phí riêng để thực hiện các hoạt động thống kê. Nhất là thiếu kinh phí thực hiện các hoạt động: nghiên cứu và ứng dụng phương pháp luận thống kê theo tiêu chuẩn quốc tế trong từng lĩnh vực thống kê, ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin và truyền thông trong các hoạt động thống kê, đào tạo và bồi dưỡng thống kê cho đội ngũ nhân lực làm thống kê.

Việc thực hiện các dịch vụ thống kê chưa được tăng cường. Tổng cục Thống kê chưa xây dựng và ban hành quy chế thực hiện các dịch vụ về thống kê. Trung tâm Tư liệu và Dịch vụ thống kê là đơn vị đầu mối tiếp nhận yêu cầu đặt hàng của người sử dụng về việc cung cấp dịch vụ thống kê (chủ yếu là yêu cầu cung cấp số liệu chuyên sâu theo yêu cầu của người sử dụng). Tuy nhiên, đơn vị chỉ có thể cung cấp được các dịch vụ hoặc số liệu mà các Vụ nghiệp vụ có nên có thể chưa đáp ứng được nhu cầu của khách hàng.

III. NGUYÊN NHÂN VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

- Một số bộ, ngành, địa phương chưa quan tâm đúng mức đến công tác thống kê thuộc lĩnh vực quản lý và các hoạt động của CLTK11-20 nói riêng.

- Việc thực hiện chính sách tinh gọn bộ máy và tinh giản biên chế ở các bộ, ngành và địa phương khiến cho nhiều đơn vị không thành lập được tổ chức thống kê và bố trí công chức, viên chức làm thống kê tại các bộ, ngành và địa phương.

- Nguồn nhân lực làm thống kê không được đào tạo, bồi dưỡng và cập nhật về chuyên môn, nghiệp vụ thống kê theo quy định của Luật Thống kê, đặc biệt là đối với nhân lực làm thống kê ở các bộ, ngành ở Trung ương, sở, ngành và thống kê xã, phường, thị trấn tại địa phương. Đồng thời, việc thiếu nhân lực thống kê được đào tạo bài bản, trình độ cao và có nhiều kinh nghiệm thực tiễn trong công tác thống kê để thực hiện các hoạt động nghiên cứu và ứng dụng phương pháp luận và quy trình thống kê theo tiêu chuẩn quốc tế, phân tích và dự báo thống kê dẫn đến việc xây dựng các tiêu chuẩn, quy trình, phương pháp luận về thống kê còn hạn chế.

- Phương pháp luận thống kê còn hạn chế (như đã đề cập ở trên), cùng với việc thiếu nguồn thông tin thống kê để tổng hợp các chỉ tiêu thống kê thuộc các hệ thống chỉ tiêu thống kê dẫn đến việc phổ biến, cung cấp thông tin thống kê cho người sử dụng (cả trong nước và nước ngoài) chưa đầy đủ theo quy định của pháp luật và chưa đáp ứng được nhu cầu của các đối tượng sử dụng thông tin thống kê.

- Việc chia sẻ, cung cấp, phổ biến thông tin đối với một số chỉ tiêu thống kê còn gặp khó khăn do quy định bảo mật hiện hành.

- Kinh phí từ ngân sách cho công tác thống kê ngày càng hạn hẹp, cũng như tài trợ của các tổ chức quốc tế và các nước cho thống kê Việt Nam có xu hướng giảm. Do đó, việc tăng cường cơ sở vật chất phục vụ cho công tác thống kê ngày càng khó khăn, ảnh hưởng đến công tác chuyên môn. Các bộ, ngành, địa phương không bố trí kinh phí riêng để thực hiện các hoạt động thống kê nên rất bị động trong triển khai thực hiện các hoạt động thống kê.

2. Bài học kinh nghiệm

Sau quá trình 10 năm thực hiện CLTK11-20, một số bài học kinh nghiệm quan trọng có thể rút ra như sau:

- Xây dựng các mục tiêu, chương trình hành động của Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam phải phù hợp với nhau và phù hợp với xu hướng thống kê trên thế giới, năng lực của Thống kê Việt Nam.

- Xác định Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Ban Chỉ đạo trung ương, Tổng cục Thống kê) là cơ quan chỉ đạo, chủ trì thực hiện việc hướng dẫn, theo dõi và đánh giá thực hiện CLTK11-20 kịp thời, bài bản để CLTK11-20 được triển khai nghiêm túc và thống nhất trong toàn bộ hệ thống thống kê.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến CLTK11-20 phải được chú trọng, nhất là ở giai đoạn đầu khi CLTK11-20 để các nội dung của CLTK11-20 được phổ biến tới tất cả các đối tượng có liên quan, đặc biệt là các cơ quan thực hiện CLTK11-20.

- Kế hoạch thực hiện CLTK11-20 phải được xây dựng chi tiết với việc xác định các công việc ưu tiên, gắn các hoạt động của CLTK11-20 với các nhiệm vụ chuyên môn thường xuyên và phân công đơn vị chịu trách nhiệm thực hiện rõ ràng đã tạo điều kiện cho việc triển khai thực hiện CLTK11-20 được thuận lợi.

- Việc triển khai thực hiện CLTK11-20 cần phải có sự tham gia của tất cả các đơn vị trong toàn hệ thống thống kê cũng như các bên có liên quan. Trong đó, đặc biệt nhấn mạnh đến sự cam kết mạnh mẽ về mặt chính trị của lãnh đạo các đơn vị trong việc thực hiện nhằm đảm bảo các hoạt động được thực hiện đúng hướng và đạt được các mục tiêu đã đề ra của CLTK11-20.

- CLTK11-20 được thực hiện trên cơ sở huy động được các nguồn lực, trong đó quan trọng nhất là nguồn nhân lực làm công tác thống kê. Bên cạnh đó, cũng cần huy động các nguồn lực tài chính từ các nguồn khác nhau cho việc thực hiện CLTK11-20, nhất là từ sự hỗ trợ của các tổ chức quốc tế.

- Việc theo dõi, đánh giá thực hiện CLTK11-20 phải thực hiện một cách bài bản, thường xuyên thông qua việc xây dựng Khung theo dõi và đánh giá, biên soạn Tài liệu hướng dẫn theo dõi và đánh giá, tập huấn công tác theo dõi và đánh giá, hình thành hệ thống theo dõi và đánh giá với đầu mối là các tổ theo dõi và đánh giá tại các đơn vị thực hiện CLTK11-20, báo cáo tiến độ thực hiện hàng năm, tổ chức đánh giá định kỳ thực hiện CLTK11-20/.

Đánh giá tổng quát:

Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2011-2020, tầm nhìn đến năm 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1803/QĐ-TTg ngày 18 tháng 11 năm 2011 đã được triển khai thực hiện nghiêm túc, quyết liệt, đồng bộ từ trung ương đến địa phương trong tất cả các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế. Sau 10 năm (2011-2020) thực hiện Chiến lược phát triển thống kê, Thống kê Việt Nam đã đạt được những kết quả quan trọng như sau:

Một là, môi trường pháp lý, thể chế và cơ chế điều phối các hoạt động thống kê ngày càng được hoàn thiện. Luật Thống kê mới được ban hành năm 2015, các văn bản quy phạm pháp luật, chính sách phát triển thống kê được ban hành, triển khai thực hiện nghiêm túc. Hệ thống tổ chức thống kê tập trung được đổi mới theo hướng chuyên môn hóa các bước của quy trình sản xuất thông tin thống kê đã giảm hơn 30% số đơn vị đầu mối; thống kê bộ, ngành trung ương, sở ngành địa phương từng bước được tăng cường. Công tác điều phối, phối hợp các hoạt động thống kê hiệu quả hơn thông qua cơ chế phối hợp và chia sẻ thông tin thống kê giữa Tổng cục Thống kê với các bộ, ngành.

Hai là, thông tin thống kê kinh tế - xã hội ngày càng được công bố, phổ biến kịp thời và đầy đủ hơn phục vụ Đảng và Nhà nước, các cấp, các ngành trong đánh giá, dự báo tình hình, hoạch định Chiến lược phát triển, xây dựng chính sách và quản lý, chỉ đạo điều hành phát triển kinh tế – xã hội từ trung ương đến địa phương, góp phần quan trọng vào việc xây dựng Chính phủ liên chính, hành động và phục vụ người dân và doanh nghiệp.

Ba là, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong thu thập, xử lý, công bố và phổ biến thông tin thống kê đã đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu thông tin thống kê của người dùng tin trong nước và quốc tế; đồng thời tiết kiệm được nguồn lực cho ngành Thống kê nói riêng và quốc gia nói chung.

Bốn là, vị thế, năng lực thống kê nước ta ngày càng được cải thiện trong khu vực và quốc tế. Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ghi nhận và đánh giá cao những đóng góp quan trọng của ngành Thống kê đối với công cuộc đổi mới và phát triển đất nước. Năng lực thống kê của nước ta đã có các bước phát triển trên tất cả các lĩnh vực trong 10 năm qua và cao hơn mức trung bình trong khu vực⁴⁷, năm 2020 đứng thứ 5 trong số 9 nước Đông Nam Á (tăng 2 bậc so với năm 2010); trong đó, chỉ số phương pháp luận thống kê đứng thứ 5, chỉ số nguồn dữ liệu đứng thứ 2, chỉ số kịp thời đứng thứ 5.

Bên cạnh những kết quả quan trọng đã đạt được, Thống kê Việt Nam vẫn còn một số hạn chế chủ yếu như sau:

Thứ nhất, nguồn nhân lực thống kê chưa đáp ứng được yêu cầu về số

⁴⁷ Báo cáo Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Việt Nam “Đánh giá mức độ sẵn sàng về Chính phủ Số và Dữ liệu Mở” của WB và Chính phủ, tháng 2/2019.

lượng và chất lượng. Mặc dù đã rất cố gắng, nhưng nhiều năm nay, toàn Ngành không tuyển dụng đủ số biên chế theo vị trí việc làm thống kê, đặc biệt đối với tổ chức thống kê bộ, ngành và Cục Thống kê cấp tỉnh thuộc hệ thống tổ chức thống kê tập trung. Hầu hết người làm công tác thống kê tại bộ, ngành ở trung ương, sở ngành ở địa phương và đơn vị hành chính cấp xã không có chuyên môn, nghiệp vụ thống kê (chỉ có khoảng 4% trong số này được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ thống kê).

Thứ hai, kết nối, chia sẻ, cung cấp và phổ biến dữ liệu, thông tin thống kê còn nhiều bất cập. Nguồn dữ liệu cho sản xuất thông tin thống kê rất lớn, ngoài dữ liệu từ các cuộc điều tra, tổng điều tra thống kê (trong chương trình điều tra quốc gia và ngoài chương trình điều tra thống kê quốc gia), còn có nguồn dữ liệu hành chính sẵn có do các bộ, ngành, địa phương quản lý, nhưng chưa được kết nối thành kho dữ liệu thống kê tập trung, thống nhất, sử dụng chung trong toàn hệ thống. Dữ liệu, thông tin thống kê được cung cấp, phổ biến chưa tương xứng với nguồn dữ liệu sẵn có, đã ảnh hưởng đến việc đáp ứng nhu cầu của người dùng tin và gây lãng phí nguồn lực của xã hội.

Thứ ba, phương pháp luận thống kê, tiêu chuẩn, quy trình sản xuất thông tin thống kê chưa được xây dựng, cập nhật, hoàn thiện và áp dụng đồng bộ theo chuẩn mực và thông lệ quốc tế. Chất lượng thông tin thống kê chưa được đánh giá theo thông lệ quốc tế đã ảnh hưởng đến chất lượng của việc ra các quyết sách phát triển kinh tế - xã hội cả ở tầm vĩ mô và vi mô.

Nguyên nhân chủ yếu của các hạn chế nói trên là do chưa có sự quan tâm đúng mức của cộng đồng đối với tầm quan trọng của thống kê trong đời sống kinh tế - xã hội. Đặc biệt, người đứng đầu bộ, ngành, địa phương chưa chú trọng đến sự phát triển của thống kê phục vụ việc hoạch định, giám sát các chương trình, chính sách phát triển kinh tế - xã hội dựa trên bằng chứng.

Phần thứ hai

XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN THỐNG KÊ VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

I. BỐI CẢNH

1. Bối cảnh quốc tế

Giai đoạn 10 năm (2021-2030) do tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; đặc biệt, đại dịch Covid-19 làm thay đổi sâu sắc các mặt đời sống kinh tế - xã hội của thế giới. Phát triển bền vững trở thành xu thế bao trùm trên thế giới; kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, tăng trưởng xanh đang là mô hình phát triển được nhiều quốc gia lựa chọn. Chương trình nghị sự 2030 về sự phát triển bền vững (SDGs) có ảnh hưởng lớn đến phương thức tăng trưởng, hợp tác kinh tế, thương mại, đầu tư trên thế giới. Chuyển dịch sang năng lượng tái tạo, năng lượng xanh sẽ là xu thế rõ nét hơn trong thời kỳ tới. Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo ngày càng trở thành nhân tố quyết định đối với năng lực cạnh tranh của mỗi quốc gia. Công nghệ số sẽ làm thay đổi phương thức quản lý nhà nước, mô hình sản xuất kinh doanh, tiêu dùng và đời sống văn hoá, xã hội; thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số. Tình hình thế giới nói trên sẽ tác động đến nhiều mặt của công tác thống kê.

Cơ quan Thống kê Liên hợp quốc (UNSD) đã triển khai nhiều hoạt động hướng dẫn, khuyến nghị các cơ quan thống kê quốc gia, tổ chức quốc tế tăng cường mạnh mẽ năng lực thống kê để đo lường kịp thời, đầy đủ những thay đổi lớn của quốc gia, quốc tế theo phương châm “Dữ liệu tốt hơn, cuộc sống tốt hơn”, “Dữ liệu tốt hơn, chính sách tốt hơn”. Đặc biệt, Đối tác thống kê vì sự phát triển trong thế kỷ 21 (PARIS21) là tổ chức quốc tế có chức năng hỗ trợ các quốc gia xây dựng Chiến lược phát triển thống kê theo khung phát triển năng lực thống kê 4.0⁴⁹ để đáp ứng yêu cầu mới đặt ra của quốc gia, khu vực và quốc tế. Nhiều nước đã và đang xây dựng chiến lược quốc gia về phát triển thống kê cho giai đoạn mới.

2. Bối cảnh trong nước

Tình hình thế giới có nhiều thay đổi nói trên có tác động đến nhiều mặt đời sống kinh tế - xã hội nước ta. Đảng, Nhà nước đã có chủ trương, đường lối, chính sách phát triển kinh tế - xã hội. Đặc biệt là Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2030, Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững (SDGs) đã xác định các vấn đề mấu chốt về dữ liệu quốc gia, kết nối, tích hợp và chia sẻ dữ liệu, chính

⁴⁹ Proposing a framework for Statistical Capacity Development 4.0

phủ số, dữ liệu mở. Đây là những vấn đề mới, lớn, phức tạp đòi hỏi Thống kê Việt Nam phải đổi mới mạnh mẽ, toàn diện để hoàn thành sứ mệnh là sản xuất, cung cấp và phổ biến dữ liệu, thông tin thống kê trung thực, khách quan, chính xác, đầy đủ, kịp thời, minh bạch và dễ tiếp cận, phục vụ sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, nhu cầu thông tin thống kê của các tổ chức, cá nhân khác trong giai đoạn mới. Dữ liệu thống kê nhà nước phải là dữ liệu cốt lõi trong hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia.

II. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

a) Sản xuất, cung cấp và phổ biến thông tin thống kê trung thực, khách quan, chính xác, đầy đủ, kịp thời, minh bạch và dễ tiếp cận; dữ liệu thống kê nhà nước là dữ liệu cốt lõi trong hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia phục vụ sự lãnh đạo của Đảng, quản lý, chỉ đạo, điều hành của Nhà nước trong giám sát, đánh giá, xây dựng và thực hiện chiến lược, chính sách, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, từng ngành, lĩnh vực và địa phương; đồng thời đáp ứng nhu cầu thông tin thống kê của các tổ chức, cá nhân khác theo quy định của pháp luật Việt Nam và thông lệ quốc tế.

b) Phát triển nhanh, vững chắc dựa vào nhân lực chất lượng cao, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và tận dụng hiệu quả các cơ hội của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; gắn với quá trình hội nhập thống kê quốc tế để sản xuất, cung cấp và phổ biến thông tin thống kê phù hợp chuẩn mực và thông lệ quốc tế, đáp ứng tốt hơn nhu cầu thông tin thống kê ngày càng tăng của xã hội.

c) Tạo lập đầy đủ, đồng bộ và kịp thời về môi trường pháp lý, bộ máy tổ chức, nguồn nhân lực, tài lực, hạ tầng công nghệ thông tin - truyền thông và cơ sở vật chất kỹ thuật cho hoạt động thống kê.

III. MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC

1. Mục tiêu tổng quát

Hiện đại hóa Thống kê Việt Nam theo hướng đổi mới sáng tạo, phát triển nhanh và vững chắc với hệ thống tổ chức phù hợp; nguồn nhân lực chất lượng cao và chuyên nghiệp; công nghệ hiện đại; sản xuất, cung cấp và phổ biến thông tin thống kê theo chuẩn mực và thông lệ quốc tế; hình thành hệ thống thông tin thống kê quốc gia tập trung, thống nhất, thông suốt, chất lượng và hiệu quả; đáp ứng tốt hơn nhu cầu thông tin thống kê ngày càng tăng. Phấn đấu đến năm 2030, Thống kê Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong khu vực ASEAN và đến năm 2045 trở thành hệ thống thống kê hiện đại trên thế giới.

2. Một số mục tiêu cụ thể

- Đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ phương pháp và cách thức thu thập thông tin thống kê:

+ Tập trung khai thác, sử dụng dữ liệu hành chính; phấn đấu vào năm

2025 đạt 50%, vào năm 2030 đạt 70% số chỉ tiêu thống kê thuộc các hệ thống chỉ tiêu thống kê được biên soạn từ nguồn dữ liệu hành chính.

+ Thay thế 85% phiếu điều tra giấy bằng phiếu điều tra điện tử trong điều tra và tổng điều tra thống kê vào năm 2025; trên 95% vào năm 2030.

- Đẩy mạnh việc biên soạn, công bố và cung cấp các chỉ tiêu thống kê:

+ Đạt 85% các chỉ tiêu thuộc các hệ thống chỉ tiêu thống kê được biên soạn và công bố theo tiêu chuẩn thống kê Việt Nam vào năm 2025; đạt 95% vào năm 2030.

+ Mức độ thực hiện Hệ thống tài khoản quốc gia 2008 (SNA2008) đạt mức 4/6 vào năm 2025; đạt mức 5/6 vào năm 2030.

+ Cập nhật đầy đủ, thường xuyên hệ thống phổ biến dữ liệu chung tăng cường (e-GDDS); trên 50% hạng mục thuộc tiêu chuẩn phổ biến dữ liệu riêng (SDDS) đảm bảo tiêu chuẩn theo SDDS vào năm 2025; trên 75% vào năm 2030.

- Bảo đảm cung cấp sản phẩm thống kê kịp thời và tăng cường cung cấp dữ liệu thống kê vi mô:

+ Đạt 80% các sản phẩm thống kê được cung cấp tới người sử dụng thông tin thống kê kịp thời vào năm 2025; đạt 95% vào năm 2030.

+ Cung cấp dữ liệu thống kê vi mô đáp ứng ít nhất 30% nhu cầu của các đối tượng dùng tin trong và ngoài nước vào năm 2025; 60% vào năm 2030.

+ Giảm tỷ lệ không hài lòng của người sử dụng thông tin thống kê xuống dưới 15% vào năm 2025; dưới 5% vào năm 2030.

- Triển khai đồng bộ tư liệu hóa, chuyển đổi số hoạt động thống kê:

+ 50% các hoạt động thống kê được tư liệu hóa vào năm 2025; 95% vào năm 2030.

+ 50% các hoạt động thống kê được chuyển đổi số vào năm 2025; 80% vào năm 2030.

- Nâng cao mạnh mẽ năng lực thống kê:

+ 100% người làm công tác thống kê trong hệ thống tổ chức thống kê tập trung có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ thống kê vào năm 2025. 30% người làm công tác thống kê ở bộ, ngành trung ương và sở, ngành địa phương, thống kê cấp xã có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ thống kê vào năm 2025; 60% vào năm 2030.

+ Chỉ số hiệu quả thống kê và chỉ số dữ liệu mở thuộc nhóm các nước xếp loại khá vào năm 2030.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Hoàn thiện thể chế, đổi mới mô hình tổ chức, phát triển nguồn nhân lực

- Sửa đổi Luật Thống kê và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan theo hướng bảo đảm sự độc lập của hệ thống thống kê tập trung; tăng cường vai trò chủ đạo của cơ quan thống kê trung ương về phương pháp luận, tiêu chuẩn, quy trình thống kê, điều phối hoạt động thống kê, hợp tác chia sẻ dữ liệu hành chính giữa các bộ, ngành, địa phương với cơ quan thống kê; sử dụng các nguồn dữ liệu lớn, dữ liệu mới cho hoạt động thống kê nhà nước.

- Xây dựng, hoàn thiện các hệ thống chỉ tiêu thống kê: quốc gia, bộ, ngành, tỉnh, huyện, xã và các bộ chỉ tiêu thống kê khác; kịp thời phản ánh tình hình kinh tế - xã hội phục vụ chỉ đạo, điều hành của Đảng và Nhà nước.

- Đổi mới và hoàn thiện mô hình tổ chức hệ thống thống kê tập trung hoạt động hiệu lực, hiệu quả, theo hướng chuyên môn hóa, giảm thiểu các đơn vị đầu mối để thích ứng với yêu cầu mới.

- Phát triển, thu hút, trọng dụng nhân lực trình độ cao, chuyên nghiệp; tăng cường huy động và sử dụng các chuyên gia, nhà khoa học về khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin; ưu tiên sử dụng nhân lực tại chỗ đối với các vùng khó khăn. Cử biệt phái một số công chức thống kê thuộc cơ quan thống kê trung ương đến làm việc tại tổ chức thống kê bộ, ngành để tăng cường nhân lực thống kê bộ, ngành.

- Đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng phát triển nhân lực theo hướng nâng cấp hệ thống đào tạo, chương trình, nội dung, hình thức, cấp độ đào tạo, bồi dưỡng đáp ứng yêu cầu các cấp, các ngành, địa phương. Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu khoa học thống kê và khoa học dữ liệu. Tăng cường hợp tác, liên kết trong công tác đào tạo, bồi dưỡng. Xây dựng văn hóa học tập thường xuyên, liên tục trong hệ thống thống kê.

2. Xây dựng, hoàn thiện, ban hành và áp dụng các tiêu chuẩn, quy trình, mô hình thống kê

- Xây dựng, hoàn thiện và ban hành đồng bộ các tiêu chuẩn thống kê, các quy trình sản xuất thông tin thống kê bao gồm quy trình chung và các quy trình chi tiết phù hợp với chuẩn mực, thông lệ quốc tế và điều kiện thực tế của Việt Nam.

- Triển khai áp dụng thống nhất các tiêu chuẩn thống kê, các quy trình sản xuất thông tin thống kê làm cơ sở để thực hiện tự liệu hóa và đánh giá chất lượng thông tin thống kê.

- Từng bước nghiên cứu, xây dựng, ban hành và áp dụng các mô hình thống kê hiện đại phù hợp với thông lệ quốc tế và điều kiện thực tế của Việt Nam.

3. Hiện đại hóa hoạt động thu thập, xử lý và quản trị dữ liệu

- Tăng cường áp dụng phương pháp luận tiên tiến, hiện đại; đa dạng hóa hình thức và ứng dụng tối đa công nghệ thông tin trong hoạt động thu thập, xử lý dữ liệu thống kê. Ưu tiên sử dụng dữ liệu hành chính, dữ liệu sẵn có của các cơ quan quản lý nhà nước cho hoạt động thống kê, trên cơ sở kết nối, chia sẻ dữ liệu với các bộ, ngành, địa phương. Đổi mới mạnh mẽ thiết kế điều tra và tổng điều tra thống kê theo hướng tích hợp các cuộc điều tra và ứng dụng tối đa công nghệ thông tin trong tất cả các bước của quy trình điều tra để tăng độ tin cậy của dữ liệu và giảm gánh nặng cho các đối tượng cung cấp thông tin. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học thống kê, khoa học dữ liệu để khai thác nguồn dữ liệu lớn, dữ liệu mới cho hoạt động thống kê.

- Quản trị dữ liệu theo hướng tập trung và mở trên nền tảng kiến trúc tổng thể và công nghệ tiên tiến, hiện đại, bảo đảm an toàn, an ninh dữ liệu. Tích hợp các nguồn dữ liệu khác nhau hướng tới dữ liệu được cập nhật theo thời gian thực. Hình thành cơ sở dữ liệu thống kê tập trung, thống nhất. Ưu tiên xây dựng hệ thống thông tin thống kê quốc gia phục vụ yêu cầu quản lý, điều hành của các cấp các ngành.

- Xây dựng trung tâm dữ liệu thống kê tập trung và cơ chế cung cấp dữ liệu thống kê bảo đảm đáp ứng tối đa nhu cầu thông tin thống kê, từng bước cung cấp dữ liệu thống kê vi mô.

4. Đổi mới hoạt động xác định nhu cầu, phân tích, dự báo, biên soạn và phổ biến thông tin thống kê

- Đổi mới phương pháp, hình thức và công cụ xác định nhu cầu sử dụng thông tin kịp thời, chính xác để sản xuất và cung cấp thông tin thống kê phù hợp với nhu cầu của người dùng tin trong nước và quốc tế.

- Nghiên cứu, áp dụng khung lý thuyết, mô hình, phương pháp, công cụ tiên tiến, hiện đại để nâng cao chất lượng hoạt động phân tích và dự báo thống kê.

- Đổi mới phương pháp, nội dung, hình thức và ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại vào hoạt động biên soạn thông tin thống kê. Biên soạn đầy đủ, chi tiết chỉ tiêu thuộc các hệ thống chỉ tiêu thống kê. Chú trọng nâng cao chất lượng chỉ tiêu thống kê xã hội, môi trường và chỉ tiêu thống kê phản ánh năng suất, chất lượng, hiệu quả của nền kinh tế.

- Đa dạng hóa hình thức, nội dung công bố, cung cấp và phổ biến, thông tin thống kê; đẩy mạnh hình thức trực quan hóa dữ liệu. Xây dựng cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thống kê.

- Đẩy mạnh công tác truyền thông, đa dạng hóa hình thức và phương tiện truyền thông nhằm nâng cao nhận thức vai trò, tầm quan trọng của thống kê. Chú trọng sử dụng các phương tiện truyền thông xã hội để phổ biến, giáo dục pháp luật về thống kê, kiến thức và kỹ năng sử dụng thông tin thống kê. Tăng cường tương tác với người cung cấp và người sử dụng thông tin thống kê.

5. Đẩy nhanh tư liệu hóa, chuyển đổi số trong công tác thống kê

- Nghiên cứu, đề xuất xây dựng sửa đổi quy chế, chính sách về công nghệ thông tin để đảm bảo thực hiện tư liệu hóa và chuyển đổi số trong công tác thống kê.

- Xây dựng cơ sở hạ tầng tạo nền tảng chuyển đổi số trong công tác thống kê. Tập trung nghiên cứu, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, khoa học dữ liệu, dữ liệu lớn, điện toán đám mây, internet vạn vật, chuỗi khối... vào công tác thống kê.

- Thực hiện thường xuyên, liên tục việc ghi chép, ghi nhận hoạt động trong lĩnh vực thống kê theo các quy trình sản xuất thông tin thống kê và hoạt động quản lý, điều hành; chuẩn hóa, số hóa, lưu trữ và quản lý trên không gian mạng.

6. Mở rộng, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động hợp tác quốc tế, thống kê nước ngoài trong công tác thống kê

- Duy trì quan hệ hợp tác với các cơ quan thống kê, tổ chức quốc tế, đối tác phát triển; tăng cường hợp tác song phương, đa phương với các quốc gia có trình độ thống kê phát triển. Tham gia tích cực, có trách nhiệm vào các hoạt động của thống kê Liên hợp quốc và khu vực. Đẩy mạnh cung cấp hỗ trợ kỹ thuật cho các quốc gia trong khu vực và trên thế giới. Chủ động đăng cai tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế về thống kê.

- Nâng cao chất lượng công tác thống kê nước ngoài, đảm bảo so sánh quốc tế. Tăng cường thu thập, biên soạn và phổ biến thông tin thống kê đáp ứng tối đa nhu cầu của mọi đối tượng dùng tin trong và ngoài nước.

- Tăng cường huy động, sử dụng hiệu quả hỗ trợ kỹ thuật và tài chính từ các quốc gia và các tổ chức quốc tế cho việc thực hiện Chiến lược phát triển thống kê.

7. Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo

- Tăng cường nghiên cứu, ứng dụng phương pháp luận, chuẩn mực, quy trình thống kê tiên tiến; khoa học dữ liệu, dữ liệu mới để tăng độ tin cậy và mức độ chi tiết của dữ liệu thống kê. Ưu tiên nghiên cứu, áp dụng phương pháp đo lường các hiện tượng mới phát sinh để phản ánh kịp thời, đầy đủ kết quả hoạt động kinh tế - xã hội của đất nước.

- Tập trung nghiên cứu các chính sách, chiến lược, mô hình thống kê hiện đại và thực hành thống kê tốt để cung cấp luận cứ khoa học cho việc xây dựng chính sách, chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam.

- Đẩy mạnh đổi mới sáng tạo; mở rộng các hoạt động hợp tác, hình thành mạng lưới các nhà khoa học, chuyên gia về khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin và chuyển đổi số.

8. Tăng cường kiểm tra, giám sát, thanh tra chuyên ngành thống kê

- Tăng cường kiểm tra, thanh tra việc cung cấp thông tin của các tổ chức, cá nhân; tập trung vào việc cung cấp dữ liệu hành chính của các cơ quan nhà nước.

- Đẩy mạnh kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước đã được cấp có thẩm quyền công bố.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc tuân thủ Luật Thống kê, tiêu chuẩn, quy trình sản xuất thông tin thống kê của các cơ quan thống kê thuộc hệ thống thống kê tập trung, tổ chức thống kê bộ, ngành, hoạt động thống kê ở cấp xã, cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập.

9. Tăng cường cơ sở vật chất và huy động các nguồn lực tài chính phục vụ công tác thống kê

Kinh phí thực hiện Chiến lược phát triển thống kê được đảm bảo từ ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác. Tập trung xây dựng và phát triển hạ tầng số, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin trong công tác thống kê. Ưu tiên xây dựng trung tâm dữ liệu thống kê tập trung từ nguồn vốn đầu tư công. Tiếp tục đầu tư hiện đại hóa cơ sở vật chất, phương tiện và trang thiết bị phục vụ công tác quản lý nhà nước về thống kê.

V. CÁC ĐỀ ÁN VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

1. Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ các đề án sau đây:

- a) Phát triển nguồn nhân lực thống kê;
- b) Xây dựng Luật Thống kê (sửa đổi) và các văn bản liên quan;
- c) Đổi mới cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của hệ thống thống kê tập trung;
- d) Tăng cường năng lực thống kê bộ, ngành;
- đ) Xây dựng, ban hành tiêu chuẩn, quy trình sản xuất thông tin thống kê;
- e) Xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia tập trung, thống nhất;
- g) Tự liệu hóa và chuyển đổi số trong công tác thống kê.

(Chi tiết tại Phụ lục 4 kèm theo)

2. Căn cứ các nhiệm vụ và giải pháp đặt ra tại Chiến lược phát triển thống kê này, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) chủ động xây dựng các đề án khác thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) và tổ chức triển khai thực hiện nhằm đạt được các mục tiêu đề ra.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao (viết gọn là bộ, ngành), Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện các nhiệm vụ chủ yếu sau:

- Ban hành chương trình hành động, kế hoạch thực hiện, khung theo dõi thực hiện Chiến lược phát triển thống kê; hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện Chiến lược phát triển thống kê của bộ, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; định kỳ 02 năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện Chiến lược phát triển thống kê; tổ chức sơ kết, đánh giá giữa kỳ vào năm 2025, tổ chức tổng kết, đánh giá, khen thưởng cuối kỳ thực hiện Chiến lược phát triển thống kê vào năm 2030.

- Phối hợp Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng nhằm đảm bảo an toàn hệ thống thông tin dữ liệu.

- Huy động các nguồn lực trong và ngoài nước thực hiện Chiến lược phát triển thống kê; bố trí nguồn vốn đầu tư công để thực hiện đầu tư trung tâm dữ liệu thống kê tập trung và trụ sở cơ quan thống kê tại địa phương.

2. Các bộ, ngành có trách nhiệm xây dựng kế hoạch thực hiện, bố trí các nguồn lực, xây dựng dự toán kinh phí, tổ chức thực hiện Chiến lược phát triển thống kê thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành; đặc biệt tập trung nâng cao năng lực thống kê bộ, ngành, chia sẻ dữ liệu hành chính do bộ, ngành quản lý để xây dựng hệ thống thông tin thống kê quốc gia.

3. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư bố trí kinh phí ngân sách nhà nước hàng năm thực hiện Chiến lược phát triển thống kê.

4. Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng và thực hiện kế hoạch truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng về vị trí, vai trò của hoạt động thống kê và trách nhiệm của cộng đồng đối với công tác thống kê.

5. Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, và các bộ, ngành, địa phương liên quan bổ sung quy hoạch, thành lập Học viện Thống kê thuộc mạng lưới trường đại học trên cơ sở sáp nhập 02 Trường Cao đẳng Thống kê và Viện Khoa học Thống kê của Tổng cục Thống kê để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng về số lượng và chất lượng đối với công chức, viên chức thuộc hệ thống tổ chức thống kê nhà nước và nhu cầu xã hội.

6. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xây dựng kế hoạch, bố trí các nguồn lực, tổ chức thực hiện Chiến lược phát triển thống kê thuộc phạm vi quản lý của địa phương; ưu tiên nguồn kinh phí đào tạo, bồi dưỡng trình độ chuyên môn, nghiệp vụ thống kê cho người làm công tác thống kê cấp xã; giao Cục Thống kê chủ trì, phối hợp với các sở, ngành triển khai các nhiệm vụ của Chiến lược thống kê thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

PHỤ LỤC I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA CLTK11-20

Trong tổng số 119 hoạt động của CLTK11-20, 100 hoạt động đã hoàn thành (84%), 19 hoạt động chưa hoàn thành (16%).

Bảng 4. Mức độ hoàn thành các hoạt động CLTK11-20 theo chương trình hành động

TT	Chương trình hành động	Số công việc theo Kế hoạch		
		Tổng số	Chia ra:	
			Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành
	Tổng số	119	100	19
1	Hoàn thiện thể chế, khuôn khổ pháp lý và cơ chế điều phối các hoạt động thống kê	9	7	2
2	Tăng cường nghiên cứu, ứng dụng phương pháp luận thống kê tiên tiến và xây dựng, chuẩn hóa các quy trình thống kê theo chuẩn mực quốc tế	26	23	3
3	Đổi mới, hoàn thiện và nâng cao chất lượng hoạt động thu thập thông tin thống kê	18	15	3
4	Đổi mới, hoàn thiện và nâng cao chất lượng hoạt động xử lý, tổng hợp và phổ biến thông tin thống kê	18	14	4
5	Đẩy mạnh phân tích và dự báo thống kê	6	6	0
6	Ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin và truyền thông trong hoạt động thống kê	17	13	4
7	Phát triển nhân lực làm công tác thống kê	10	7	3
8	Mở rộng và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong lĩnh vực thống kê	8	8	0
9	Tăng cường cơ sở vật chất và huy động các nguồn lực tài chính phục vụ hoạt động thống kê	7	7	0

Nguồn: Tổng hợp từ Báo cáo tổng kết thực hiện CLTK11-20 của các bộ, ngành và UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

(Kết quả thực hiện chi tiết các chương trình hành động của CLTK11-20 xem chi tiết tại Phụ lục 2).

1. Hoàn thiện thể chế, khuôn khổ pháp lý và cơ chế điều phối các hoạt động thống kê

Trong 10 năm qua, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ, ngành và địa phương đã soạn thảo, trình Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng ban hành hơn 50 văn bản quy phạm pháp luật và văn bản pháp lý khác trong lĩnh vực thống kê (chi tiết xem tại Phụ lục 3). Các văn bản pháp lý nói trên đã, đang được triển khai thực hiện nghiêm túc trong toàn ngành Thống kê, tạo dựng môi trường pháp lý thuận lợi cho các hoạt động thống kê phát triển, đồng thời nâng cao ý thức chấp hành pháp luật về thống kê. Giai đoạn 2016-2020, Tổng cục Thống kê đã thực hiện 1832 cuộc thanh tra, tăng 306 cuộc so với giai đoạn 2011-2015, nhưng số vụ xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê đã giảm 61 vụ (từ 93 vụ xuống 32 vụ) và tổng số tiền xử phạt vi phạm hành chính cũng giảm 164,175 triệu đồng (từ 206,675 triệu đồng xuống còn 42,5 triệu đồng).

Hệ thống tổ chức thống kê đã được củng cố và đang tiếp tục hoàn thiện theo quy định của Nghị định số 85/2017/NĐ-CP ngày 19/7/2017 của Chính phủ quy định cơ cấu, nhiệm vụ, quyền hạn của hệ thống tổ chức thống kê tập trung và thống kê bộ, cơ quan ngang bộ. Cơ cấu tổ chức của hệ thống thống kê tập trung đã được đổi mới theo hướng chuyên môn hóa các khâu của quá trình thống kê theo Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg ngày 18/03/2020 của Thủ tướng Chính phủ định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thống kê thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Theo đó, số lượng đơn vị bên trong hệ thống thống kê tập trung giảm 402 đơn vị (33%), trong đó, cơ quan thống kê ở trung ương giảm 04 đơn vị, cơ quan thống kê ở địa phương giảm 398 đơn vị.

Bảng 5. Số đơn vị của Tổng cục Thống kê ở cấp trung ương và địa phương

STT		Số đơn vị tại 31/12/2019	Số đơn vị theo QĐ số 10/2020/QĐ-TTg	Số đơn vị giảm
A	B	1	2	3=2-1
	Tổng số	1220	818	-402
I	Cơ quan thống kê ở Trung ương	24	20	-4
1	Đơn vị hành chính	15	15	0
2	Đơn vị sự nghiệp	9	5	-4
II	Cơ quan thống kê ở địa phương	1196	798	-398
1	Cục Thống kê	63	63	0
2	Các phòng thuộc Cục	425	315	-110
3	Chi cục Thống kê	708	420	-288

Nguồn: Viện Khoa học Thống kê⁵¹

⁵¹ Đoàn Dũng (2020), *Tổng cục Thống kê giảm hơn 400 đơn vị*, truy cập tại <http://vienthongke.vn/tin-tuc/43-tin->

Đối với các bộ, ngành, đã có 20 bộ, ngành thành lập tổ chức thống kê thuộc bộ, ngành, tăng 6 bộ, ngành so với năm 2010⁵².

Tại địa phương, hầu hết các sở, ngành chưa hình thành tổ chức thống kê⁵³ nhưng đã bố trí công chức kiêm nhiệm làm công tác thống kê phục vụ quản lý, điều hành của sở, ngành. Các xã, phường, thị trấn (gọi chung là xã) đã bố trí chức danh công chức Văn phòng - Thống kê⁵⁴ để thực hiện công tác thống kê. Tuy nhiên, chất lượng công chức thống kê xã chưa được nâng lên. Hầu hết công chức thống kê xã chủ yếu thực hiện công tác văn phòng, một cửa, chưa đầu tư nhiều thời gian cho công tác thống kê.

Chính sách phổ biến thông tin thống kê Nhà nước được ban hành tại Quyết định số 34/2013/QĐ-TTg ngày 4/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ, sau được quy định tại Nghị định số 94/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ. Tổng cục Thống kê và 11 bộ, ngành, cơ quan⁵⁵ đã ký kết cơ chế phối hợp và chia sẻ thông tin thống kê.

2. Tăng cường nghiên cứu, ứng dụng phương pháp luận thống kê tiên tiến và xây dựng, chuẩn hóa các quy trình thống kê theo chuẩn mực quốc tế

Tổng cục Thống kê đã thực hiện 96 nhiệm vụ khoa học trong giai đoạn 2011-2020. Các kết quả nghiên cứu đã được áp dụng toàn bộ hoặc từng phần vào thực tiễn công tác thống kê, góp phần hoàn thiện phương pháp luận thống kê của các chuyên ngành theo các phiên bản mới của các tổ chức quốc tế. Một số kết quả nghiên cứu nổi bật như: cập nhật thống kê tài khoản quốc gia theo Hệ thống tài khoản quốc gia phiên bản năm 2008 của Liên hợp quốc (SNA 2008), đổi mới quy trình biên soạn số liệu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (GRDP); nghiên cứu, áp dụng khung đảm bảo chất lượng thống kê quốc gia (NQAF) của Liên hợp quốc; xây dựng Bộ tiêu chí chất lượng thống kê nhà nước đến năm 2030⁵⁶; nghiên cứu xây dựng, hoàn thiện Hệ thống tiêu chuẩn thống kê nhà nước; biên soạn tài liệu hướng dẫn phương pháp luận

tuc/3616-tong-cuc-thong-ke-giam-hon-400-don-vi-

⁵² Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Tài chính; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bộ Khoa học và Công nghệ; Toà án nhân dân tối cao; Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội; Bộ Công thương; Bộ Giao thông Vận tải; Bộ Tư pháp; Bộ Y tế; Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Xây dựng; Bộ Công an; Bộ Tài nguyên và Môi trường; Bộ Quốc phòng; Ủy ban Dân tộc; Bộ Thông tin và Truyền thông; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

⁵³ Chỉ một số Sở Tài chính và Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh có tổ chức thống kê, cụ thể: 43 Sở Tài chính có Phòng Tin học và Thống kê; 63 Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, 3 Viện kiểm sát nhân dân cấp cao và Viện kiểm sát quân sự Trung ương đều có bộ phận thực hiện công tác thống kê chuyên trách.

⁵⁴ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về quy định chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.

⁵⁵ Bộ Công Thương; Ban Kinh tế trung ương; Ủy ban Dân tộc; Tổng cục Thuế; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Y tế; Bộ Thông tin và Truyền thông; Tổng công ty Bưu điện Việt Nam; Trường Đại học kinh tế (Đại học Đà Nẵng); Trường Đại học Kinh tế quốc dân.

⁵⁶ Quyết định số 01/2019/QĐ-TTg ngày 05/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí chất lượng thống kê nhà nước đến năm 2030.

thống kê của các chuyên ngành⁵⁷; ứng dụng công nghệ thông tin trong thu thập thông tin, dữ liệu từ các nguồn dữ liệu mới như nguồn dữ liệu lớn (big data) phục vụ sản xuất chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá bất động sản; nghiên cứu, xây dựng các đề án thống kê⁵⁸.

Phương pháp luận thống kê quốc tế cũng được các bộ, ngành nghiên cứu và áp dụng trong công tác thống kê: nghiên cứu chuyển đổi thí điểm số liệu thống kê tài chính - ngân sách nhà nước sang định dạng thống kê tài chính chính phủ GFSM2001 do Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) biên soạn và đăng tải trên website của IMF về số liệu thu chi ngân sách của Việt Nam giai đoạn 2001-2012 (Bộ Tài chính); biên soạn Bảng cân cán thanh toán quốc tế của Việt Nam hướng dẫn tại BPM6 được quy định tại Nghị định số 16/2014/NĐ-CP ngày 3/3/2014 của Chính phủ về quản lý cán cân thanh toán quốc tế của Việt Nam, điều tra vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào Việt Nam nhằm nâng cao chất lượng lập cán cân thanh toán quốc tế (Ngân hàng Nhà nước Việt Nam); biên soạn sách hướng dẫn phương pháp luận thống kê và nghiệp vụ thống kê⁵⁹.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) và các bộ, ngành đã xây dựng và trình cấp có thẩm quyền ban hành các bảng danh mục, phân loại thống kê quốc gia như: Danh mục đơn vị hành chính Việt Nam; Bảng phân loại tiêu dùng theo mục đích của hộ gia đình Việt Nam⁶⁰ (COICOP), Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam⁶¹, Hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam⁶². Danh mục hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam⁶³; Danh mục dịch vụ xuất, nhập khẩu Việt Nam⁶⁴; Danh mục giáo dục đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân⁶⁵; Hệ thống

⁵⁷ Từ điển Thống kê, Sổ tay thống kê giới, Sổ tay thống kê môi trường, Sổ tay thống kê vốn đầu tư, Giáo trình thống kê dân số và lao động, Tài liệu Phương pháp biên soạn hệ thống tài khoản quốc gia ở Việt Nam.

⁵⁸ Quyết định số 643/QĐ-TTg ngày 11/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tăng cường quản lý nhà nước về chất lượng Thống kê đến năm 2030; Quyết định số 501/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 10/5/2018 phê duyệt Đề án ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông trong Hệ thống thống kê nhà nước giai đoạn 2017-2025, tầm nhìn đến năm 2030; Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 01/02/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án thống kê khu vực kinh tế chưa được quan sát.

⁵⁹ Cẩm nang thống kê đào tạo (Bộ Giáo dục và Đào tạo); Sổ tay hướng dẫn nghiệp vụ về công tác thống kê ngành Tư pháp (Bộ Tư pháp); Sổ tay hướng dẫn quy trình tra soát, kiểm duyệt báo cáo thống kê, Sổ tay hướng dẫn điều tra xu hướng kinh doanh và điều tra kỳ vọng lạm phát, Sổ tay thống kê tài chính, tiền tệ, Sổ tay dự báo (Ngân hàng Nhà nước Việt Nam); Phương pháp biên soạn hệ thống thống kê tài chính Việt Nam, Cẩm nang hướng dẫn thống kê tài chính chính phủ (GSF) tại Việt Nam (Bộ Tài chính); Tài liệu hướng dẫn thống kê y tế (Bộ Y tế); Cẩm nang OSLO “Hướng dẫn thu thập và diễn giải dữ liệu về đổi mới sáng tạo”, Cẩm nang FRASCATI “Thực tiễn về Tiêu chuẩn đề xuất cho các cuộc điều tra Nghiên cứu và Phát triển thực nghiệm” (Bộ Khoa học và Công nghệ).

⁶⁰ Quyết định số 11/2018/QĐ-TTg ngày 01/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bảng phân loại tiêu dùng theo mục đích của hộ gia đình Việt Nam.

⁶¹ Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam.

⁶² Quyết định số 43/2018/QĐ-TTg ngày 01/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam.

⁶³ Thông tư số 65/2017/TT-BTC ngày 27/6/2017 của Bộ Tài chính ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam.

⁶⁴ Quyết định số 28/2011/QĐ-TTg ngày 17/5/2011 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục dịch vụ xuất, nhập khẩu Việt Nam.

danh mục điện tử dùng chung trong lĩnh vực tài chính⁶⁶; Phân loại khu vực thể chế áp dụng trong thống kê Việt Nam⁶⁷.

Các kết quả nghiên cứu, áp dụng phương pháp luận, tiêu chuẩn và quy trình thống kê theo chuẩn quốc tế đã góp phần nâng chỉ số phương pháp luận thống kê của Việt Nam năm 2020 của Việt Nam đạt **50 điểm** (thang điểm 100), tăng 20 điểm so với năm 2010.

3. Đổi mới, hoàn thiện và nâng cao chất lượng hoạt động thu thập thông tin thống kê

Hệ thống các chỉ tiêu thống kê được xây dựng và hoàn thiện đồng bộ. Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành xây dựng và trình ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia theo Luật Thống kê năm 2015; chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành xây dựng hệ thống chỉ tiêu thống kê ASEAN⁶⁸, bộ chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững của Việt Nam⁶⁹, bộ chỉ tiêu thống kê phát triển giới của quốc gia⁷⁰. Giai đoạn 2011-2015, 17 bộ, ngành⁷¹ đã ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê (tăng 5 bộ, ngành so với năm 2010). Sau khi Luật Thống kê năm 2015 được ban hành, 20 bộ, ngành⁷² đã rà soát, hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu thống kê đồng bộ với hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia mới được quy định theo Luật (tăng 8 bộ, ngành so với năm 2010).

Chương trình điều tra thống kê quốc gia mới đã được hoàn thiện và ban hành⁷³ gồm 50 cuộc điều tra các loại, trong đó có 3 cuộc Tổng điều tra⁷⁴ và 47 cuộc điều tra thống kê (điều tra toàn bộ, điều tra chọn mẫu). Theo đó, Tổng cục Thống kê chủ trì thực hiện 35 cuộc điều tra thống kê (chiếm 70%), các bộ, ngành (9 bộ, ngành) chủ trì thực hiện 15 cuộc điều tra thống kê (chiếm 30%).

⁶⁵ Quyết định số 01/2017/QĐ-TTg ngày 17/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục Giáo dục đào tạo.

⁶⁶ Thông tư số 18/2017/TT-BTC ngày 28/02/2017 của Bộ Tài chính ban hành Hệ thống danh mục điện tử dùng chung trong lĩnh vực tài chính.

⁶⁷ Thông tư số 02/2020/TT-BKHĐT ngày 23/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định phân loại khu vực thể chế áp dụng trong thống kê Việt Nam.

⁶⁸ Thông tư số 06/2018/TT-BKHĐT ngày 11/12/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê ASEAN.

⁶⁹ Thông tư số 03/2019/TT-BKHĐT ngày 22/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững của Việt Nam.

⁷⁰ Thông tư số 10/2019/TT-BKHĐT ngày 30/7/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển giới của quốc gia.

⁷¹ Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công an, Bộ Tài chính, Bộ Công Thương, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Giao thông Vận tải, Bộ Xây dựng, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Bộ Y tế, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy Ban Dân tộc, Đài Truyền hình Việt Nam, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

⁷² Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công Thương, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ, Bộ Xây dựng, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Tài chính, Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bảo hiểm Xã hội Việt Nam, Ủy ban dân tộc, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

⁷³ Quyết định số 43/2016/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình điều tra thống kê quốc gia (thay thế cho Chương trình điều tra thống kê quốc gia ban hành theo Quyết định số 803/QĐ-TTg ngày 28/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ).

⁷⁴ Tổng điều tra dân số và nhà ở, Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và Tổng điều tra kinh tế.

Cho đến nay, 33 cuộc điều tra đã được thực hiện, trong đó Tổng cục Thống kê đã thực hiện được 28 cuộc, các bộ, ngành đã thực hiện được 5 cuộc. Các cuộc tổng điều tra và điều tra thống kê đã được đổi mới về nội dung, cải tiến về phương pháp thu thập số liệu⁷⁵, nhằm tiết kiệm chi phí và giảm gánh nặng trả lời cho các đối tượng cung cấp thông tin.

Bảng 6. Thực hiện điều tra theo Chương trình điều tra thống kê quốc gia

TT	Cơ quan chủ trì thực hiện	Tổng số TĐT/ĐT được giao	Số TĐT/ĐT đã thực hiện đầy đủ theo quy định	Số TĐT/ĐT chưa thực hiện	
				Chưa đến kỳ điều tra	Đến kỳ điều tra nhưng chưa thực hiện ⁷⁶
A	B	1	2	3	4
	Tổng số	50	33	10	7
1	Tổng cục Thống kê	35	28	5	2
2	Bộ, ngành	15	5	5	5

Nguồn: Báo cáo tổng kết thực hiện các chỉ tiêu thống kê ban hành kèm theo Luật Thống kê của Tổng cục Thống kê năm 2020

Đối với các cuộc điều tra ngoài chương trình điều tra thống kê quốc gia, mới chỉ có Bộ Khoa học và Công nghệ đã xây dựng và ban hành danh mục các cuộc điều tra ngoài chương trình điều tra thống kê quốc gia của Bộ⁷⁷.

Các chế độ báo cáo thống kê được rà soát và cập nhật. Chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia được ban hành⁷⁸ thay thế Chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng cho bộ, ngành ban hành năm 2014⁷⁹. Chế độ báo cáo thống kê ngành Thống kê⁸⁰ được ban hành thay thế Chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp

⁷⁵ Tổng cục Thống kê đã sử dụng thiết bị kỹ thuật số hỗ trợ cá nhân (CAPI) trong điều tra tính chỉ số giá tiêu dùng; điều tra lao động việc làm; điều tra chăn nuôi; khảo sát mức sống dân cư và Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019; sử dụng phiếu điều tra điện tử (e-form) đối với điều tra sản phẩm công nghiệp hàng tháng (IIP).

⁷⁶ 2 cuộc điều tra Tổng cục Thống kê chưa thực hiện gồm: Điều tra thu thập thông tin lập bảng cân đối liên ngành và tính hệ số chi phí trung gian; điều tra thu thập thông tin tính các chỉ tiêu giá trị sản xuất và giá trị tăng thêm của các đơn vị sự nghiệp và tổ chức vô vị lợi. 5 cuộc điều tra các bộ, ngành chưa thực hiện gồm: Điều tra hoạt động cung cấp dịch vụ thông tin và truyền thông, điều tra giá xây dựng, điều tra các chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật đô thị, điều tra dinh dưỡng, điều tra các cơ sở giáo dục ngoài công lập.

⁷⁷ Thông tư số 04/2018/TT-BKHCN ngày 15/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định các cuộc điều tra thống kê khoa học và công nghệ ngoài chương trình điều tra thống kê quốc gia.

⁷⁸ Nghị định số 60/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 của Chính phủ quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia.

⁷⁹ Quyết định số 15/2014/QĐ-TTg ngày 14/02/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng cho Bộ, ngành.

⁸⁰ Thông tư số 01/2019/TT-BKHĐT ngày 04/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định Chế độ báo cáo thống kê ngành Thống kê.

dụng đối với Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương⁸¹. Chế độ báo cáo thống kê cơ sở áp dụng đối với doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp và dự án có vốn đầu tư nước ngoài cũng được ban hành⁸². Giai đoạn 2011-2015, **20 bộ, ngành**⁸³ đã ban hành chế độ báo cáo thống kê áp dụng đối với sở, ngành địa phương (tăng 8 bộ, ngành so với năm 2010). Sau khi Luật Thống kê năm 2015 được ban hành, **21 bộ, ngành**⁸⁴ đã rà soát, cập nhật chế độ báo cáo thống kê cấp bộ, ngành phù hợp với các quy định của Luật Thống kê năm 2015 và hệ thống chỉ tiêu thống kê mới của bộ, ngành (tăng 9 bộ, ngành so với năm 2010).

Bên cạnh nguồn dữ liệu từ điều tra, ngành Thống kê cũng đang tích cực khai thác các nguồn dữ liệu hành chính để phục vụ cho thống kê. Tổng cục Thống kê đã khai thác nguồn thông tin của Tổng cục Thuế để cập nhật danh sách doanh nghiệp để xây dựng dàn mẫu điều tra thống kê. Tổng cục Hải quan (Bộ Tài chính) khai thác nguồn dữ liệu từ hệ thống tờ khai xuất nhập khẩu hàng hóa phục vụ thống kê xuất nhập khẩu hàng hóa. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn khai thác dữ liệu từ Tổng kiểm kê Rừng giai đoạn 2011 -2015 phục vụ thống kê lâm nghiệp (số liệu về diện tích rừng, trữ lượng rừng trồng theo nhóm cây, loại cây, tuổi của cây). Bộ Tài nguyên và Môi trường khai thác dữ liệu từ Hệ thống thông tin đăng ký đất đai phục vụ thống kê hiện trạng sử dụng đất đai. Bộ Giao thông vận tải khai thác nguồn dữ liệu từ hệ thống đăng kiểm phương tiện vận tải cơ giới đường bộ phục vụ thống kê vận tải. Hiện nay, Tổng cục Thống kê cũng đang nghiên cứu và thử nghiệm khai thác nguồn dữ liệu lớn để tính toán chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá bất động sản, các chỉ tiêu thống kê về di cư nội địa.

Việc đổi mới, hoàn thiện và nâng cao chất lượng hoạt động thu thập thông tin thống kê đã nâng chỉ số về nguồn dữ liệu của Việt Nam năm 2020 của Việt Nam đạt **90 điểm** (thang điểm 100), tăng 10 điểm so với năm 2010.

4. Đổi mới, hoàn thiện và nâng cao chất lượng hoạt động xử lý, tổng hợp và phổ biến thông tin thống kê

Quy trình sản xuất thông tin thống kê cấp cao đã được ban hành, áp dụng

⁸¹ Thông tư số 08/2012/TT-BKHĐT ngày 07/11/2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định Chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

⁸² Quyết định số 77/2010/QĐ-TTg ngày 30/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ về Chế độ báo cáo thống kê cơ sở áp dụng đối với doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp và dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

⁸³ Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Tư pháp; Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Công Thương; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Tài chính; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ngân hàng nhà nước Việt Nam; Bộ Tài nguyên và Môi trường; Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội; Bộ Y tế; Bộ Giao thông vận tải; Bộ Công an; Viện Kiểm sát nhân dân tối cao; Bộ Xây dựng; Bảo hiểm xã hội Việt Nam; Tòa án nhân dân tối cao; Bộ Nội Vụ; Ủy Ban dân tộc.

⁸⁴ Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công Thương, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ, Bộ Xây dựng, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Tài chính, Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bảo hiểm Xã hội Việt Nam, Ủy ban Dân tộc, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

trong toàn bộ Hệ thống thống kê tập trung⁸⁵. Quy trình biên soạn số liệu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương⁸⁶ đã được đổi mới nhằm khắc phục triệt để tình trạng chênh lệch số liệu giữa các tỉnh, thành phố với phạm vi cả nước. Quy trình tổng hợp, biên soạn và phổ biến Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội hàng tháng và Niên giám thống kê đã được qui định trong Quy chế phổ biến thông tin thống kê của Tổng cục Thống kê⁸⁷.

Chính sách phổ biến thông tin thống kê Nhà nước được ban hành theo Quyết định số 34/2013/QĐ-TTg ngày 4/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ và được quy định trong Luật Thống kê tại Nghị định số 94/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ. Quy chế phổ biến thông tin thống kê của Tổng cục Thống kê đã được ban hành. Lịch công bố thông tin thống kê hàng năm đã được công khai trên trang thông tin điện tử của Tổng cục Thống kê⁸⁸, các Cục Thống kê cấp tỉnh. Đây là lần đầu tiên ngành Thống kê có Lịch công bố thông tin được ban hành hàng năm, theo chuẩn mực quốc tế. Tài liệu “Giới thiệu một số sản phẩm thông tin thống kê chủ yếu” phát hành định kỳ hàng năm. Quy trình phổ biến số liệu thống kê kinh tế - xã hội của Việt Nam ra nước ngoài và các tổ chức quốc tế đã được xây dựng và áp dụng⁸⁹.

Bộ Giao thông vận tải, Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã xây dựng và thực hiện quy chế phổ biến thông tin thống kê. Bộ Tư pháp, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính đã xây dựng và ban hành lịch phổ biến thông tin thống kê. **11 bộ, ngành** thực hiện biên soạn niên giám thống kê (hay ấn phẩm thường niên tương tự như niên giám thống kê)⁹⁰.

Thực hiện Quyết định số 43/2010/QĐ-TTg ngày 02/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ⁹¹, 211 chỉ tiêu trong tổng số 350 chỉ tiêu thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia⁹² đã được công bố (đạt 60%). Đối với hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia mới được quy định trong Luật Thống kê năm 2015, đã công bố được **176 chỉ tiêu** trong tổng số 186 chỉ tiêu thống kê (**đạt 95%**)⁹³.

⁸⁵ Quyết định số 945/QĐ-TCTK ngày 24/9/2013 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê phê duyệt Quy trình sản xuất thông tin thống kê cấp cao của Tổng cục Thống kê.

⁸⁶ Quyết định số 715/QĐ-TTg ngày 22/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới quy trình biên soạn số liệu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

⁸⁷ Điều 9, Quyết định số 680/QĐ-BKHĐT ngày 28/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Quy chế phổ biến thông tin thống kê của Tổng cục Thống kê.

⁸⁸ Tại địa chỉ <https://www.gso.gov.vn/lich-pho-bien-thong-tin/>

⁸⁹ Quyết định số 138/QĐ-TCTK ngày 21/01/2017 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê về việc ban hành Quy chế quản lý các hoạt động hợp tác quốc tế của Tổng cục Thống kê.

⁹⁰ Bộ Giao thông vận tải; Bộ Xây dựng; Bộ Thông tin và Truyền thông; Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bộ Y tế; Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Tài nguyên và Môi trường; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Tòa án nhân dân tối cao; Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

⁹¹ Luật Thống kê năm 2015 quy định 186 chỉ tiêu thống kê quốc gia mới. Nghị định số 97/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định nội dung chỉ tiêu thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia.

⁹² Theo Báo cáo Tổng kết thực hiện Đề án đổi mới đồng bộ các hệ thống chỉ tiêu thống kê giai đoạn 2010-2015

⁹³ Theo Báo cáo tổng kết thực hiện các chỉ tiêu thống kê ban hành kèm theo Luật Thống kê của Tổng cục Thống kê.

Bảng 7. Kết quả thực hiện các hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia

STT	Hệ thống chỉ tiêu thống kê	Tổng số chỉ tiêu	Thu thập, tổng hợp, công bố đầy đủ các phân tổ	Thu thập, tổng hợp, công bố một số phân tổ	Chưa thu thập, tổng hợp, công bố
A	B	1	2	3	4
1	Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia theo Quyết định số 43/2010/QĐ-TTg	350	163	48	139
2	Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia theo Luật Thống kê năm 2015	186	106	70	10

Nguồn: Báo cáo Tổng kết thực hiện Đề án đổi mới đồng bộ các hệ thống chỉ tiêu thống kê giai đoạn 2010-2015, Báo cáo tổng kết thực hiện các chỉ tiêu thống kê ban hành kèm theo Luật Thống kê

Nhiều bộ, ngành đã thực hiện rà soát và xây dựng hệ thống chỉ tiêu thống kê của bộ, ngành đồng bộ với hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia. Đồng thời, các bộ, ngành cũng đã nỗ lực trong việc thu thập, tổng hợp và phổ biến các chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê của bộ, ngành.

Bảng 8. Kết quả thực hiện hệ thống chỉ tiêu thống kê của các bộ, ngành

STT	Bộ, ngành	Tổng số chỉ tiêu	Thu thập, tổng hợp, công bố/báo cáo đầy đủ các phân tổ	Thu thập, tổng hợp, công bố/báo cáo một số phân tổ	Chưa thu thập, tổng hợp, công bố/báo cáo
A	B	1	2	3	4
1	Bộ Thông tin và Truyền thông	80	17	62	1
2	Bộ Tư pháp	82	81	0	1
3	Bộ Tài nguyên và Môi trường	82	42	39	1
4	Bộ Giao thông vận tải	32	15	13	4
5	Bộ Công thương	85	80	1	4
6	Bộ Giáo dục và Đào tạo	63	57	6	0
7	Bộ Y tế	70	59	8	3
8	Bộ Tài chính	95	95	0	0

Nguồn: Tổng hợp từ Báo cáo tổng kết thực hiện CLTK11-20 của các bộ, ngành

Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã hiện nay thực hiện theo Quyết định số 54/2016/QĐ-TTg ngày 19/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ. Theo đó, 36/41 tỉnh có báo cáo kết quả thực hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh chưa thu thập, tổng hợp và công bố đầy đủ các chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh theo quy định; 25/41 tỉnh có báo cáo chưa thu thập, tổng hợp và công bố đầy đủ các chỉ tiêu thống kê cấp huyện theo quy định; 10/41 tỉnh có báo cáo chưa thu thập, tổng hợp và công bố đầy đủ các chỉ tiêu thống kê cấp xã theo quy định.

Trước đó, hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, huyện, xã thực hiện theo Thông tư số 02/2011/TT-BKHĐT ngày 10/01/2011 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Thực hiện Thông tư số 02/2011/TT-BKHĐT, tính đến 31/12/2015 kết quả thực hiện hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, huyện, xã được thể hiện trong Bảng 9 dưới đây.

Bảng 9. Thực hiện hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, huyện xã theo Thông tư số 02/2011/TT-BKHĐT ngày 10/01/2011

STT	Hệ thống chỉ tiêu thống kê	Số tỉnh, thành phố
1	Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh	
-	Thực hiện trên 90% số chỉ tiêu	21
-	Thực hiện từ 70% đến 90% số chỉ tiêu	26
-	Thực hiện từ 50% đến dưới 70% số chỉ tiêu	13
-	Thực hiện dưới 50% số chỉ tiêu	3
2	Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp huyện⁹⁴	
-	Thực hiện trên 90% số chỉ tiêu	24
-	Thực hiện từ 70% đến 90% số chỉ tiêu	16
-	Thực hiện từ 50% đến dưới 70% số chỉ tiêu	2
3	Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp xã⁹⁵	
-	Thực hiện từ 20-27 chỉ tiêu	23
-	Thực hiện dưới 20 chỉ tiêu	7

Nguồn: Báo cáo Tổng kết thực hiện Đề án đổi mới đồng bộ các hệ thống chỉ tiêu thống kê giai đoạn 2010-2015

Thông tin thống kê ngày càng được công bố và phổ biến rộng rãi dưới nhiều hình thức khác nhau (hợp báo định kỳ hàng quý, thông cáo báo chí, trang thông tin điện tử của Tổng cục Thống kê, Viện Khoa học Thống kê, các Cục Thống kê, các bộ, ngành, các tài liệu, ấn phẩm được công bố trong các hội

⁹⁴ Chỉ có 45/63 tỉnh, thành phố đã báo cáo chi tiết tình hình thực hiện hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp huyện

⁹⁵ Các tỉnh, thành phố còn lại không báo cáo rõ tình hình và kết quả thực hiện chỉ tiêu thống kê cấp xã

ngiht⁹⁶,...). Tổng cục Thống kê đã tổ chức họp báo định kỳ hàng quý công bố số liệu, đặc biệt từ năm 2020 tất cả các Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cũng đã tổ chức họp báo công bố số liệu của địa phương. Thông tin thống kê được phổ biến đã đáp ứng tốt hơn nhu cầu của các đối tượng sử dụng thông tin thống kê. Kết quả điều tra nhu cầu và mức độ hài lòng của người sử dụng thông tin thống kê năm 2020 cho thấy: 83% số người⁹⁷ được hỏi ý kiến cho rằng hoạt động phổ biến, cung cấp thông tin thống kê, của ngành Thống kê đã được tăng cường, 11,4% đánh giá vẫn như cũ, 0,4% đánh giá giảm sút. Về mức độ hài lòng: 47,4% số người có ý kiến hài lòng, 49,4% tương đối hài lòng và chỉ có 2,7% số người chưa hài lòng với việc phổ biến, cung cấp thông tin thống kê của ngành Thống kê. Các sản phẩm thông tin thống kê chủ yếu của ngành Thống kê đã đáp ứng được yêu cầu của người sử dụng, được người sử dụng đánh giá ưu điểm về nội dung (từ 91% đến 96,4%) và hình thức (từ 88% đến 91,6%).

Bảng 10. Mức độ hài lòng của người sử dụng đối với một số sản phẩm thông tin thống kê chủ yếu

Đánh giá mức độ hài lòng đối với sản phẩm thông tin thống kê chủ yếu		Hài lòng (%)	Tương đối hài lòng (%)	Chưa hài lòng (%)
Sự hài lòng đối với Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội hàng tháng	Năm 2020	58,0	41,3	0,7
	Năm 2013	29,3	66,9	3,8
Sự hài lòng đối với Niên giám thống kê	Năm 2020	56,7	42,5	0,8
	Năm 2013	28,9	68,3	2,8
Sự hài lòng đối với Ấn phẩm phân tích thống kê tình hình kinh tế - xã hội nhiều năm	Năm 2020	56,5	43,1	0,4
	Năm 2013	21,1	76,4	2,5
Sự hài lòng đối với Kết quả các cuộc điều tra thống kê	Năm 2020	50,1	49,0	0,9
	Năm 2013	22,1	74,6	3,3
Sự hài lòng đối với Website của Tổng cục Thống kê	Năm 2020	46,5	51,5	2,0
	Năm 2013	17,4	75,5	7,1

Nguồn: Kết quả điều tra nhu cầu và mức độ hài lòng của người sử dụng thông tin thống kê năm 2013 và 2020

Những nỗ lực của ngành Thống kê trong việc phổ biến, cung cấp thông tin thống kê cho các đối tượng sử dụng cũng đã nâng chỉ số về tính định kỳ và

⁹⁶ Biên soạn sách chuyên khảo về kiến thức thống kê thông dụng phục vụ đại biểu quốc hội; biên soạn kết quả tổng điều tra, điều tra thống kê; tổ chức các lớp bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng sử dụng số liệu thống kê cho các nhà hoạch định chính sách, nhà báo (tại Tổng cục Thống kê và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương).

⁹⁷ Những người cho ý kiến đánh giá về hoạt động phổ biến, cung cấp thông tin thống kê của ngành thống kê.

kip thời của Việt Nam năm 2020 đạt **83,33 điểm** (thang điểm 100), không tăng điểm so với năm 2010.

5. Đẩy mạnh phân tích và dự báo thống kê

Tổng cục Thống kê đã thành lập Tổ phân tích và dự báo thống kê⁹⁸. Tổ phân tích và dự báo thống kê đã phối hợp với các đơn vị thực hiện **50 báo cáo** chuyên sâu phục vụ báo cáo tình hình kinh tế - xã hội. Tổng cục Thống kê đã biên soạn và phổ biến một số báo cáo phân tích chuyên sâu như: “Trình độ phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam so với các nước trong khu vực: Kết quả và dấu hiệu, nguy cơ tụt hậu”; “Báo cáo năng suất lao động Việt Nam: Thực trạng và giải pháp”; “Báo cáo của Chính phủ về kiểm kê, đánh giá thực chất tình hình các nguồn lực của nền kinh tế hiện nay”; “Tăng trưởng các vùng kinh tế trọng điểm giai đoạn 2011-2017”; “Năng suất lao động và giải pháp chủ yếu thúc đẩy tăng năng suất lao động của Việt Nam”; “Quan hệ giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa”. Đặc biệt, năm 2020, Tổng cục Thống kê đã tổ chức đánh giá, lượng hóa sự tác động của đại dịch Covid-19 đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh và phát triển kinh tế - xã hội trong nước.

Dựa trên kết quả phân tích và dự báo, Tổng cục Thống kê đã xây dựng và cập nhật kịch bản tăng trưởng kinh tế từng quý với các giải pháp cụ thể báo cáo Bộ trưởng, Thủ tướng Chính phủ làm căn cứ trong chỉ đạo điều hành nhằm đạt được mục tiêu tăng trưởng kinh tế. Đồng thời sử dụng một số mô hình dự báo, đánh giá tác động của các chính sách như tăng giá điện, giá xăng dầu, giá dịch vụ giáo dục, dịch vụ y tế lên lạm phát, tăng trưởng kinh tế và một số chỉ tiêu kinh tế vĩ mô, làm cơ sở để xây dựng các phương án điều chỉnh giá, báo cáo Chính phủ điều chỉnh giá một số mặt hàng do Nhà nước quản lý phù hợp với diễn biến thực tế của thị trường, đồng thời bảo đảm mục tiêu kiểm soát lạm phát Quốc hội đề ra. Bên cạnh đó, tất cả các cuộc điều tra, tổng điều tra thống kê do Tổng cục Thống kê thực hiện đều biên soạn và phổ biến báo cáo phân tích kết quả điều tra, tổng điều tra và các báo cáo phân tích sâu theo chuyên đề⁹⁹.

Một số bộ, ngành¹⁰⁰ đã hình thành đơn vị chuyên trách thực hiện phân tích và dự báo thống kê. Các báo cáo phân tích, dự báo đã được các bộ, ngành thực hiện, như: dự báo kim ngạch xuất nhập khẩu và số thu ngân sách nhà nước từ hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa (Bộ Tài chính); dự báo các chỉ tiêu vĩ mô quan trọng như CPI, GDP, M2, tín dụng, huy động, xuất nhập khẩu (Ngân hàng Nhà nước Việt Nam); dự báo các chỉ tiêu liên quan đến thị trường lao động (Bộ

⁹⁸ Quyết định số 29/QĐ-TCTK ngày 05/4/2017 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê về việc thành lập Tổ phân tích và dự báo thống kê; Quyết định số 709/QĐ-TCTK ngày 13/5/2019 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê việc kiện toàn Tổ phân tích và dự báo thống kê.

⁹⁹ Tổng hợp từ cuốn “Giới thiệu một số sản phẩm thông tin thống kê chủ yếu” hàng năm của Tổng cục Thống kê, giai đoạn 2011-2018, đã có 140 báo cáo phân tích kết quả điều tra và tổng điều tra được phát hành.

¹⁰⁰ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Bộ Tài chính; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Giao thông vận tải.

Lao động - Thương binh và Xã hội); dự báo các mặt hàng nông lâm thủy sản theo quý (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn); dự báo vận tải hành khách, hàng hóa (Bộ Giao thông vận tải); **phân tích và dự báo tình hình tội phạm (Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao)**. Các Cục Thống kê cấp tỉnh cũng nâng cao chất lượng các báo cáo phân tích kinh tế - xã hội phục vụ hiệu quả Lãnh đạo cấp ủy, chính quyền địa phương.

Nhằm nâng cao năng lực phân tích, dự báo thống kê, Tổng cục Thống kê và các bộ, ngành, địa phương đã tổ chức nhiều lớp bồi dưỡng về phân tích, dự báo thống kê cho các công chức, viên chức thực hiện nhiệm vụ phân tích và dự báo. Tính riêng tại Tổng cục Thống kê, trong 10 năm qua đã tổ chức **26 lớp** bồi dưỡng về phân tích và dự báo thống kê cho **826 công chức, viên chức** làm phân tích, dự báo thống kê.

6. Ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin và truyền thông trong hoạt động thống kê

Chương trình ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin và truyền thông của hệ thống thống kê nhà nước đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020 đã được xây dựng và triển khai thực hiện từ năm 2011¹⁰¹. Ngày 10/5/2018, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Đề án ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông trong Hệ thống thống kê nhà nước giai đoạn 2017-2025, tầm nhìn đến năm 2030 tại Quyết định số 501/QĐ-TTg.

Hạ tầng công nghệ thông tin của hệ thống thống kê tập trung được duy trì, bảo đảm thông tin và truyền đưa dữ liệu trong toàn hệ thống thông suốt. Hệ thống mạng diện rộng được trang bị máy chủ, thiết bị tương đối đồng bộ. Máy trạm về cơ bản đã cung cấp đủ cho công chức, viên chức và người lao động trong toàn hệ thống, mỗi người làm chuyên môn thống kê đều được trang bị tối thiểu 01 máy tính phục vụ công tác¹⁰².

Tại Tổng cục Thống kê, tất cả các cuộc điều tra thống kê đều được xử lý, tổng hợp theo phần mềm riêng. Khâu thu thập thông tin đã từng bước áp dụng công nghệ hiện đại để chuyển từ phương thức điều tra truyền thống trên phiếu giấy sang điều tra trên phiếu điện tử (CAPI và webform). Bước đầu chuyển từ phương pháp điều tra trực tiếp sang điều tra gián tiếp thông qua phiếu điều tra trực tuyến; thực hiện chuyển mạnh từ quản lý dữ liệu phân tán sang quản lý tập trung; ứng dụng công nghệ thông tin vào nhiều khâu hơn của quy trình điều tra, một số cuộc điều tra đã được ứng dụng công nghệ thông tin vào hầu hết quy trình (như trong Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019; điều tra chỉ số giá tiêu dùng, điều tra lao động việc làm, khảo sát mức sống dân cư, điều tra nông thôn,

¹⁰¹ Quyết định số 1075/QĐ-BKHĐT ngày 26/7/2011 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt Chương trình ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin và truyền thông của hệ thống thống kê nhà nước đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020.

¹⁰² Giai đoạn 2012-2017 Tổng cục Thống kê đã trang bị gần 2000 máy tính để bàn phân bổ trong toàn ngành đáp ứng gần 70% yêu cầu thay thế sử dụng trong vòng 5 năm và 100% máy tính sử dụng trong vòng 10 năm.

nông nghiệp giữa kỳ thời điểm 01/7/2020,...). Bên cạnh đó, chế độ báo cáo thống kê và thu thập thông tin từ dữ liệu hành chính từng bước được hiện đại hóa (đã sử dụng nhận gửi điện tử đối với chế độ báo cáo quốc gia và tiếp nhận dữ liệu quản lý thuế tự động qua mạng).

Kết quả của các cuộc điều tra và tổng điều tra thống kê do Tổng cục Thống kê thực hiện đã được lưu trữ dưới dạng cơ sở dữ liệu, trong đó đã xây dựng các kho dữ liệu thống kê cục bộ¹⁰³. Ngoài ra, Tổng cục Thống kê đã xây dựng cơ sở dữ liệu về hệ thống các bảng phân loại, danh mục thống kê¹⁰⁴, cơ sở dữ liệu hệ thống khái niệm, nguồn thông tin, phương pháp tính các chỉ tiêu thống kê quốc gia, chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, huyện, xã¹⁰⁵, cơ sở dữ liệu số liệu thống kê¹⁰⁶, cơ sở dữ liệu báo cáo tình hình kinh tế - xã hội¹⁰⁷. Tuy nhiên, chưa xây dựng được kho dữ liệu thống kê kinh tế - xã hội.

Nhiều bộ, ngành đã hình thành đơn vị chuyên trách về phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động của bộ, ngành, trong đó có hoạt động thống kê; xây dựng và vận hành mạng nội bộ, mạng internet và trang thông tin điện tử (website) phục vụ quản lý, điều hành của bộ, ngành, trong đó có chuyên mục về số liệu thống kê. **13 bộ, ngành** đã xây dựng cơ sở dữ liệu hệ thống chỉ tiêu thống kê của bộ, ngành¹⁰⁸; **15 bộ, ngành** đã và đang xây dựng các phần mềm xử lý, tổng hợp số liệu theo chế độ báo cáo định kỳ do bộ, ngành chịu trách nhiệm¹⁰⁹.

Việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành ở tất cả các khâu của quy trình sản xuất thông tin thống kê đã góp phần nâng cao hiệu quả công việc và chất lượng thông tin thống kê.

7. Phát triển nhân lực làm công tác thống kê

Tất cả các đơn vị thuộc hệ thống thống kê tập trung đã xây dựng và thực hiện Đề án vị trí việc làm. Tổng cục Thống kê đã phối hợp với Bộ Nội vụ tổ chức bốn kỳ thi nâng ngạch thống kê cho các công chức thống kê đang làm việc

¹⁰³ Gồm: kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 1999, kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009, kết quả Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản năm 2006, kết quả Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản năm 2011, kết quả Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản năm 2016, kết quả Tổng điều tra cơ sở kinh tế, hành chính, sự nghiệp năm 2007, kết quả Tổng điều tra cơ sở kinh tế, hành chính, sự nghiệp năm 2012, điều tra doanh nghiệp hàng năm, điều tra khảo sát mức sống hộ gia đình (năm 2004, 2006, 2008); điều tra lao động việc làm (năm 2007-2010); điều tra biến động dân số.

¹⁰⁴ Tại <https://www.gso.gov.vn/phuong-phap-thong-ke/>

¹⁰⁵ Tại <https://www.gso.gov.vn/phuong-phap-thong-ke/he-thong-chi-tieu-thong-ke/>

¹⁰⁶ Tại <https://www.gso.gov.vn/so-lieu-thong-ke/>

¹⁰⁷ Tại <https://www.gso.gov.vn/bao-cao-tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-hang-thang/>

¹⁰⁸ Bộ Tài chính; Bộ Công thương; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Bộ Giao thông vận tải; Bộ Xây dựng; Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bộ Y tế; Bộ Tài nguyên và Môi trường; Bộ Khoa học và Công nghệ; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Tòa án nhân dân tối cao; Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

¹⁰⁹ Bộ Tư pháp; Bộ Tài chính; Bộ Công thương; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Bộ Giao thông vận tải; Bộ Xây dựng; Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Tài nguyên và Môi trường; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Ủy ban dân tộc; Bảo hiểm Xã hội Việt Nam; Tòa án nhân dân tối cao; Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

trong hệ thống thống kê tập trung¹¹⁰; tổ chức ba kỳ thi tuyển công chức, viên chức vào làm việc tại cơ quan Tổng cục Thống kê và Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương¹¹¹. Đặc biệt, năm 2017 lần đầu tiên Tổng cục Thống kê tiếp nhận 14 trường hợp tốt nghiệp loại giỏi ở các trường đại học nước ngoài và thủ khoa của các trường đại học trong nước vào làm việc trong Ngành không qua thi tuyển.

Trình độ của công chức, viên chức trong hệ thống thống kê tập trung ngày càng được nâng cao, theo hướng công chức, viên chức có trình độ từ đại học trở lên ngày càng tăng (từ 67,35% năm 2010 lên 88,14% năm 2020), công chức, viên chức có trình độ cao đẳng, trung cấp giảm đi (trình độ cao đẳng giảm từ 3,11% xuống 2,1%, trình độ trung cấp giảm từ 26,89% xuống 4,22%).

Nhằm nâng cao năng lực đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức trong hệ thống thống kê tập trung, Trung tâm Đào tạo, bồi dưỡng Thống kê thuộc Viện Khoa học Thống kê được thành lập năm 2013, Trường Cao đẳng Thống kê II đã được thành lập năm 2015 (trên cơ sở nâng cấp Trường Trung cấp Thống kê)¹¹². Trong 10 năm, Tổng cục Thống kê đã tổ chức **284 lớp** bồi dưỡng về nghiệp vụ thống kê, quản lý nhà nước, tin học và ngoại ngữ cho **15.853 lượt công chức, viên chức** của hệ thống thống kê tập trung¹¹³.

8. Mở rộng và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong lĩnh vực thống kê

Tổng cục Thống kê tiếp tục duy trì và nâng cao hiệu quả hợp tác song phương và đa phương với các nước và các tổ chức quốc tế, thông qua việc ký Biên bản ghi nhớ về hợp tác song phương với một số nước như: Hà Lan, Mông Cổ, Nhật Bản, Italia. Tổng cục Thống kê và các bộ, ngành cũng tích cực tham gia các nhóm nghiên cứu, nhóm công tác của các tổ chức quốc tế như: Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên hợp quốc (FAO), Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), Viện Thống kê khu vực Châu Á - Thái Bình Dương (SIAP), Ngân hàng Thế giới (WB), Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB), IMF,... Hàng năm, Tổng cục Thống kê tổ chức Hội nghị thường niên với đối tác phát triển nhằm kêu gọi hỗ trợ kỹ thuật và tài trợ kinh phí cho công tác thống kê nói chung cũng như thực hiện CLTK11-20 nói riêng. Giai đoạn 2011-2020, Tổng cục Thống kê đã nhận được 16 dự án/chương trình hỗ trợ cho công tác thống kê¹¹⁴ với tổng kinh phí được hỗ trợ là 32.612,83 nghìn USD và 648.714 EUR.

¹¹⁰ Cho gần 1000 công chức.

¹¹¹ Năm 2013 tuyển dụng được 656 công chức, viên chức; năm 2017, tuyển dụng 389 công chức, viên chức; năm 2019 tuyển dụng được 386 công chức, viên chức.

¹¹² Quyết định số 1069/QĐ-BGDĐT ngày 31/3/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Thống kê II.

¹¹³ Tổng hợp từ báo cáo tổng kết hàng năm từ 2011-2019 của Tổng cục Thống kê và chỉ bao gồm các lớp/khóa đào tạo, bồi dưỡng do Tổng cục Thống kê tổ chức.

¹¹⁴ Gồm các nước có hợp tác song phương như: Italia, Hà Lan, Hàn Quốc, Nhật Bản, Liên Bang Nga, Thổ Nhĩ Kỳ, .. và các tổ chức quốc tế: ABD, UNSD, UNDP, WB, UNFPA, ILO, FAO, UNICEF, ESCAP, UNIDO, JICA,

Thống kê Việt Nam tham gia tích cực các hoạt động của Hệ thống Thống kê cộng đồng ASEAN (ACCS), đẩy mạnh quảng bá, nâng cao vị thế của Thống kê Việt Nam trong cộng đồng quốc tế. Xây dựng và triển khai thực hiện Đề án hội nhập thống kê ASEAN giai đoạn 2016-2020¹¹⁵; tổ chức các khóa đào tạo về thống kê cho các cán bộ thống kê của Lào và Cam-pu-chia, tiếp đón các đoàn của Cơ quan Thống kê Mi-an-ma đến học tập và chia sẻ kinh nghiệm trong khuôn khổ chương trình hợp tác “ASEAN giúp ASEAN”; tích cực và tham gia có trách nhiệm vào các Nhóm làm việc, hội nghị, hội thảo do Ban Thư ký ASEAN tổ chức; xây dựng và thực hiện Đề án chuẩn bị và đảm nhiệm vai trò Chủ tịch ASEAN về Thống kê năm 2020”. Tổng cục Thống kê chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức tổ chức thành công 12 hội nghị, hội thảo quốc tế về thống kê¹¹⁶ tại Việt Nam.

Trong phạm vi khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, Thống kê Việt Nam mở rộng phạm vi hợp tác, chia sẻ kinh nghiệm hoạt động thống kê với các Cơ quan Thống kê quốc gia như Băng-la-đét, Nê-pan, Sri-Lanka.

Thống kê Việt Nam tiếp tục tham gia và thực hiện Hệ thống phổ biến số liệu chung tăng cường (e-GDDS) thông qua việc thực hiện cập nhật cơ sở dữ liệu đặc tả (metadata) mới và chính xác trên Bảng tin Phổ biến số liệu của IMF (DSBB), đồng thời phổ biến trên website của cơ quan Thống kê quốc gia, công bố và phổ biến số liệu của các chỉ tiêu theo khuyến nghị của e-GDDS,... Tổng cục Thống kê và các bộ, ngành có liên quan đã cập nhật được 18/21 bảng metadata, cập nhật và phổ biến được 15/21 bảng số liệu thống kê theo yêu cầu của e-GDDS trên trang dữ liệu tóm tắt quốc gia (NSDP) của Việt Nam¹¹⁷.

Tổng cục Thống kê thường xuyên cung cấp thông tin thống kê tới các tổ chức quốc tế như: Cơ quan Thống kê Liên hợp quốc, Cơ quan thống kê ASEAN¹¹⁸, Ủy ban Kinh tế - Xã hội châu Á và Thái Bình Dương (ESCAP), Tổ chức Lao động quốc tế (ILO), IMF, WB, FAO,... và Đại sứ quán của nhiều nước tại Việt Nam. Giai đoạn 2011-2020, Tổng cục Thống kê đã 140 lần cung cấp số

KOICA,...

¹¹⁵ Quyết định số 1161/QĐ-TTg ngày 23/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Hội nhập Thống kê ASEAN giai đoạn 2016-2020.

¹¹⁶ Hội nghị lần thứ 24 của Thống kê Nông nghiệp khu vực Châu Á - Thái Bình Dương (2012); Hội thảo Đánh giá Tổng điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ (2013); Hội thảo về Đào tạo thống kê trong các trường Đại học, kinh nghiệm trong nước và định hướng tương lai (2014); Hội thảo về Mô hình Hội đồng thống kê quốc gia (2014); Hội thảo đào tạo Dự án thí điểm mở rộng và Cuộc họp của Nhóm công tác về Phổ biến số liệu (WGDSA) lần thứ 7 (2014); Hội nghị Hiệp hội quốc tế về Thống kê chính thức - IAOS (2014); Hội nghị Tổng điều tra Dân số thế giới lần thứ 29 (PCC29), tháng 7/2017; Hội thảo về ACSS năm 2018; Hội thảo tham vấn điều tra các mục tiêu phát triển bền vững về trẻ em và phụ nữ năm 2020 (tháng 6/2019); Lễ công bố báo cáo đầu kỳ và cơ sở dữ liệu trực tuyến các chỉ tiêu SDG của ASEAN tháng 10/2020; Hội nghị Ủy ban Hệ thống thống kê cộng đồng ASEAN lần thứ 10 (ACSS10), tháng 12/2020; Một số cuộc họp khác trong khuôn khổ Thống kê ASEAN trong năm 2020 (SCPC19, 20).

¹¹⁷ <http://nsdp.gso.gov.vn/>

¹¹⁸ Biên soạn và cung cấp kịp thời số liệu thống kê cho cơ quan thống kê ASEAN để xây dựng các ấn phẩm của cộng đồng thống kê ASEAN như Hệ thống giám sát tiến bộ Cộng đồng ASEAN 2015, Hệ thống chỉ tiêu thống kê ASEAN, Niên giám Thống kê ASEAN, Báo cáo Thống kê ASEAN về các mục tiêu thiên niên kỷ...

liệu cho 12 tổ chức quốc tế, 59 lần cung cấp số liệu cho 18 đại sứ quán các nước. Các số liệu thống kê của Việt Nam cung cấp cho thống kê ASEAN theo các biểu mẫu thu thập số liệu thống kê (ASI-CT): chỉ tiêu GDP năm đáp ứng 78,1% yêu cầu; chỉ tiêu GDP quý đáp ứng 80,6% yêu cầu; chỉ tiêu giá trị tăng thêm theo năm và quý đều đáp ứng 91,2% yêu cầu; các chỉ tiêu về chỉ số giá tiêu dùng và chỉ số giá sản xuất theo năm đáp ứng 93,8% yêu cầu; các chỉ tiêu về chỉ số giá tiêu dùng và chỉ số giá sản xuất theo tháng đáp ứng 85,7% yêu cầu; các chỉ tiêu về sản xuất (theo năm) đáp ứng 71,2%; các chỉ tiêu phát triển bền vững đáp ứng 47,4% yêu cầu; các chỉ tiêu xã hội (số liệu theo năm) đáp ứng 42,7% yêu cầu.

Thông qua các hoạt động hợp tác quốc tế, cộng đồng thống kê quốc tế và khu vực đã đánh giá cao sự đóng góp của Thống kê Việt Nam trong những năm qua, góp phần nâng cao vị thế của thống kê Việt Nam trong khu vực cũng như trên thế giới.

9. Tăng cường cơ sở vật chất và huy động các nguồn lực tài chính phục vụ hoạt động thống kê

Trong bối cảnh kinh phí ngân sách nhà nước ngày càng eo hẹp, nguồn kinh phí cho hoạt động thống kê giai đoạn 2011-2020 được phân bổ cơ bản đáp ứng được nhu cầu của hoạt động thống kê.

Cơ sở vật chất cho hoạt động thống kê trong 10 năm qua đã được tăng cường thông qua việc thực hiện các dự án xây dựng, cải tạo, mở rộng trụ sở làm việc của các đơn vị thuộc hệ thống thống kê tập trung (cơ quan Tổng cục Thống kê, Cục Thống kê cấp tỉnh, Chi cục Thống kê cấp huyện). Đặc biệt, trụ sở làm việc mới của cơ quan Tổng cục Thống kê đã được hoàn thành và đưa vào sử dụng từ năm 2017.

Các trang thiết bị, phương tiện làm việc cũng được nâng cấp, đáp ứng yêu cầu công việc. Công chức, viên chức trong hệ thống thống kê tập trung được trang bị tối thiểu 01 máy tính cá nhân để làm việc.

Bên cạnh nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước, giai đoạn 2011-2020, Tổng cục Thống kê đã huy động được 16 dự án hỗ trợ cho các hoạt động thống kê với tổng kinh phí hỗ trợ 32.612.830 USD và 648.714 EUR. Hiện nay, Tổng cục Thống kê đang tiếp tục triển khai có hiệu quả các dự án thực hiện do các tổ chức quốc tế hỗ trợ.

PHỤ LỤC 2. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA CLTK11-20 THEO KẾ HOẠCH SỐ 602/BKHĐT-TCTK NGÀY 09/02/2012 CỦA BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm chính	Kết quả thực hiện	Đánh giá	Ghi chú
2	Hoàn thiện thể chế, khuôn khổ pháp lý và điều phối các hoạt động thống kê							
2.1	Đánh giá, bổ sung, sửa đổi Luật Thống kê và các văn bản dưới Luật							
-	Đánh giá, bổ sung, sửa đổi Luật Thống kê	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Quốc hội	2012-2013	- Báo cáo đánh giá Luật Thống kê; - Dự thảo Luật Thống kê (sửa đổi) trình Chính phủ năm 2013	- Báo cáo Tổng kết Luật Thống kê năm 2003 và các văn bản liên quan (năm 2013). - Luật Thống kê sửa đổi được Quốc hội thông qua ngày 23/11/2015.	Hoàn thành	
-	Xây dựng Nghị định hướng dẫn và quy định chi tiết một số điều của Luật Thống kê	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ	2014	Nghị định hướng dẫn và quy định chi tiết một số điều của Luật Thống kê trình cấp có thẩm quyền ban hành	Nghị định số 94/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê.	Hoàn thành	
-	Xây dựng Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ Tư pháp, Văn	2014	Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê trình	Nghị định số 95/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh	Hoàn thành	

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm chính	Kết quả thực hiện	Đánh giá	Ghi chú
	thống kê		phòng Chính phủ		cấp có thẩm quyền ban hành	vực thống kê (thay thế cho Nghị định số 79/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Thống kê)		
-	Xây dựng và triển khai thực hiện Chương trình phổ biến và tuyên truyền Luật Thống kê và các văn bản liên quan	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	2014	- Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành Chương trình phổ biến và tuyên truyền Luật Thống kê (2014) - Triển khai thực hiện Chương trình phổ biến và tuyên truyền Luật Thống kê từ năm 2014 trở đi	- Chương trình phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền kiến thức thống kê giai đoạn 2015-2020 đã được phê duyệt tại Quyết định số 1428/QĐ-TCTK ngày 25/12/2014. - Kế hoạch công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật hàng năm đã được ban hành và thực hiện.	Hoàn thành	
2.2	Củng cố, hoàn thiện và đổi mới các tổ chức thống kê							
-	Đổi mới cơ cấu tổ chức Hệ thống thống kê tập trung theo hướng chuyên môn hóa các khâu của quá trình thống kê	Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nội vụ	Văn phòng Chính phủ, Bộ Tư pháp	2015-2020	- Quyết định của cấp có thẩm quyền về chức năng, quyền hạn và nhiệm vụ của tổ chức Hệ thống thống kê tập trung; - Quyết định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị thuộc Hệ thống thống kê tập trung.	- Nghị định số 85/2017/NĐ-CP ngày 19/7/2017 của Chính phủ quy định cơ cấu, nhiệm vụ, quyền hạn của hệ thống tổ chức thống kê tập trung và thống kê bộ, cơ quan ngang bộ. - Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg ngày 18/3/2020 của Thủ tướng chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền	Hoàn thành	

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm chính	Kết quả thực hiện	Đánh giá	Ghi chú
						hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thống kê thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư		
-	Củng cố và hoàn thiện tổ chức thống kê Bộ, ngành	Bộ, ngành	Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nội vụ	2012-2015	Quyết định của cấp có thẩm quyền về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức thống kê Bộ, ngành	20 bộ, ngành đã thành lập tổ chức thống kê trực thuộc ¹¹⁹	Không hoàn thành	
-	Củng cố và hoàn thiện thống kê Sở, ngành ở địa phương, thống kê xã, phường	UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Bộ Nội vụ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2012-2015	Văn bản của cấp có thẩm quyền về củng cố và hoàn thiện thống kê Sở, ngành ở địa phương; thống kê xã, phường, thị trấn	Hầu hết các sở, ngành tại địa phương chưa thành lập tổ chức thống kê trực thuộc. Đối với cấp xã, đã thực hiện bố trí công chức cấp xã cơ bản đảm bảo đúng chức danh Văn phòng - thống kê	Không hoàn thành	Chưa có văn bản quy định, hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của thống kê tại sở, ngành
2.3	Xây dựng cơ chế cung cấp, chia sẻ thông tin thống kê							
-	Xây dựng cơ chế cung cấp, chia sẻ thông tin thống kê giữa Hệ thống thống kê tập trung với thống kê Bộ, ngành ở	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành, UBND tỉnh, thành phố trực	2012	Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành kèm theo Quy chế cung cấp, chia sẻ thông tin thống kê giữa các nhà sản xuất thông tin thống	- Quyết định số 1471/QĐ-BKHĐT ngày 12/10/2015 của Bộ trưởng Bộ KH&ĐT quy định nội dung, cơ chế phối hợp, chia sẻ thông tin thống kê giữa Tổng cục Thống kê và	Hoàn thành	

¹¹⁹ Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Tài chính; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bộ Khoa học và Công nghệ; Toà án nhân dân tối cao; Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội; Bộ Công thương; Bộ Giao thông Vận tải; Bộ Tư pháp; Bộ Y tế; Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Xây dựng; Bộ Công an; Bộ Tài nguyên và Môi trường; Bộ Quốc phòng; Ủy ban Dân tộc; Bộ Thông tin và Truyền thông; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Bộ Nội vụ và Bảo hiểm Xã hội Việt Nam hiện không có phòng thống kê)

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm chính	Kết quả thực hiện	Đánh giá	Ghi chú
	Trung ương, thống kê Sở ngành ở địa phương		thuộc Trung ương		kê với nhau	các bộ, ngành. - TCTK đã ký kết cơ chế phối hợp và chia sẻ thông tin thống kê với 11 bộ, ngành ¹²⁰ .		
-	Xây dựng Chính sách phổ biến thông tin thống kê	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	2012	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chính sách phổ biến thông tin thống kê	Chính sách phổ biến thông tin thống kê nhà nước được ban hành tại Quyết định số 34/2013/QĐ-TTg ngày 04/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ, sau đó được quy định trong Nghị định số 94/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thống kê.	Hoàn thành	
3	Tăng cường nghiên cứu và ứng dụng phương pháp luận và quy trình thống kê theo tiêu chuẩn quốc tế							
3.1	Nghiên cứu và ứng dụng phương pháp luận thống kê theo tiêu chuẩn quốc tế							

¹²⁰ Bộ Công Thương; Ban Kinh tế trung ương; Ủy ban Dân tộc; Tổng cục Thuế; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Y tế; Bộ Thông tin và Truyền thông; Tổng công ty Bưu điện Việt Nam; Trường Đại học kinh tế (Đại học Đà Nẵng); Trường Đại học Kinh tế quốc dân.

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm chính	Kết quả thực hiện	Đánh giá	Ghi chú
	trong từng lĩnh vực thống kê							
-	Xây dựng Lộ trình thực hiện thống kê tài khoản quốc gia theo phiên bản 2008 (SNA2008) của Liên Hợp Quốc	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước	2012	Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành kèm theo Lộ trình thực hiện SNA2008	Lộ trình thực hiện hệ thống tài khoản quốc gia theo phiên bản 2008 (SNA2008) chưa được ban hành. Tuy nhiên, một phần của SNA 2008 đã được nghiên cứu áp dụng trong quá trình đánh giá lại chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước như: xem xét hoạt động R&D, hoạt động gia công, chế biến v.v...	Không hoàn thành	Lộ trình thực hiện SNA 2008 sẽ lùi thời gian đến năm 2021 khi thực hiện Tổng điều tra kinh tế và chuyển đổi năm gốc 2020
-	Triển khai thực hiện Lộ trình thống kê SNA2008							
+	Lập các tài khoản theo khu vực thể chế: Tài khoản sản xuất, Tài khoản tạo thu nhập; Tài khoản phân phối thu nhập lần đầu; Tài khoản phân phối lại thu nhập; Tài khoản sử dụng thu nhập; Tài khoản vốn tài sản	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2013-2015	Tài khoản tạo thu nhập, Tài khoản phân phối thu nhập lần đầu, Tài khoản phân phối lại thu nhập, Tài khoản sử dụng thu nhập, Tài khoản vốn tài sản theo khu vực thể chế được lập và công bố	Tài khoản sản xuất, Tài khoản tạo thu nhập, Tài khoản phân phối thu nhập lần đầu, Tài khoản phân phối lại thu nhập đã được lập nhưng chưa công bố. Tài khoản sử dụng thu nhập, Tài khoản vốn tài sản chưa lập được do thiếu thông tin.	Không hoàn thành	

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm chính	Kết quả thực hiện	Đánh giá	Ghi chú
+	Lập Tài khoản tài chính theo khu vực thể chế	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2015-2020	Tài khoản tài chính theo khu vực thể chế được lập và công bố	Chưa lập Tài khoản tài chính theo khu vực thể chế do thiếu thông tin.	Không hoàn thành	
-	Lập các bảng cân đối chủ yếu của nền kinh tế	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2012-2015	Các bảng cân đối chủ yếu được công bố	Hoàn thành lập bảng cân đối liên ngành cho năm 2012, cập nhật năm 2016, 2018. Bảng cân đối năng lượng đã được lập và công bố. Lập thử nghiệm bảng cân đối cho 10 sản phẩm lương thực chủ yếu nhưng chưa công bố.	Hoàn thành	
-	Lập Tài khoản vệ tinh du lịch, Tài khoản môi trường và một số tài khoản khác	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Tài nguyên, Môi trường	Bộ, ngành; UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	2012-2020	Tài khoản vệ tinh du lịch, tài khoản môi trường và một số tài khoản khác được lập và công bố	Đã có Báo cáo tài khoản vệ tinh du lịch.	Hoàn thành	
-	Nghiên cứu áp dụng phương pháp luận theo phiên bản mới của Liên hợp quốc và các tổ chức quốc tế theo từng lĩnh vực thống kê chuyên ngành: Nông, lâm	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung	2012-2020	Số liệu thống kê của từng lĩnh vực được biên soạn và công bố phù hợp với phương pháp luận quốc tế (theo phiên bản mới)	Thống kê trong từng lĩnh vực chuyên ngành đã áp dụng phương pháp luận theo khuyến nghị của Liên hợp quốc. Tuy nhiên, trong một số lĩnh vực chưa thực hiện được toàn bộ theo các khuyến nghị	Không hoàn thành	

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm chính	Kết quả thực hiện	Đánh giá	Ghi chú
	ng nghiệp và thủy sản; công nghiệp; xây dựng; thương mại, dịch vụ; dân số và lao động; xã hội và môi trường; giá cả...		ương					
-	Nghiên cứu áp dụng thống kê tài chính Chính phủ theo phiên bản mới của Liên Hợp Quốc (2012: Nghiên cứu; từ 2013 trở đi: áp dụng)	Bộ Tài chính	Bộ Kế hoạch và Đầu tư; UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	2012-2020	Số liệu thống kê tài chính Chính phủ được biên soạn và công bố phù hợp với phương pháp luận quốc tế (phiên bản mới)	- Đã thực hiện nghiên cứu chuyển đổi thí điểm số liệu thống kê tài chính – NSNN sang định dạng thống kê tài chính chính phủ GFSM2001 và đăng tải trên website của IMF về số liệu thu chi ngân sách của Việt Nam giai đoạn 2001-2012 theo chuẩn thống kê tài chính Chính phủ do IMF biên soạn. - Đã xuất bản Cẩm nang thống kê tài chính chính phủ (GSF).	Hoàn thành	
-	Nghiên cứu áp dụng phương pháp thống kê cán cân thanh toán theo cuốn Hướng dẫn thống kê cán cân thanh toán phiên bản số 6 (BPM6) của IMF (2012: nghiên cứu BPM6; từ 2013 –	Ngân hàng Nhà nước	Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Tài chính, UBND tỉnh, thành phố trực	2012-2020	Cán cân thanh toán được lập và công bố phù hợp với phương pháp luận quốc tế (phiên bản mới)	Bảng cán cân thanh toán quốc tế của Việt Nam đã được lập bám sát hướng dẫn tại BPM6 được quy định tại Nghị định số 16/2014/NĐ-CP ngày 3/3/2014 về quản lý cán cân thanh toán quốc tế của Việt Nam.	Hoàn thành	

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm chính	Kết quả thực hiện	Đánh giá	Ghi chú
	2020 áp dụng)		thuộc Trung ương					
-	Nghiên cứu, cập nhật phương pháp luận điều tra chọn mẫu theo chuẩn quốc tế	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	2012-2020	Tài liệu hướng dẫn điều tra chọn mẫu theo chuẩn quốc tế được biên soạn và triển khai áp dụng	Đã thực hiện nghiên cứu Phương pháp xây dựng dàn chọn mẫu từ cơ sở dữ liệu các cơ sở kinh doanh. Phương pháp chọn mẫu các cuộc điều tra được cập nhật. Tuy nhiên, chưa xây dựng và ban hành tài liệu hướng dẫn điều tra chọn mẫu theo chuẩn quốc tế.	Không hoàn thành	
3.2	Xác định và nghiên cứu phương pháp đo lường các hiện tượng kinh tế - xã hội mới nhằm phản ánh đầy đủ bức tranh kinh tế - xã hội	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2012-2020	Kết quả nghiên cứu được công bố và áp dụng	Nghiên cứu ứng dụng thu thập dữ liệu từ nguồn dữ liệu lớn (Big data) phục vụ biên soạn chỉ số giá tiêu dùng. Thực hiện điều tra đột xuất đánh giá tác động của dịch covid-19 tới doanh nghiệp	Hoàn thành	
3.3	Nghiên cứu áp dụng các bảng danh mục, phân loại chuẩn quốc tế							
-	Bảng danh mục, phân loại theo mục đích sử dụng cuối	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2012-2020	Các Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành kèm theo các bảng	Đã ban hành các bảng danh mục: Danh mục đơn vị hành chính Việt Nam; Bảng phân	Không hoàn thành	Chưa xây dựng Bảng phân loại tình trạng và sử

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm chính	Kết quả thực hiện	Đánh giá	Ghi chú
	cùng của hộ gia đình (COICOP), Bảng phân loại theo mục đích sử dụng của Chính phủ (COFOG), Bảng phân loại theo mục đích của khu vực thể chế phi lợi nhuận phục vụ hộ gia đình (COPNI), Bảng phân loại tình trạng và sử dụng thời gian lao động (ICATUS), Bảng phân loại hàng hóa ngoại thương (SITC)... và các bảng phân loại đặc thù của Việt Nam				danh mục, phân loại phục vụ công tác thống kê	loại tiêu dùng theo mục đích của hộ gia đình Việt Nam ¹²¹ (COICOP), Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam ¹²² , Hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam ¹²³ . Danh mục hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam ¹²⁴ ; Danh mục dịch vụ xuất, nhập khẩu Việt Nam ¹²⁵ ; Danh mục giáo dục đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân ¹²⁶ ; Phân loại khu vực thể chế áp dụng trong thống kê Việt Nam ¹²⁷		dùng thời gian lao động (ICATUS) do nhu cầu sử dụng bảng phân loại này chưa nhiều
-	Bảng danh mục, bảng phân loại phục	Bộ Tài chính	Bộ Kế hoạch và	2012-2020	Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành	Đã ban hành Thông tư số 18/2017/TT-BTC ngày	Hoàn thành	

¹²¹ Quyết định số 11/2018/QĐ-TTg ngày 01/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bảng phân loại tiêu dùng theo mục đích của hộ gia đình Việt Nam.

¹²² Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam.

¹²³ Quyết định số 43/2018/QĐ-TTg ngày 01/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam.

¹²⁴ Thông tư số 65/2017/TT-BTC ngày 27/6/2017 của Bộ Tài chính ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam.

¹²⁵ Quyết định số 28/2011/QĐ-TTg ngày 17/5/2011 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục dịch vụ xuất, nhập khẩu Việt Nam.

¹²⁶ Quyết định số 01/2017/QĐ-TTg ngày 17/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục Giáo dục đào tạo.

¹²⁷ Thông tư số 02/2020/TT-BKHĐT ngày 23/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định phân loại khu vực thể chế áp dụng trong thống kê Việt Nam.

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm chính	Kết quả thực hiện	Đánh giá	Ghi chú
	vụ thống kê tài chính		Đầu tư		kèm theo bảng danh mục, bảng phân loại phục vụ công tác thống kê tài chính	28/02/2017 về việc quy định hệ thống danh mục điện tử dùng chung trong lĩnh vực tài chính		
-	Bảng danh mục, bảng phân loại phục vụ thống kê ngân hàng, bảo hiểm	Ngân hàng nhà nước	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2012-2020	Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành kèm theo bảng danh mục, bảng phân loại phục vụ công tác thống kê ngân hàng, bảo hiểm	Các bảng phân loại được quy định trong chế độ báo cáo của NHNN (Thông tư số 11/2018/TT-NHNN, sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 35/2015/TT-NHNN ngày 31/12/2015) (NHNN đã báo cáo hoàn thành tại văn bản số 9465/NHNN-DBTK ngày 9/12/2015 gửi Bộ KHĐT)	Hoàn thành	
3.4	Biên dịch, biên soạn và phổ biến sách hướng dẫn phương pháp luận thống kê							
-	Biên soạn và xuất bản Từ điển Thống kê	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành, Trường Đại học, Viện nghiên cứu	2012-2015	Từ điển thống kê được in ấn và phát hành	Từ điển Thống kê Việt Nam đã được phát hành năm 2016	Hoàn thành	
-	Biên soạn và xuất bản tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ thống	Bộ Kế hoạch và	Bộ, ngành	2013	Sách hướng dẫn nghiệp vụ thống kê SNA2008 được biên soạn và phát	Tài liệu Phương pháp biên soạn hệ thống tài khoản quốc gia ở Việt Nam đã được biên	Hoàn thành	

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm chính	Kết quả thực hiện	Đánh giá	Ghi chú
	kê tài khoản quốc gia 2008 (SNA2008)	Đầu tư	liên quan		hành	soạn và phát hành		
-	Biên soạn và xuất bản sổ tay hướng dẫn nghiệp vụ thống kê của từng chuyên ngành: Nông, lâm nghiệp và thủy sản; công nghiệp, xây dựng, thương mại, dịch vụ, dân số, lao động; xã hội, môi trường, giá cả...	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành liên quan	2012-2015	Sổ tay hướng dẫn nghiệp vụ thống kê của từng chuyên ngành được biên soạn và phát hành	Đã phát hành: Sổ tay hướng dẫn nghiệp vụ công tác thanh tra chuyên ngành Thống kê; Giáo trình Thống kê Dân số và Lao động; Sổ tay thống kê giới; Sổ tay thống kê môi trường; Đã xây dựng bài giảng về điều tra giá cho điền tra viên.	Hoàn thành	
-	Biên soạn và xuất bản sổ tay hướng dẫn nghiệp vụ thống kê tài chính Chính phủ	Bộ Tài chính	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2012-2015	Sổ tay hướng dẫn nghiệp vụ thống kê tài chính Chính phủ được biên soạn và phát hành	Đã phát hành Cẩm nang thống kê tài chính chính phủ (GSF).	Hoàn thành	
-	Biên soạn và xuất bản sổ tay hướng dẫn nghiệp vụ thống kê ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán	Ngân hàng Nhà nước; Bảo hiểm Việt Nam, Bộ Tài chính	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2012-2015	Sổ tay hướng dẫn nghiệp vụ thống kê ngân hàng, bảo hiểm được biên soạn và phát hành	Đã ban hành: Sổ tay hướng dẫn quy trình tra soát, kiểm duyệt báo cáo thống kê theo thông tư số 31/2013/TT-NHNN tại các Vụ, cục, cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng tại Ngân hàng trung ương; Sổ tay hướng dẫn điều tra xu hướng kinh doanh và điều tra kỳ vọng lạm phát; Sổ tay dự báo; Sổ tay thống kê tiền tệ.	Hoàn thành	

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm chính	Kết quả thực hiện	Đánh giá	Ghi chú
3.5	Xây dựng, áp dụng các quy trình và công cụ quản lý chất lượng hoạt động thống kê							
-	Xây dựng, áp dụng quy trình chuẩn đánh giá chất lượng đối với điều tra mẫu, điều tra toàn bộ và tổng điều tra thống kê	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2012-2015	- Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành quy trình chuẩn đánh giá chất lượng đối với điều tra mẫu, điều tra toàn bộ và tổng điều tra thống kê; - Các cuộc điều tra được đánh giá chất lượng theo quy trình đã ban hành	Đã ban hành Quyết định số 01/2019/QĐ-TTg ngày 05/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí chất lượng thống kê nhà nước đến năm 2030. Chưa ban hành quy trình chuẩn đánh giá chất lượng đối với điều tra mẫu, điều tra toàn bộ và tổng điều tra thống kê	Không hoàn thành	
-	Xây dựng, áp dụng quy trình xây dựng Chế độ báo cáo thống kê và phương án điều tra thống kê	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2012-2015	- Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành quy trình chuẩn xây dựng chế độ báo cáo thống kê; - Các chế độ báo cáo thống kê được xây dựng theo quy trình chuẩn đã được ban hành	Quy trình xây dựng chế độ báo cáo thống kê và phương án điều tra thống kê thực hiện theo Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật	Hoàn thành	
-	Áp dụng quy trình quản lý và đánh giá chất lượng số liệu thống kê theo Khung	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	Hàng năm	Số liệu thống kê được đánh giá chất lượng theo DQAF	Đã nghiên cứu, thử nghiệm đánh giá số liệu GDP theo DQAF. Thử nghiệm đánh giá chất	Hoàn thành	

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm chính	Kết quả thực hiện	Đánh giá	Ghi chú
	đánh giá chất lượng của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (DQAF)					lượng theo Bộ tiêu chí chất lượng thống kê nhà nước đến năm 2030.		
3.6	Tham gia nghiên cứu khoa học thống kê với các nước trong khu vực và thế giới							
-	Hợp tác nghiên cứu với các tổ chức nghiên cứu khoa học thống kê của các nước trong khu vực và thế giới	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	Hàng năm	- Biên bản ghi nhớ được thông qua; - Báo cáo kết quả nghiên cứu được công bố	Tham gia các nhóm nghiên cứu, nhóm công tác của UNSD, Alaanbaatar, FAO, ASEAN, SIAP, WB, IMF, ADB.	Hoàn thành	
-	Tổ chức các cuộc hội thảo quốc tế về lĩnh vực thống kê tại Việt Nam	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2014-2020	Các cuộc hội thảo quốc tế về khoa học, đào tạo thống kê được tổ chức tại Việt Nam	Tổ chức thành công 12 hội nghị, hội thảo quốc tế về thống kê ¹²⁸ tại Việt Nam	Hoàn thành	
3.7	Tăng cường năng lực nghiên cứu khoa học thống kê							

¹²⁸ Hội nghị lần thứ 24 của Thống kê Nông nghiệp khu vực Châu Á - Thái Bình Dương (2012); Hội thảo Đánh giá Tổng điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ (2013); Hội thảo về Đào tạo thống kê trong các trường Đại học, kinh nghiệm trong nước và định hướng tương lai (2014); Hội thảo về Mô hình Hội đồng thống kê quốc gia (2014); Hội thảo đào tạo Dự án thí điểm mở rộng và Cuộc họp của Nhóm công tác về Phổ biến số liệu (WGDSA) lần thứ 7 (2014); Hội nghị Hiệp hội quốc tế về Thống kê chính thức - IAOS (2014); Hội nghị Tổng điều tra Dân số thế giới lần thứ 29 (PCC29), tháng 7/2017; Hội thảo về ACSS năm 2018; Hội thảo tham vấn điều tra các mục tiêu phát triển bền vững về trẻ em và phụ nữ năm 2020 (tháng 6/2019); Lễ công bố báo cáo đầu kỳ và cơ sở dữ liệu trực tuyến các chỉ tiêu SDG của ASEAN tháng 10/2020; Hội nghị Ủy ban Hệ thống thống kê cộng đồng ASEAN lần thứ 10 (ACSS10), tháng 12/2020; Một số cuộc họp khác trong khuôn khổ Thống kê ASEAN trong năm 2020 (SCPC19, 20).

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm chính	Kết quả thực hiện	Đánh giá	Ghi chú
-	Xây dựng và triển khai thực hiện Đề án đổi mới Viện Khoa học thống kê	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2012-2020	Quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt Đề án đổi mới Viện Khoa học thống kê (2012); triển khai thực hiện Đề án từ năm 2013 trở đi	- Đề án “Đổi mới Viện Khoa học Thống kê” đã được Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê phê duyệt ngày 28/12/2015. - Chức năng, nhiệm vụ của Viện Khoa học Thống kê được quy định trong Quyết định số 646/QĐ-TCTK ngày 24/6/2013 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê (nay được thay thế bằng Quyết định số 986/QĐ-TCTK ngày 20/5/2020).	Hoàn thành	
-	Thành lập Hội đồng khoa học ngành Thống kê	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2012	Quyết định thành lập và quy chế hoạt động của Hội đồng khoa học ngành Thống kê được ban hành	Quyết định số 895/QĐ-TCTK về việc Thành lập Hội đồng và ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng Khoa học và Công nghệ ngành Thống kê	Hoàn thành	
-	Hình thành mạng lưới nghiên cứu khoa học thống kê	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2013-2015	Cơ sở dữ liệu cán bộ nghiên cứu khoa học ngành Thống kê	- Các hoạt động hợp tác nghiên cứu giữa TCTK với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Khoa Thống kê Trường Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội, các đơn vị nghiên cứu khác được thực hiện. - Viện KHTK có cơ sở dữ liệu về cán bộ nghiên cứu khoa học ngành Thống kê.	Hoàn thành	

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm chính	Kết quả thực hiện	Đánh giá	Ghi chú
4	Đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động thu thập thông tin thống kê							
4.1	Xây dựng, hoàn thiện đồng bộ các hệ thống chỉ tiêu thống kê							
-	Rà soát, cập nhật hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2016-2020	Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia được rà soát, cập nhật hàng năm từ năm 2016	- Báo cáo rà soát hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia ban hành theo Quyết định số 43/QĐ-TTg ngày 02/6/2010. - Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia mới ban hành theo Luật Thống kê 2015; nội dung được rà soát, cập nhật và ban hành theo Nghị định số 97/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Thủ tướng Chính phủ.	Hoàn thành	
-	Rà soát, cập nhật hệ thống chỉ tiêu thống kê tỉnh, huyện, xã	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	2016-2020	Hệ thống chỉ tiêu thống kê tỉnh, huyện, xã được rà soát, cập nhật hàng năm từ năm 2016	- Báo cáo rà soát hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, huyện, xã ban hành theo Thông tư số 02/2011/TT-BKHT ngày 10/1/2011. - Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, huyện, xã được rà soát, cập nhật và ban hành theo Quyết định số	Hoàn thành	

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm chính	Kết quả thực hiện	Đánh giá	Ghi chú
						54/2016/QĐ-TTg ngày 19/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ		
-	Xây dựng, hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu thống kê Bộ, ngành	Bộ, ngành	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2012-2015	Hệ thống chỉ tiêu thống kê của tất cả các Bộ, ngành được xây dựng, hoàn thiện và đưa vào áp dụng	17 bộ, ngành ¹²⁹ đã ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê	Hoàn thành	
-	Rà soát, cập nhật hệ thống chỉ tiêu thống kê Bộ, ngành	Bộ, ngành	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2016-2020	Hệ thống chỉ tiêu thống kê của tất cả các Bộ, ngành được rà soát, cập nhật hàng năm, từ năm 2016	20 bộ, ngành ¹³⁰ đã rà soát, hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu thống kê đồng bộ với hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia mới được quy định theo Luật Thống kê năm 2015	Hoàn thành	
4.2	Tăng cường khai thác nguồn dữ liệu từ hồ sơ hành chính phục vụ mục đích thống kê							
-	Khai thác nguồn dữ liệu từ hệ thống thông tin đăng ký hộ tịch, hộ khẩu phục vụ	Bộ Công an, Bộ Tư pháp, Bộ Y tế,	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Hàng năm	Số liệu thống kê dân số chủ yếu được biên soạn từ hệ thống thông tin đăng ký hộ tịch, hộ	Đã xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Số liệu thống kê các vụ việc dân sự, hôn nhân, gia đình	Hoàn thành	

¹²⁹ Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công an, Bộ Tài chính, Bộ Công Thương, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Giao thông Vận tải, Bộ Xây dựng, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Bộ Y tế, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy Ban Dân tộc, Đài Truyền hình Việt Nam, Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

¹³⁰ Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công Thương, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ, Bộ Xây dựng, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Tài chính, Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bảo hiểm Xã hội Việt Nam, Ủy ban dân tộc, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm chính	Kết quả thực hiện	Đánh giá	Ghi chú
	thống kê dân số (tăng giảm dân số, sinh, tử, kết hôn, ly hôn, di, đến...)	Tòa án nhân dân tối cao			khẩu	được tổng hợp từ phần mềm quản lý, thống kê các vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình		
-	Khai thác nguồn dữ liệu từ hệ thống thông tin đăng ký đất đai phục vụ thống kê hiện trạng sử dụng đất đai	Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Hàng năm	Số liệu thống kê về hiện trạng sử dụng đất đai chủ yếu được biên soạn từ hệ thống đăng ký đất đai	Các địa phương xây dựng CSDL đất đai, tuy nhiên chưa được triển khai đồng bộ tại các đơn vị nên chưa tổng hợp được hiện trạng sử dụng đất	Không hoàn thành	
-	Khai thác nguồn dữ liệu từ hệ thống tờ khai xuất nhập khẩu hàng hóa phục vụ thống kê xuất nhập khẩu hàng hóa	Bộ Tài chính	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Hàng năm	Số liệu thống kê xuất nhập khẩu hàng hóa được biên soạn từ hệ thống tờ khai xuất nhập khẩu hàng hóa	Số liệu thống kê hàng hóa xuất nhập khẩu được thu thập từ tờ khai hải quan và các hồ sơ liên quan. Hiện nay, số liệu thu thập từ tờ khai hải quan ở dạng điện tử đạt gần 100%.	Hoàn thành	
-	Khai thác nguồn dữ liệu từ hệ thống đăng ký phương tiện cơ giới đánh bắt thủy sản phục vụ thống kê thủy sản	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Hàng năm	Số liệu thống kê phương tiện cơ giới đánh bắt thủy sản được biên soạn từ hệ thống đăng ký phương tiện cơ giới đánh bắt thủy sản	Đã có cơ sở dữ liệu đăng kiểm đầy đủ từ năm 2011 của các tàu có công suất từ 20 CV trở lên (đối với các tàu cá có công suất dưới 20 CV chỉ đăng ký chứ không đăng kiểm và do cấp xã quản lý). Cơ sở dữ liệu được cập nhật một năm 2 lần (6 tháng đầu năm và 6 tháng cuối năm).	Hoàn thành	

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm chính	Kết quả thực hiện	Đánh giá	Ghi chú
-	Khai thác nguồn dữ liệu từ Tổng kiểm kê Rừng giai đoạn 2011-2015 phục vụ thống kê lâm nghiệp	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Hàng năm	Số liệu thống kê diện tích rừng hiện có phân theo loại rừng, hình thức sở hữu, đơn vị hành chính	Đã có báo cáo tổng kiểm kê rừng giai đoạn 2013-2016 (thời điểm chốt số liệu là 31/12/2016 theo Quyết định số 1819/QĐ-TTg công bố số liệu tổng kiểm kê rừng toàn quốc. Trong đó, năm 2013 thực hiện thí điểm; năm 2014 thực hiện kiểm kê 13 tỉnh; năm 2015 kiểm kê ở 25 tỉnh; năm 2016 kiểm kê ở 20 tỉnh).	Hoàn thành	
-	Khai thác nguồn dữ liệu từ hệ thống đăng kiểm phương tiện vận tải cơ giới đường bộ phục vụ thống kê vận tải	Bộ Giao thông vận tải	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Hàng năm	Số liệu thống kê phương tiện vận tải cơ giới đường bộ được biên soạn từ hệ thống đăng kiểm phương tiện cơ giới đường bộ	Cục Đăng kiểm Việt Nam xây dựng đã cơ sở dữ liệu đăng kiểm phương tiện vận tải cơ giới đường bộ từ năm 1997. Các báo cáo thống kê về đăng kiểm xe ô tô cơ giới được chiết xuất từ cơ sở dữ liệu này gửi Bộ	Hoàn thành	
-	Hoàn thiện, nâng cấp cơ sở dữ liệu đăng ký doanh nghiệp, đơn vị cơ sở phục vụ thống kê doanh nghiệp và đơn vị cơ sở	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ Tài chính	Hàng năm	- Số liệu thống kê doanh nghiệp, đơn vị cơ sở chủ yếu được biên soạn từ cơ sở dữ liệu này - Dàn mẫu điều tra doanh nghiệp, đơn vị cơ sở được lập từ cơ sở dữ liệu này	Cơ sở dữ liệu của Hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất kinh doanh được cập nhật hàng năm	Hoàn thành	
4.3	Rà soát, cập nhật,							

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm chính	Kết quả thực hiện	Đánh giá	Ghi chú
	hoàn thiện chương trình điều tra thống kê quốc gia, các cuộc điều tra bộ, ngành; các cuộc điều tra của địa phương							
-	Rà soát, cập nhật, hoàn thiện chương trình điều tra thống kê quốc gia	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2012, 2015, 2020	Quyết định của Thủ tướng ban hành Chương trình điều tra thống kê quốc gia được sửa đổi, bổ sung	Chương trình điều tra thống kê quốc gia được ban hành theo Quyết định số 43/2016/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ (thay thế Quyết định số 803/QĐ-TTg ngày 28/6/2012 ban hành Chương trình điều tra thống kê quốc gia).	Hoàn thành	
-	Rà soát, cập nhật, hoàn thiện các cuộc điều tra thống kê của các Bộ, ngành	Bộ, ngành	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Hàng năm	Danh sách các cuộc điều tra thống kê của các bộ, ngành được Bộ Kế hoạch và Đầu tư thẩm định hàng năm	11 bộ ngành đã thực hiện hoặc xây dựng kế hoạch điều tra thống kê dài hạn và hàng năm ¹³¹ . Phương án điều tra được gửi tới Tổng cục Thống kê để thẩm định.	Hoàn thành	
-	Rà soát, cập nhật, hoàn thiện các cuộc điều tra thống kê của địa phương	UBND tỉnh, thành phố trực thuộc	Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ, ngành	Hàng năm	Phương án các cuộc điều tra, tổng điều tra được cải tiến theo hướng gọn nhẹ, chất lượng, hiệu quả	Các địa phương đã thực hiện rà soát các cuộc điều tra, xây dựng phương án điều tra và gửi Tổng cục Thống kê thẩm định	Hoàn thành	

¹³¹ Bộ Công thương; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Bộ Xây dựng; Bộ Thông tin và Truyền thông; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bộ Y tế; Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Tài nguyên và Môi trường; Ủy ban Dân tộc; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm chính	Kết quả thực hiện	Đánh giá	Ghi chú
		Trung ương						
4.4	Xây dựng, cập nhật và hoàn thiện chế độ báo cáo thống kê							
-	Cập nhật, hoàn thiện chế độ báo cáo thống kê áp dụng đối với các đơn vị cơ sở (doanh nghiệp, cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp...)	Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ, ngành	Bộ, ngành	2012, 2015, 2020	Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành Chế độ báo cáo thống kê áp dụng đối với các đơn vị cơ sở phù hợp với chương trình điều tra thống kê, các hệ thống chỉ tiêu thống kê	- Quyết định số 77/2010/QĐ-TTg ngày 30/11/2010 về việc ban hành chế độ báo cáo thống kê cơ sở áp dụng đối với doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp và dự án có vốn đầu tư nước ngoài - Thông tư số 04/2011/TT-BKHĐT quy định hệ thống biểu mẫu báo cáo thống kê cơ sở áp dụng đối với doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp và dự án có vốn đầu tư nước ngoài	Hoàn thành	
-	Cập nhật và hoàn thiện chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	2012, 2015, 2020	Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành Chế độ báo cáo thống kê áp dụng đối với cấp tỉnh, huyện, xã	Đã ban hành Thông tư số 01/2019/TT-BKHĐT ngày 04/01/2019 ban hành Chế độ báo cáo thống kê Ngành Thống kê	Hoàn thành	

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm chính	Kết quả thực hiện	Đánh giá	Ghi chú
-	Xây dựng, cập nhật và hoàn thiện chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với Sở, ngành địa phương	Bộ, ngành	UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	2012, 2015, 2020	Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành Chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với Sở, ngành địa phương	- Giai đoạn 2011-2015, 20 bộ, ngành ¹³² đã ban hành chế độ báo cáo thống kê áp dụng đối với sở, ngành địa phương. - Sau khi Luật Thống kê năm 2015 được ban hành, 21 bộ, ngành ¹³³ đã rà soát, cập nhật chế độ báo cáo thống kê cấp bộ, ngành phù hợp với các quy định của Luật Thống kê năm 2015 và hệ thống chỉ tiêu thống kê mới của bộ, ngành.	Hoàn thành	
-	Cập nhật, hoàn thiện chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với Bộ, ngành	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2012, 2015, 2020	Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành Chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với Bộ, ngành	Nghị định số 60/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia (thay thế Chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với bộ, ngành được ban hành tại Quyết định số 15/2014/QĐ-TTg ngày 07/02/2014 của Thủ tướng Chính phủ)	Hoàn thành	

¹³² Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Tư pháp; Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Công Thương; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Tài chính; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ngân hàng nhà nước Việt Nam; Bộ Tài nguyên và Môi trường; Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội; Bộ Y tế; Bộ Giao thông vận tải; Bộ Công an; Viện Kiểm sát nhân dân tối cao; Bộ Xây dựng; Bảo hiểm xã hội Việt Nam; Tòa án nhân dân tối cao; Bộ Nội Vụ; Ủy Ban dân tộc.

¹³³ Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công Thương, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ, Bộ Xây dựng, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Tài chính, Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bảo hiểm Xã hội Việt Nam, Ủy ban Dân tộc, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm chính	Kết quả thực hiện	Đánh giá	Ghi chú
5	Đổi mới, hoàn thiện nâng cao chất lượng hoạt động xử lý, tổng hợp và phổ biến thông tin thống kê							
5.1	Xây dựng, chuẩn hóa quy trình truyền tin, xử lý, tổng hợp báo cáo thống kê áp dụng đối với Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và thống kê Bộ, ngành	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	2012-2015	Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành Quy trình truyền tin, xử lý, tổng hợp các báo cáo thống kê áp dụng đối với các Cục Thống kê tỉnh, thành phố và thống kê Bộ, ngành	Quy trình được quy định tại Quyết định số 680/QĐ-BKHĐT ngày 28/5/2014 của Bộ trưởng Bộ KH&ĐT về Quy chế phổ biến thông tin thống kê của TCTK.	Hoàn thành	
5.2	Xây dựng, chuẩn hóa quy trình truyền tin, xử lý, tổng hợp, phổ biến, lưu trữ, chia sẻ kết quả và dữ liệu các cuộc điều tra, tổng điều tra							
-	Đối với các cuộc điều tra, tổng điều tra thuộc Chương trình điều tra thống kê quốc gia	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc	2012	Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành Quy trình truyền tin, xử lý, tổng hợp, phổ biến, lưu trữ, chia sẻ kết quả và dữ liệu các cuộc điều tra, tổng điều tra thuộc	Quy trình được quy định tại Quyết định số 680/QĐ-BKHĐT ngày 28/5/2014 của Bộ trưởng Bộ KH&ĐT về Quy chế phổ biến thông tin thống kê của TCTK.	Hoàn thành	

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm chính	Kết quả thực hiện	Đánh giá	Ghi chú
			Trung ương		Chương trình điều tra thống kê quốc gia			
-	Đối với các cuộc điều tra, tổng điều tra không thuộc Chương trình điều tra thống kê quốc gia	Bộ, ngành, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2012	Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành Quy trình truyền tin, xử lý, tổng hợp, phổ biến, lưu trữ, chia sẻ kết quả và dữ liệu các cuộc điều tra, tổng điều tra không thuộc Chương trình điều tra thống kê quốc gia	3 Bộ, ngành có thực hiện điều tra thống kê đã triển khai thực hiện xây dựng các quy trình truyền đưa, xử lý, phổ biến, lưu trữ, chia sẻ kết quả và dữ liệu của các cuộc điều tra thống kê do Bộ, ngành thực hiện ¹³⁴	Hoàn thành	
5.3	Xây dựng, chuẩn hóa quy trình xử lý, tổng hợp, phổ biến chỉ tiêu thống kê trong các hệ thống chỉ tiêu thống kê đã ban hành							
-	Xây dựng quy trình đối với các chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia	Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ, ngành	Bộ, ngành, UBND tỉnh, thành phố trực	2012-2015	Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành Quy trình truyền tin, xử lý, tổng hợp, phổ biến các chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu	Quy trình được quy định tại Quyết định số 680/QĐ-BKHĐT ngày 28/5/2014 của Bộ trưởng Bộ KH&ĐT về Quy chế phổ biến thông tin thống kê của TCTK.	Hoàn thành	

¹³⁴ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng cơ chế lưu trữ, chia sẻ, phổ biến thông tin các cuộc điều tra cơ bản trên website của Bộ; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã có quy trình được quy định và thực hiện theo Sổ tay hướng dẫn điều tra xu hướng kinh doanh và điều tra kỳ vọng lạm phát; Bộ Khoa học và Công nghệ đã xây dựng quy chế và áp dụng trong các cuộc điều tra: Điều tra nghiên cứu và phát triển năm 2012 (QĐ số 1154/QĐ-BKHCN ngày 05/6/2012); Điều tra Nghiên cứu và Phát triển năm 2014 (QĐ số 2136/QĐ-BKHCN ngày 15/8/2014); Điều tra Tiềm lực KH&CN của các tổ chức KH&CN năm 2014 (QĐ số 2137/QĐ-BKHCN ngày 15/8/2014)

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm chính	Kết quả thực hiện	Đánh giá	Ghi chú
			thuộc Trung ương		thống kê quốc gia			
-	Biên soạn và công bố các chỉ tiêu thuộc Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2012-2015	100% chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia được biên soạn và công bố vào năm 2015	- Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia theo Quyết định số 43/2010/QĐ-TTg: 163 chỉ tiêu thu thập, tổng hợp và công bố đầy đủ các phân tổ; 48 chỉ tiêu thu thập, tổng hợp và công bố một số phân tổ; 139 chỉ tiêu chưa thu thập, tổng hợp được. - Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia theo Luật Thống kê năm 2015: 106 chỉ tiêu thu thập, tổng hợp và công bố đầy đủ các phân tổ; 70 chỉ tiêu thu thập, tổng hợp và công bố một số phân tổ; 10 chỉ tiêu chưa thu thập, tổng hợp được.	Không hoàn thành	
-	Xây dựng quy trình đối với các chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê tỉnh, huyện, xã	UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ, ngành	2012-2015	Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành Quy trình truyền tin, xử lý, tổng hợp, phổ biến các chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê tỉnh, huyện, xã	Các chỉ tiêu thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, huyện, xã do Cục Thống kê tỉnh, thành phố và các chi cục Thống kê cấp huyện thực hiện xử lý, tổng hợp và phổ biến theo quy trình được quy định trong Quy chế phổ biến thông tin thống kê của Tổng cục Thống kê và Quy chế	Hoàn thành	

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm chính	Kết quả thực hiện	Đánh giá	Ghi chú
						phổ biến thông tin thống kê do các Cục Thống kê tỉnh, thành phố xây dựng và áp dụng đối với Cục Thống kê và các Chi cục Thống kê trên địa bàn. Tổng cục Thống kê cũng đã ban hành các biểu mẫu báo cáo đối với các chỉ tiêu thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, huyện, xã và đã hướng dẫn cho các Cục Thống kê tỉnh, thành phố.		
-	Biên soạn và công bố các chỉ tiêu thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê tỉnh, huyện, xã	UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ, ngành	2012-2015	100% chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê tỉnh, huyện, xã được biên soạn và công bố vào năm 2015	Các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chưa thu thập, tổng hợp và công bố đầy đủ các chỉ tiêu thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, huyện xã theo quy định	Không hoàn thành	
-	Xây dựng quy trình đối với các chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê Bộ, ngành	Bộ, ngành	Bộ Kế hoạch và Đầu tư; UBND tỉnh, thành phố trực	2012-2015	Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành Quy trình truyền tin, xử lý, tổng hợp, phổ biến các chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê Bộ, ngành/Sở	18 bộ, ngành đã có quy trình xử lý, tổng hợp, phổ biến các chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê của bộ, ngành ¹³⁵ (Quy trình thường được tích hợp trong chế độ báo cáo và phần mềm	Hoàn thành	

¹³⁵ Bộ Tư pháp; Bộ Tài chính; Bộ Công thương; Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội; Bộ Giao thông vận tải; Bộ Xây dựng; Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bộ Nội vụ; Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Tài nguyên và Môi trường; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Ủy ban Dân tộc; Bảo hiểm Xã hội Việt Nam; Tòa án nhân dân tối cao; Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm chính	Kết quả thực hiện	Đánh giá	Ghi chú
			thuộc Trung ương		ngành địa phương	tổng hợp chế độ báo cáo thống kê của bộ, ngành hoặc trong quy chế phổ biến thông tin thống kê của bộ, ngành).		
-	Biên soạn và công bố các chỉ tiêu thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê Bộ, ngành	Bộ, ngành	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2012-2015	100% chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê Bộ, ngành được biên soạn và công bố vào năm 2015	Các bộ, ngành có báo cáo về kết quả thực hiện hệ thống chỉ tiêu thống kê của bộ, ngành (Bộ Thông tin và Truyền thông; Bộ Tư pháp; Bộ Tài nguyên và Môi trường; Bộ Giao thông vận tải; Bộ Công thương; Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Y tế) đều chưa thu thập, tổng hợp và công bố đầy đủ các chỉ tiêu thống kê theo quy định	Không hoàn thành	
5.4	Xây dựng, chuẩn hóa quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước và các chỉ tiêu có liên quan	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2012	Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành Quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước và các chỉ tiêu có liên quan	Quy trình biên soạn số liệu tổng sản phẩm trong nước mới đã được xây dựng và ban hành tại Quyết định 715/QĐ-TTg ngày 22/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới quy trình biên soạn số liệu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (GRDP) (Tổng cục Thống kê đã có Quyết định số 1026/QĐ-TCTK ngày 26/10/2015 ban hành Quy	Hoàn thành	

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm chính	Kết quả thực hiện	Đánh giá	Ghi chú
						định biên soạn và công bố số liệu GDP nhằm chi tiết hơn các quy định của Đề án nói trên). Đồng thời, phần mềm biên soạn GDP và các chỉ tiêu liên quan theo quy trình mới cũng đã được xây dựng.		
5.5	Xây dựng, chuẩn hóa quy trình truyền đưa, xử lý, tổng hợp, biên soạn và phổ biến Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội, niên giám thống kê							
-	Đối với báo cáo tình hình kinh tế - xã hội, niên giám thống kê quốc gia	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2012-2013	Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành Quy trình truyền đưa, xử lý, tổng hợp biên soạn và phổ biến Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội, niên giám thống kê quốc gia	Quy trình được quy định tại Quyết định số 680/QĐ-BKHĐT ngày 28/5/2014 của Bộ trưởng Bộ KH&ĐT về Quy chế phổ biến thông tin thống kê của TCTK.	Hoàn thành	
-	Đối với báo cáo tình hình kinh tế - xã hội, niên giám thống kê cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Bộ, ngành, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc	Bộ, ngành	2012-2013	Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành Quy trình truyền đưa, xử lý, tổng hợp biên soạn và phổ biến Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội, niên giám thống	Quy trình được quy định tại Quyết định số 680/QĐ-BKHĐT ngày 28/5/2014 của Bộ trưởng Bộ KH&ĐT về Quy chế phổ biến thông tin thống kê của TCTK.	Hoàn thành	

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm chính	Kết quả thực hiện	Đánh giá	Ghi chú
		Trung ương			kê cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương			
-	Đối với Niên giám thống kê Bộ, ngành	Bộ, ngành	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2012-2013	Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành Quy trình truyền đưa, xử lý, tổng hợp biên soạn và phổ biến niên giám thống kê bộ, ngành	11 bộ, ngành có biên soạn niên giám thống kê của bộ, ngành ¹³⁶	Hoàn thành	
5.6	Xây dựng, chuẩn hóa quy trình truyền đưa, xử lý, tổng hợp, biên soạn và phổ biến số liệu thống kê kinh tế - xã hội của Việt Nam ra nước ngoài và các tổ chức quốc tế	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2012-2013	Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành Quy trình truyền đưa, xử lý, tổng hợp, biên soạn và phổ biến số liệu thống kê kinh tế - xã hội của Việt Nam ra nước ngoài và các tổ chức quốc tế	Quy trình phổ biến số liệu thống kê kinh tế - xã hội của Việt Nam ra nước ngoài và các tổ chức quốc tế đã được xây dựng và áp dụng tại Vụ Thống kê nước ngoài và Hợp tác quốc tế (Tổng cục Thống kê)	Hoàn thành	
5.7	Xây dựng, chuẩn hóa Danh mục và lịch công bố các sản phẩm thống kê	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2012-2013	Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành Danh mục và lịch công bố các sản phẩm thống kê	Danh mục và Lịch phổ biến thông tin thống kê hằng năm của Tổng cục Thống kê đã được ban hành và công bố trên website của Tổng cục Thống kê, Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Hoàn thành	

¹³⁶ Bộ Giao thông vận tải; Bộ Xây dựng; Bộ Thông tin và Truyền thông; Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bộ Y tế; Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Tài nguyên và Môi trường; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Tòa án nhân dân tối cao; Viện kiểm sát nhân dân tối cao

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm chính	Kết quả thực hiện	Đánh giá	Ghi chú
5.8	Đổi mới và nâng cấp nội dung, hình thức trang thông tin điện tử và các sản phẩm thông tin thống kê khác của Tổng cục Thống kê	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2012	Trang thông tin điện tử và các thông tin thống kê khác của Tổng cục Thống kê được đổi mới về nội dung, hình thức	Phiên bản mới của Trang thông tin điện tử của Tổng cục Thống kê đã chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/4/2015 tại địa chỉ http://gso.gov.vn . Năm 2020, Tổng cục Thống kê đã nâng cấp phiên bản mới của trang thông tin điện tử	Hoàn thành	
5.9	Tổ chức đánh giá mức độ hài lòng và xác định nhu cầu của người dùng tin đối với thông tin thống kê	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2013; 2015; 2018; 2020	Kết quả đánh giá mức độ hài lòng và nhu cầu của người dùng tin đối với thông tin thống kê được công bố	Đã tổ chức điều tra nhu cầu và mức độ hài lòng của người sử dụng thông tin thống kê vào các năm 2013, 2017 và 2020	Hoàn thành	
5.1	Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng về vị trí, vai trò của thống kê và trách nhiệm của cộng đồng đối với công tác thống kê	Bộ Thông tin và truyền thông	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Hàng năm	Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành Kế hoạch và thực hiện kế hoạch truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng về vị trí, vai trò của thống kê và trách nhiệm của cộng đồng đối với công tác thống kê	Tổng cục Thống kê đã xây dựng và ban hành chương trình phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền kiến thức thống kê giai đoạn 2015-2020 tại Quyết định số 1428/QĐ-TCTK ngày 25/12/2014. Hàng năm, Tổng cục Thống kê đều xây dựng và ban hành Kế hoạch công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật. Tổng cục Thống kê đã chủ động thực hiện nhiều hoạt	Hoàn thành	

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm chính	Kết quả thực hiện	Đánh giá	Ghi chú
						động truyền thông như tổ chức các hội nghị phổ biến công tác thống kê, phát hành các tài liệu phổ biến kiến thức thống kê, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông và các cơ quan báo chí thực hiện truyền thông và phổ biến kiến thức thống kê trên các phương tiện thông tin đại chúng.		
6	Đẩy mạnh phân tích và dự báo thống kê							
6.1	Hình thành các đơn vị phân tích và dự báo thống kê							
-	Thành lập đơn vị chuyên trách về phân tích và dự báo thuộc Hệ thống thống kê tập trung	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2012-2015	Quyết định của cấp có thẩm quyền về việc thành lập đơn vị phân tích và dự báo thống kê thuộc Hệ thống thống kê tập trung	Tổ phân tích và dự báo thống kê đã được thành lập theo Quyết định số 29/QĐ-TCTK ngày 05/4/2017 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê.	Hoàn thành	
-	Thành lập và kiện toàn đơn vị phân tích và dự báo thống kê tại bộ/ngành (Mỗi Bộ/ngành thành lập	Bộ, ngành	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2012-2015	Quyết định của cấp có thẩm quyền về việc thành lập đơn vị phân tích và dự báo thống kê thuộc thống kê Bộ,	06 Bộ, ngành có đơn vị chuyên trách ¹³⁷	Hoàn thành	

¹³⁷ Bộ Tài chính; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Bộ Giao thông vận tải; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bộ Khoa học và Công nghệ; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm chính	Kết quả thực hiện	Đánh giá	Ghi chú
	đơn vị hoặc nhóm phân tích và dự báo thuộc tổ chức thống kê Bộ/ngành)				ngành			
6.2	Triển khai các hoạt động phân tích và dự báo thống kê							
-	Xác định nội dung, phương pháp, công cụ và tiến hành phân tích và dự báo ngắn hạn (Mỗi đơn vị phân tích và dự báo xác định các chỉ tiêu và lựa chọn phương pháp, xây dựng mô hình phân tích và dự báo ngắn hạn phục vụ quản lý điều hành của Bộ, ngành, Chính phủ)	Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ, ngành	UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Định kỳ	Báo cáo phân tích và dự báo ngắn hạn được công bố	Tổng cục Thống kê đã xây dựng và cập nhật kịch bản tăng trưởng kinh tế từng quý với các giải pháp cụ thể báo cáo Bộ trưởng, Thủ tướng Chính phủ làm căn cứ trong chỉ đạo điều hành nhằm đạt được mục tiêu tăng trưởng kinh tế. Đồng thời sử dụng một số mô hình dự báo, đánh giá tác động của các chính sách như tăng giá điện, giá xăng dầu, giá dịch vụ giáo dục, dịch vụ y tế lên lạm phát, tăng trưởng kinh tế và một số chỉ tiêu kinh tế vĩ mô, làm cơ sở để xây dựng các phương án điều chỉnh giá, báo cáo Chính phủ điều chỉnh giá một số mặt hàng do Nhà nước quản lý phù hợp với diễn biến thực tế của thị trường, đồng thời bảo đảm mục tiêu kiểm soát lạm	Hoàn thành	

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm chính	Kết quả thực hiện	Đánh giá	Ghi chú
						phát Quốc hội đề ra. Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng, quý, năm từ năm 2016 được nâng cao (báo cáo này hiện nay được chính phủ sử dụng chính thức trong các phiên họp thường kỳ của Chính phủ).		
-	Xác định nội dung, phương pháp, công cụ phân tích và dự báo trung và dài hạn (Mỗi đơn vị phân tích và dự báo xác định các chỉ tiêu và lựa chọn phương pháp, xây dựng mô hình phân tích theo chu kỳ 3 năm, 5 năm và 10 năm)	Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ, ngành	Bộ Kế hoạch và Đầu tư; UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Định kỳ	Báo cáo phân tích và dự báo trung và dài hạn được công bố	Trình độ phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam so với các nước trong khu vực: Kết quả và dấu hiệu, nguy cơ tụt hậu”; Báo cáo năng suất lao động Việt Nam: Thực trạng và giải pháp; Báo cáo của Chính phủ về kiểm kê, đánh giá thực chất tình hình các nguồn lực của nền kinh tế hiện nay; Tăng trưởng các vùng kinh tế trọng điểm giai đoạn 2011-2017; Năng suất lao động và giải pháp chủ yếu thúc đẩy tăng năng suất lao động của Việt Nam; Quan hệ giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa.	Hoàn thành	

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm chính	Kết quả thực hiện	Đánh giá	Ghi chú
6.3	Xây dựng cơ chế phối hợp, chia sẻ, sử dụng kết quả phân tích và dự báo thống kê	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2012-2014	Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành Quy chế phối hợp, chia sẻ, sử dụng kết quả phân tích và dự báo thống kê	Không thực hiện xây dựng một cơ chế riêng cho việc phối hợp, chia sẻ và sử dụng kết quả phân tích và dự báo thống kê mà lồng ghép trong Cơ chế phối hợp, chia sẻ thông tin giữa Tổng cục Thống kê và các bộ, ngành. Tổng cục Thống kê đã ký kết cơ chế phối hợp, chia sẻ thông tin thống kê với 11 bộ, ngành, tổ chức.	Hoàn thành	
6.4	Nâng cao năng lực cho các đơn vị thực hiện phân tích và dự báo thống kê	Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ, ngành	Bộ, ngành	2012-2015	Đội ngũ cán bộ, phương tiện phân tích và dự báo được tăng cường	Trong 10 năm, Tổng cục Thống kê đã tổ chức 26 lớp bồi dưỡng về phân tích và dự báo thống kê cho 826 công chức, viên chức làm phân tích, dự báo thống kê.	Hoàn thành	
7	Ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin và truyền thông trong hoạt động thống kê							

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm chính	Kết quả thực hiện	Đánh giá	Ghi chú
7.1	Nâng cấp, mở rộng hệ thống cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông của Hệ thống thống kê Nhà nước							
-	Nâng cấp, mở rộng mạng máy tính của Hệ thống thống kê tập trung	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2012 - 2015, sau năm 2015 nâng cấp, thay thế thiết bị hết hạn sử dụng	- Mạng máy tính diện rộng đồng bộ thông suốt từ Trung ương đến địa phương vào năm 2015 - Đảm bảo khả năng kết nối, chia sẻ thông tin với các Bộ, ngành và địa phương	Hạ tầng công nghệ thông tin, hệ thống mạng máy tính trong hệ thống thống kê tập trung được duy trì, bảo đảm thông tin liên tục và truyền đưa dữ liệu trong toàn hệ thống.	Hoàn thành	
-	Tăng cường năng lực cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông của thống kê Bộ, ngành	Bộ, ngành	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2012 – 2015, sau năm 2015 nâng cấp, thay thế thiết bị	Các mạng máy tính dùng cho thống kê các bộ, ngành được tăng cường, lồng ghép chung với mạng máy tính của Bộ, ngành nhưng bảo đảm khả năng liên kết, trao đổi thông tin với hệ thống thống kê tập trung ở các cấp tương	Tất cả các Bộ, ngành đều thành lập Trung tâm tin học hoặc Cục Công nghệ thông tin. Năng lực CNTT của các Bộ, ngành đã được nâng cao. Hầu hết các Bộ, ngành đã xây dựng mạng nội bộ, mạng Internet và trang thông tin điện tử; tin học hóa quá trình thu thập, truyền đưa, xử lý,	Hoàn thành	

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm chính	Kết quả thực hiện	Đánh giá	Ghi chú
				hết hạn sử dụng	ứng vào năm 2015	tổng hợp thông tin thống kê trong ngành, hoặc đã xây dựng kế hoạch triển khai ứng dụng CNTT phục vụ công tác thống kê của ngành		
7.2	Xây dựng và vận hành hệ cơ sở dữ liệu quốc gia và Trung tâm dữ liệu thống kê quốc gia của Hệ thống thống kê tập trung							
-	Xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu siêu dữ liệu (Metadata) thống kê dùng chung	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2012-2014, sau năm 2015 nâng cấp, thay thế thiết bị hết hạn sử dụng	Cơ sở dữ liệu siêu dữ liệu (Metadata) dùng chung được xây dựng vào năm 2014. Hỗ trợ việc chuẩn hoá thông tin, chuẩn hoá quá trình sản xuất thông tin đồng thời tăng cường khả năng cung cấp, chia sẻ các bảng danh mục, các bảng phân loại	Tổng cục Thống kê đã xây dựng các cơ sở dữ liệu: cơ sở dữ liệu về hệ thống các bảng phân loại, danh mục thống kê, cơ sở dữ liệu hệ thống khái niệm, nguồn thông tin, phương pháp tính các chỉ tiêu thống kê quốc gia, chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, huyện, xã. Tuy nhiên, Hệ thống dữ liệu đặc tả (Metadata) dùng chung toàn Ngành chưa được hoàn thiện.	Không hoàn thành	
-	Xây dựng và vận hành các cơ sở dữ liệu vi mô, cơ sở dữ liệu vĩ mô các cuộc điều tra, tổng điều tra							

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm chính	Kết quả thực hiện	Đánh giá	Ghi chú
+	Cơ sở dữ liệu vi mô, cơ sở dữ liệu vĩ mô của các cuộc điều tra, tổng điều tra do Hệ thống thống kê tập trung thực hiện	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	Hàng năm	Các cơ sở dữ liệu vi mô, vĩ mô của các tổng điều tra, các điều tra do Tổng cục Thống kê thực hiện trong giai đoạn 2011-2020 được xây dựng và đưa vào sử dụng	Tất cả các cuộc Tổng điều tra, điều tra thống kê hàng năm đều có cơ sở dữ liệu. Tuy nhiên, dữ liệu điều tra của các cuộc tổng điều tra, điều tra thống kê hàng năm chưa được xây dựng thành cơ sở dữ liệu nhiều năm (do dữ liệu chưa được chuẩn hóa, các phần mềm cơ sở dữ liệu được phát triển trên nhiều nền tảng và ngôn ngữ lập trình khác nhau dẫn đến việc kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu khó khăn)	Không hoàn thành	
+	Cơ sở dữ liệu vi mô, cơ sở dữ liệu vĩ mô của các cuộc điều tra, tổng điều tra do thống kê Bộ, ngành thực hiện	Bộ, ngành	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2012-2020	Các cơ sở dữ liệu vi mô, vĩ mô của các tổng điều tra, các điều tra do thống kê Bộ, ngành thực hiện trong giai đoạn 2011-2020 được xây dựng và đưa vào sử dụng	Kết quả các cuộc điều tra thống kê do các Bộ, ngành thực hiện đều được lưu trữ dưới dạng các cơ sở dữ liệu dù ở các mức độ khác nhau. 9 bộ, ngành có xây dựng cơ sở dữ liệu điều tra thống kê của bộ, ngành ¹³⁸	Hoàn thành	
-	Xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu thống kê kinh tế-xã hội tổng hợp							

¹³⁸ Bộ Công thương; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Bộ Xây dựng; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bộ Y tế; Bộ Khoa học và Công nghệ; Ngân hàng Nhà nước; Bộ Thông tin và Truyền thông; Ủy ban Dân tộc

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm chính	Kết quả thực hiện	Đánh giá	Ghi chú
+	Cơ sở dữ liệu hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, hệ thống chỉ tiêu thống kê tỉnh, huyện, xã	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	2012-2013	Cơ sở dữ liệu số liệu các chỉ tiêu của Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và Hệ thống chỉ tiêu thống kê tỉnh, huyện, xã được xây dựng và đưa vào sử dụng	Chưa xây dựng cơ sở dữ liệu hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, huyện, xã.	Không hoàn thành	
+	Cơ sở dữ liệu hệ thống chỉ tiêu thống kê Bộ, ngành	Bộ, ngành	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2012-2014	Cơ sở dữ liệu số liệu các chỉ tiêu của hệ thống chỉ tiêu thống kê Bộ ngành được xây dựng từ năm 2012 đến năm 2014; khai thác, cập nhật từ năm 2015	13 bộ, ngành đã xây dựng cơ sở dữ liệu hệ thống chỉ tiêu thống kê ¹³⁹	Hoàn thành	
-	Xây dựng và vận hành kho dữ liệu thống kê	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2012-2017	- Các kho dữ liệu thống kê cục bộ (DataMart) được xây dựng từ 2012 đến 2014. - Kho dữ liệu thống kê (DataWarehouse) được xây dựng vào năm 2017	Tổng cục Thống kê đã xây dựng được một số kho dữ liệu thống kê: kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 1999, kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009, kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019, kết quả Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản năm 2006, kết quả Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản năm 2011,	Không hoàn thành	

¹³⁹ Bộ Tài chính; Bộ Công thương; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Bộ Giao thông vận tải; Bộ Xây dựng; Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bộ Y tế; Bộ Tài nguyên và Môi trường; Bộ Khoa học và Công nghệ; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Tòa án nhân dân tối cao; Viện kiểm sát nhân dân tối cao

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm chính	Kết quả thực hiện	Đánh giá	Ghi chú
						kết quả Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản năm 2016 ¹⁴⁰ , kết quả Tổng điều tra cơ sở kinh tế, hành chính, sự nghiệp năm 2007, kết quả Tổng điều tra cơ sở kinh tế, hành chính, sự nghiệp năm 2012, điều tra doanh nghiệp hàng năm, điều tra khảo sát mức sống hộ gia đình (năm 2004, 2006, 2008); điều tra lao động việc làm (năm 2007-2010); điều tra biến động dân số. Tuy nhiên hiện chưa xây dựng kho dữ liệu tích hợp.		
7.3	Phát triển phần mềm ứng dụng trong thu thập, xử lý, tổng hợp, phân tích và dự báo, truyền đưa, lưu giữ và phổ biến thông tin thống kê							
-	Phát triển phần mềm thu thập thông tin thống kê bằng các phương tiện điện tử	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	Hàng năm	Thu thập và truyền đưa dữ liệu điều tra thống kê qua web, email và các thiết bị di động như	Tổng cục đã đẩy mạnh ứng dụng giải pháp thu thập thông tin điều tra qua thiết bị di động (CAPI) cho Điều tra giá	Hoàn thành	

¹⁴⁰ Tại <http://tdtntnnts2016.gso.gov.vn/>

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm chính	Kết quả thực hiện	Đánh giá	Ghi chú
					máy tính xách tay, thiết bị PDA cho một số cuộc điều tra	tiêu dùng, Điều tra lao động việc làm; Khảo sát mức sống dân cư, Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019, Điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản giữa kỳ. Xây dựng các chương trình nhập tin online (webform): Bảng kê địa bàn và Bảng kê danh sách hộ của Tổng điều tra nông thôn nông nghiệp 2016; Điều tra công nghiệp tháng (IIP); Điều tra doanh nghiệp; Cập nhật dữ liệu phiếu thu thập thông tin về hành chính, sự nghiệp, tôn giáo của Tổng điều tra kinh tế 2017.		
-	Xây dựng phần mềm xử lý, tổng hợp số liệu các cuộc điều tra, tổng điều tra thống kê							
+	Đối với các cuộc điều tra, tổng điều tra do hệ thống thống kê tập trung thực hiện	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		Hàng năm	Phần mềm xử lý các cuộc điều tra, tổng điều tra do Hệ thống thống kê tập trung thực hiện trong giai đoạn 2011-2020	Tất cả các cuộc điều tra thống kê được xử lý, tổng hợp. Mỗi cuộc điều tra, tổng điều tra đều có phần mềm hỗ trợ từ khâu nhập tin, làm sạch dữ liệu, xử lý và tổng hợp số liệu	Hoàn thành	

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm chính	Kết quả thực hiện	Đánh giá	Ghi chú
						đầu ra.		
+	Đối với các cuộc điều tra, tổng điều tra do thống kê Bộ, ngành thực hiện	Bộ, ngành	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Hàng năm	Phần mềm xử lý các cuộc điều tra, tổng điều tra do thống kê Bộ, ngành thực hiện trong giai đoạn 2011-2020	Các bộ, ngành có thực hiện điều tra và xây dựng phần mềm xử lý, tổng hợp điều tra thống kê, gồm: Bộ Quốc phòng; Bộ Công thương; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Bộ Xây dựng; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bộ Y tế; Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Tài nguyên và Môi trường; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Ủy ban Dân tộc.	Hoàn thành	
-	Xây dựng phần mềm xử lý, tổng hợp số liệu theo chế độ báo cáo thống kê định kỳ							
+	Đối với chế độ báo cáo thống kê định kỳ do Hệ thống thống kê tập trung chịu trách nhiệm	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	Hàng năm	- Các mẫu biểu điện tử thống nhất được áp dụng đối với các đơn vị báo cáo thực hiện báo cáo trực tuyến; - Các báo cáo tổng hợp được thực hiện bằng chương trình ứng dụng vào năm 2015	Xây dựng phần mềm xử lý, tổng hợp báo cáo thống kê định kỳ trong lĩnh vực thống kê: Nông, lâm nghiệp và thủy sản; công nghiệp, xây dựng; thương mại, dịch vụ, giá...; phần mềm chế độ báo cáo thống kê quốc gia	Hoàn thành	

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm chính	Kết quả thực hiện	Đánh giá	Ghi chú
+	Đối với chế độ báo cáo thống kê định kỳ do thống kê bộ, ngành chịu trách nhiệm	Bộ, ngành	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Hàng năm	- Các mẫu biểu điện tử thống nhất được áp dụng đối với các đơn vị báo cáo thực hiện báo cáo trực tuyến; - Các báo cáo tổng hợp được thực hiện bằng chương trình ứng dụng vào năm 2015	15 Bộ, ngành đã và đang xây dựng cơ sở dữ liệu, phần mềm xử lý, tổng hợp số liệu theo chế độ báo cáo định kỳ ¹⁴¹	Hoàn thành	
-	Phát triển các ứng dụng Chính phủ điện tử trên Internet	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ Thông tin truyền thông	2015	Các ứng dụng Chính phủ điện tử được ứng dụng	Có các trang điều hành tác nghiệp của Tổng điều tra dân số và nhà ở, Tổng điều tra nông, nông nghiệp và thủy sản; xây dựng phần mềm quản lý công việc của Tổng cục Thống kê	Hoàn thành	
-	Quản lý, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện các hoạt động CNTT và truyền thông trong công tác thống kê							
+	Xây dựng các chuẩn về thông tin thống kê, chuẩn ứng dụng	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành, UBND	2012-2013	Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành Chuẩn về thông tin	Chuẩn trao đổi dữ liệu đặc tả (SDMX) được áp dụng trong việc phổ biến niên giám thống	Hoàn thành	

¹⁴¹ Bộ Tư pháp; Bộ Tài chính; Bộ Công thương; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Bộ Giao thông vận tải; Bộ Xây dựng; Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Tài nguyên và Môi trường; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Ủy ban dân tộc; Bảo hiểm Xã hội Việt Nam; Tòa án nhân dân tối cao; Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm chính	Kết quả thực hiện	Đánh giá	Ghi chú
	công nghệ thông tin và truyền thông áp dụng cho thống kê để thực hiện thống nhất và đồng bộ trong Hệ thống thống kê Nhà nước		tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương		thống kê, chuẩn ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông áp dụng cho các hoạt động thống kê	kê trên website của TCTK		
+	Xây dựng, giám sát và đánh giá việc thực hiện chương trình, kế hoạch ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin và truyền thông trong Hệ thống thống kê Nhà nước	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Hàng năm	Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành Quy chế quản lý, giám sát và đánh giá	Hàng năm có báo cáo đánh giá về công tác công nghệ thông tin và truyền thông trong hoạt động thống kê	Hoàn thành	
+	Đánh giá, bổ sung các hoạt động công nghệ thông tin và truyền thông của Hệ thống thống kê Nhà nước	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Hàng năm	Báo cáo hàng năm đánh giá kết quả thực hiện các hoạt động công nghệ thông tin và truyền thông trong công tác thống kê	Hàng năm có báo cáo đánh giá về công tác công nghệ thông tin và truyền thông trong hoạt động thống kê	Hoàn thành	
8	Phát triển nhân lực ngành Thống kê							
8.1	Chuẩn hóa các chức danh công chức, viên							

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm chính	Kết quả thực hiện	Đánh giá	Ghi chú
	chức thống kê và xác định số lượng, cơ cấu công chức thống kê theo ngạch công chức thống kê trong hệ thống thống kê Nhà nước							
-	Chuẩn hóa các chức danh công chức, viên chức thống kê và xác định số lượng, cơ cấu công chức thống kê theo ngạch công chức thống kê trong Hệ thống thống kê tập trung	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ Nội vụ	2012-2013	Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành chức danh công chức thống kê đã được chuẩn hóa, xác định số lượng, cơ cấu theo ngạch thống kê trong Hệ thống thống kê tập trung	Đề án vị trí việc làm và cơ cấu công chức của TCTK theo Quyết định số 1361/QĐ-BKHĐT ngày 23/9/2015 (đã gửi Bộ Nội vụ để thẩm định). 9 đơn vị sự nghiệp thuộc TCTK được Bộ trưởng Bộ KH&ĐT phê duyệt đề án vị trí việc làm.	Hoàn thành	
-	Chuẩn hóa các chức danh công chức, viên chức thống kê và xác định số lượng, cơ cấu công chức thống kê theo ngạch công chức thống kê của thống kê Bộ, ngành	Bộ, ngành	Bộ Nội vụ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2013	Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành chức danh công chức thống kê đã được chuẩn hóa, xác định số lượng, cơ cấu theo ngạch thống kê trong thống kê Bộ, ngành	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam bổ nhiệm 01 công chức ngạch Thống kê viên chính và 10 công chức ngạch thống kê viên. Những người làm thống kê ở các bộ, ngành khác chủ yếu vẫn mang ngạch công chức hành chính.	Hoàn thành	
8.2	Củng cố và tăng cường nhân lực làm công tác thống kê Sở, ngành địa phương; thống kê xã, phường,	Bộ Nội vụ, Bộ, ngành, UBND tỉnh,	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2012-2015	Văn bản pháp lý của cấp có thẩm quyền quy định cụ thể về chức năng nhiệm vụ của thống kê sở, ngành địa	Nhân lực làm thống kê tại các sở, ngành, xã, phường, thị trấn ở địa phương chưa được bố trí đầy đủ, không được đào tạo bài bản về thống kê, ít	Không hoàn thành	

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm chính	Kết quả thực hiện	Đánh giá	Ghi chú
	thị trấn; thống kê doanh nghiệp, cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp	thành phố trực thuộc Trung ương			phương; thống kê xã, phường, thị trấn, thống kê doanh nghiệp, cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp	được bồi dưỡng về kiến thức thống kê, thường xuyên biến động.		
8.3	Mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng đào tạo nhân lực thống kê							
-	Xác định nhu cầu đào tạo nhân lực thống kê	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ Nội vụ, Bộ, ngành	2012-2015	Báo cáo nhu cầu đào tạo nhân lực thống kê phân theo trình độ, hình thức đào tạo và theo năm	Nhu cầu đào tạo về thống kê được xác định và báo cáo hàng năm	Hoàn thành	
-	Đổi mới chương trình và phương pháp đào tạo thống kê ở các trường trung học chuyên nghiệp, cao đẳng và đại học	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Hàng năm	- Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành Chương trình đào tạo thống kê ở các trường trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học (2012-2013)	Bộ đã giao cho các cơ sở đào tạo chủ động Xây dựng Chương trình và phương pháp đào tạo. Bộ GD&ĐT là cơ quan quản lý, không thực hiện hoạt động này.	Không thực hiện	Việc đổi mới chương trình đào tạo giao cho các trường. Bộ Giáo dục và đào tạo không thực hiện
-	Xây dựng và thực hiện chương trình đào tạo theo ngạch công chức thống kê	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ, ngành	Hàng năm	- Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành Chương trình đào tạo theo ngạch công chức thống kê (2012) - Thực hiện chương trình đào tạo từ năm	Quyết định số 1642/QĐ-BKHĐT ngày 4/12/2012 của Bộ trưởng Bộ KH&ĐT về việc ban hành Chương trình, tài liệu bồi dưỡng nghiệp vụ công tác thống kê theo tiêu chuẩn các ngạch thống kê. Kế	Hoàn thành	

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm chính	Kết quả thực hiện	Đánh giá	Ghi chú
					2013	hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm được xây dựng và ban hành. Trong 10 năm, Tổng cục Thống kê đã tổ chức 284 lớp bồi dưỡng về nghiệp vụ thống kê, quản lý nhà nước, tin học và ngoại ngữ cho 15.853 lượt công chức, viên chức của hệ thống thống kê tập trung		
-	Nâng cấp Trường Cao đẳng Thống kê lên Trường Đại học Thống kê	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2013-2015	Quyết định của cấp có thẩm quyền về nâng cấp Trường Cao đẳng Thống kê lên Trường Đại học Thống kê	Đề án nâng cấp Trường Cao đẳng Thống kê lên thành Đại học Thống kê đã trình Thủ tướng Chính phủ, nhưng chưa được phê duyệt.	Không hoàn thành	Tháng 1/2015, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã trình đề án nâng cấp trường Cao đẳng Thống kê lên Thủ tướng Chính phủ. Trên cơ sở trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam đã yêu cầu Bộ Giáo dục và Đào tạo rà soát lại quy hoạch tổng thể các trường đại học của Việt Nam
-	Nâng cấp Trường Trung cấp thống kê	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2012	Quyết định của cấp có thẩm quyền về nâng	Trường Trung cấp thống kê đã được nâng cấp lên Trường	Hoàn thành	

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm chính	Kết quả thực hiện	Đánh giá	Ghi chú
	lên Trường Cao đẳng Thống kê	Đầu tư	Đào tạo		cấp Trường Trung cấp thống kê lên Trường Cao đẳng Thống kê	Cao đẳng Thống kê II theo Quyết định số 1069/QĐ-BGDĐT ngày 31/3/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Thống kê II		
-	Xây dựng và triển khai thực hiện Đề án thành lập Trung tâm phát triển nhân lực thống kê	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2012-2015	- Quyết định của cấp có thẩm quyền về Đề án thành lập Trung tâm phát triển nhân lực thống kê; - Triển khai thực hiện Đề án	Trung tâm đào tạo, bồi dưỡng thống kê thuộc Viện Khoa học Thống kê được thành lập theo Quyết định số theo Quyết định số 646/QĐ-TCTK ngày 24/6/2013.	Hoàn thành	
8.4	Đổi mới công tác tuyển dụng, quản lý và sử dụng nhân lực thống kê	Bộ Nội vụ	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2012-2014	Văn bản phê duyệt của cấp có thẩm quyền về đổi mới công tác tuyển dụng, quản lý và sử dụng nhân lực thống kê	Công tác tuyển dụng, quản lý và sử dụng nhân lực thống kê hiện nay vẫn theo các quy định chặt chẽ của Nhà nước (theo Luật công chức, Luật viên chức và các văn bản hướng dẫn thực hiện các Luật này). Xây dựng và ban hành: Quy chế đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức Tổng cục Thống kê; Quy chế đánh giá, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm, thôi giữ chức vụ đối với công chức, viên chức lãnh đạo,	Hoàn thành	

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm chính	Kết quả thực hiện	Đánh giá	Ghi chú
						quản lý các đơn vị thuộc, trực thuộc Tổng cục Thống kê; Quy định tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý của các đơn vị thuộc Tổng cục Thống kê.		
9	Mở rộng và tăng cường hiệu quả hợp tác quốc tế trong lĩnh vực thống kê							
9.1	Mở rộng, tăng cường hiệu quả hợp tác song phương và đa phương của Thống kê Việt Nam	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	Hàng năm	Các Hiệp định/Biên bản ghi nhớ hợp tác song phương và đa phương về Thống kê được ký kết với các nước, tổ chức quốc tế	Đã ký Biên bản ghi nhớ về hợp tác song phương với một số nước như: Hà Lan, Mông Cổ, Nhật Bản, Italia. Duy trì và nâng cao hiệu quả hợp tác song phương và đa phương của Thống kê Việt Nam với các nước và các tổ chức quốc tế, thông qua việc ký Biên bản ghi nhớ về hợp tác song phương với một số nước như: Hungary, Liên bang Nga, Hàn Quốc, Hà Lan, Mông Cổ, Nhật Bản, Italia. Hiện tại, Tổng cục đang đàm phán để tiến tới ký Biên bản ghi nhớ về hợp tác song phương với Thống kê Séc-bi và Thống kê Đan Mạch.	Hoàn thành	

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm chính	Kết quả thực hiện	Đánh giá	Ghi chú
9.2	Tham gia tích cực các hoạt động trong Khung hợp tác thống kê (ACCS) của ASEAN để xây dựng hệ thống thống kê cộng đồng ASEAN vào năm 2015	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2011-2015	Hình thành hệ thống thống kê cộng đồng ASEAN vào năm 2015	Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án hội nhập thống kê ASEAN giai đoạn 2016-2020 (Quyết định số 1161/QĐ-TTg ngày 23/7/2015); ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án này (Quyết định số 67/QĐ-TCTK ngày 29/02/2016). Hàng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện. Xây dựng và thực hiện Đề án chuẩn bị và đảm nhiệm vai trò Chủ tịch ASEAN về Thống kê năm 2020”. Tổng cục Thống kê đã tham dự đầy đủ, tích cực các kỳ họp của Thống kê ASEAN; thực hiện chia sẻ và cung cấp thông tin thống kê với ASEAN; thực hiện đánh giá các Nguyên tắc hoạt động thống kê của ASEAN và góp ý cho các văn kiện của Hệ thống Bộ phận Thống kê Cộng đồng ASEAN	Hoàn thành	
9.3	Cải thiện, nâng cao chất lượng công tác thống kê nước ngoài và thực hiện các cam							

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm chính	Kết quả thực hiện	Đánh giá	Ghi chú
	kết quốc tế							
-	Biên soạn và cung cấp số liệu thống kê Việt Nam ra quốc tế; Biên soạn, phổ biến số liệu thống kê chủ yếu của các nước và các Tổ chức quốc tế cho người dùng tin trong nước	Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ, ngành	Bộ, ngành	Hàng năm	Số liệu thống kê của Việt Nam và số liệu thống kê của các nước được biên soạn và cung cấp kịp thời cho các đối tượng dùng tin trong và ngoài nước	Tổng cục Thống kê thường xuyên cung cấp thông tin thống kê tới các tổ chức quốc tế như: Cơ quan Thống kê Liên hợp quốc, Cơ quan thống kê ASEAN ¹⁴² , IMF, WB, FAO, ESCAP, ILO,... và Đại sứ quán của nhiều nước tại Việt Nam. Giai đoạn 2011-2020, Tổng cục Thống kê đã 140 lần cung cấp số liệu cho 12 tổ chức quốc tế, 59 lần cung cấp số liệu cho 18 đại sứ quán các nước. Biên soạn ấn phẩm Hệ thống thống kê cộng đồng ASEAN nhằm giới thiệu với người dùng tin trong nước về hệ thống cộng đồng thống kê ASEAN cũng như các số liệu thống kê chủ yếu của các nước ASEAN	Hoàn thành	
-	Tham gia đầy đủ, có hiệu quả các chương trình thống kê quốc tế và khu vực	Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ,	Bộ, ngành	Hàng năm	Số liệu thống kê của Việt nam trong các lĩnh vực được biên soạn và cung cấp theo chuẩn	Tham gia đầy đủ các chương trình thống kê quốc tế và khu vực, như: Hệ thống phổ biến dữ liệu chung (GDDS);	Hoàn thành	

¹⁴² Biên soạn và cung cấp kịp thời số liệu thống kê cho cơ quan thống kê ASEAN để xây dựng các ấn phẩm của cộng đồng thống kê ASEAN như Hệ thống giám sát tiến bộ Cộng đồng ASEAN 2015, Hệ thống chỉ tiêu thống kê ASEAN, Niên giám Thống kê ASEAN, Báo cáo Thống kê ASEAN về các mục tiêu thiên niên kỷ...

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm chính	Kết quả thực hiện	Đánh giá	Ghi chú
	(chương trình so sánh quốc tế, chương trình hài hòa số liệu thống kê khu vực và thể giới...)	ngành			mức chung của từng chương trình tham gia	Chương trình hài hòa hóa số liệu giữa các quốc gia ASEAN; Chương trình so sánh quốc tế (ICP) khu vực Châu Á – Thái Bình Dương do ADB tài trợ		
9.3	Đẩy mạnh các hoạt động quảng bá hình ảnh và nâng cao vị thế Thống kê Việt Nam trong cộng đồng thống kê thế giới							
-	Biên soạn các ấn phẩm để quảng bá hoạt động của Thống kê Việt Nam với bạn bè quốc tế	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	Hàng năm	Các ấn phẩm quảng bá hình ảnh của Thống kê Việt Nam được phát hành tới các nước và các tổ chức quốc tế	Biên soạn 3 ấn phẩm: (1) Cuốn sách giới thiệu về thống kê Việt Nam; (2) video clip giới thiệu về thống kê Việt Nam; (3) video clip giới thiệu về đất nước, con người Việt Nam.	Hoàn thành	
-	Vận động đăng cai tổ chức các Hội nghị Thống kê khu vực và	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	Hàng năm	Số cuộc Hội nghị, hội thảo quốc tế về thống kê được tổ chức ở Việt	Tổ chức thành công 12 hội nghị, hội thảo quốc tế về thống kê ¹⁴³ tại Việt Nam	Hoàn thành	

¹⁴³ Hội nghị lần thứ 24 của Thống kê Nông nghiệp khu vực Châu Á - Thái Bình Dương (2012); Hội thảo Đánh giá Tổng điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ (2013); Hội thảo về Đào tạo thống kê trong các trường Đại học, kinh nghiệm trong nước và định hướng tương lai (2014); Hội thảo về Mô hình Hội đồng thống kê quốc gia (2014); Hội thảo đào tạo Dự án thí điểm mở rộng và Cuộc họp của Nhóm công tác về Phổ biến số liệu (WGDSA) lần thứ 7 (2014); Hội nghị Hiệp hội quốc tế về Thống kê chính thức - IAOS (2014); Hội nghị Tổng điều tra Dân số thế giới lần thứ 29 (PCC29), tháng 7/2017; Hội thảo về ACSS năm 2018; Hội thảo tham vấn điều tra các mục tiêu phát triển bền vững về trẻ em và phụ nữ năm 2020 (tháng 6/2019); Lễ công bố báo cáo đầu kỳ và cơ sở dữ liệu trực tuyến các chỉ tiêu SDG của ASEAN tháng 10/2020; Hội nghị Ủy ban Hệ

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm chính	Kết quả thực hiện	Đánh giá	Ghi chú
	Quốc tế tại Việt Nam				Nam			
9.4	Tăng cường vận động các nguồn tài trợ từ bên ngoài cho hoạt động thống kê	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	Hàng năm	Số lượng các dự án, chương trình được ký kết	Tổng cục Thống kê đã kêu gọi và nhận được 16 dự án/chương trình hỗ trợ cho công tác thống kê ¹⁴⁴ với tổng kinh phí được hỗ trợ là 32.612,83 nghìn USD và 648.714 EUR	Hoàn thành	
9.5	Tăng cường năng lực quản lý và điều phối các Dự án, các nguồn tài trợ nước ngoài cho Thống kê Việt Nam							
-	Sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện Quy chế quản lý và điều phối thống nhất các chương trình hợp tác, dự án, các nguồn vốn	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2013	Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành Quy chế quản lý và điều phối các chương trình, dự án	Đã ban hành Quyết định số 138/QĐ-TCTK ngày 25/1/2017 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê ban hành Quy chế quản lý các hoạt động hợp tác quốc tế của Tổng cục Thống kê	Hoàn thành	
10	Tăng cường cơ sở vật chất và huy động các nguồn lực							

thống kê cộng đồng ASEAN lần thứ 10 (ACSS10), tháng 12/2020; Một số cuộc họp khác trong khuôn khổ Thống kê ASEAN trong năm 2020 (SCPC19, 20).

¹⁴⁴ Gồm các nước có hợp tác song phương như: Italia, Hà Lan, Hàn Quốc, Nhật Bản, Liên Bang Nga, Thổ Nhĩ Kỳ, .. và các tổ chức quốc tế: ABD, UNSD, UNDP, WB, UNFPA, ILO, FAO, UNICEF, ESCAP, UNIDO, JICA, KOICA,...

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm chính	Kết quả thực hiện	Đánh giá	Ghi chú
	tài chính phục vụ hoạt động thống kê							
10.1	Hoàn thiện công tác tài chính nhằm tăng cường cơ sở vật chất và đảm bảo nguồn kinh phí triển khai các hoạt động thống kê							
-	Sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các định mức kinh phí áp dụng đối với các hoạt động thống kê	Bộ Tài chính	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2012	Quyết định của cấp có thẩm quyền về định mức kinh phí áp dụng cho các hoạt động thống kê	Đã ban hành các văn bản: Quyết định số 46/2016/QĐ-TTg ngày 16/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2017; Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính Quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia; Quyết định số 572/QĐ-BKHĐT ngày 06/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc phân cấp quyết định đầu tư các dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn đầu tư phát triển sử dụng ngân sách	Hoàn thành	

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm chính	Kết quả thực hiện	Đánh giá	Ghi chú
						nhà nước cho Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê; Quyết định số 1919/QĐ-BKHĐT ngày 28/12/2016 về việc phân cấp thẩm quyền quyết định trong lĩnh vực quản lý tài chính từ nguồn chi thường xuyên và quản lý tài sản Nhà nước cho Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê; Quyết định số 858/QĐ-TCTK ngày 20/12/2016 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê về việc ban hành định mức chi thường xuyên năm 2017; các Quyết định số 886/QĐ-TCTK, số 888/QĐ-TCTK, số 889/QĐ-TCTK ngày 30/12/2016 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê về việc ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản nhà nước, Quy chế quản lý tài chính, Định mức thực hiện một số nội dung trong lĩnh vực quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn đầu tư xây dựng nguồn ngân sách nhà nước do Tổng cục Thống kê quản lý		

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm chính	Kết quả thực hiện	Đánh giá	Ghi chú
-	Dự toán tổng kinh phí cho việc thực hiện Chiến lược phát triển thống kê Việt Nam giai đoạn 2011-2020 (dự toán theo từng năm, từng hoạt động chủ yếu)	Bộ Tài chính	Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ, ngành khác	2012	Quyết định của cấp có thẩm quyền về Tổng dự toán kinh phí thực hiện Chiến lược	Trước năm 2015, kinh phí thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê chủ yếu do các dự án của các đối tác phát triển hỗ trợ (hỗ trợ chuyên gia và hội thảo), không kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước. Từ năm 2015, đã được phân bổ một nguồn kinh phí nhất định thực hiện Chiến lược tại TCTK	Hoàn thành	
10.2	Xây dựng và tổ chức thực hiện Đề án Đầu tư xây dựng trụ sở của các cơ quan thống kê thuộc Hệ thống thống kê tập trung							
-	Xây dựng Đề án	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ Tài chính	2012	Quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt Đề án	Xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ, 2 Đề án xây dựng trụ sở làm việc của hệ thống thống kê tập trung, nhưng chưa được phê duyệt: (i) Giai đoạn 2014-2015; (ii) giai đoạn 2016-2020).	Hoàn thành	
-	Tổ chức thực hiện Đề án	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ Tài chính	2013-2020	Thực hiện Đề án	Tổng cục Thống kê đã hoàn thành việc xây dựng trụ sở Cơ quan Tổng cục Thống kê và chuyển trụ sở về số 54	Hoàn thành	

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm chính	Kết quả thực hiện	Đánh giá	Ghi chú
						Nguyễn Chí Thanh, Đồng Đa, Hà Nội		
10.3	Xây dựng và tổ chức thực hiện Đề án Đầu tư trang thiết bị, phương tiện làm việc của Hệ thống thống kê tập trung; thống kê Bộ, ngành, địa phương							
-	Xây dựng Đề án	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ Tài chính	2012	Quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt Đề án	Xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ 2 Đề án Đầu tư trang thiết bị, phương tiện làm việc của hệ thống thống kê tập trung: (i) Giai đoạn 2014-2015 (được phê duyệt); (ii) giai đoạn 2006-2020 (chưa được phê duyệt).	Hoàn thành	
-	Tổ chức thực hiện Đề án	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ Tài chính	2013-2020	Thực hiện Đề án	Trang thiết bị làm việc được trang bị đáp ứng được yêu cầu công việc của công chức, viên chức trong hệ thống thống kê tập trung.	Hoàn thành	
10.4	Huy động nguồn vốn hợp pháp khác bổ sung kinh phí cho hoạt động thống kê	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính	Hàng năm	Có được các nguồn vốn hợp pháp khác cho các hoạt động thống kê	Tổng cục Thống kê đã kêu gọi và nhận được 16 dự án/chương trình hỗ trợ cho công tác thống kê với tổng kinh phí được hỗ trợ là 32.612,83 nghìn USD và	Hoàn thành	

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm chính	Kết quả thực hiện	Đánh giá	Ghi chú
						648.714 EUR.		

PHỤ LỤC 3. DANH MỤC CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ TRONG LĨNH VỰC THỐNG KÊ ĐƯỢC BAN HÀNH TRONG GIAI ĐOẠN 2011-2020

I. Văn bản quy phạm pháp luật

1. Thông tư số 03/2020/TT-BKHĐT ngày 31/03/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định Quy trình kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước.
2. Thông tư số 02/2020/TT-BKHĐT ngày 23/3/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định phân loại khu vực thể chế áp dụng trong thống kê Việt Nam.
3. Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg ngày 18/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thống kê thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư (thay thế Quyết định số 54/20210/QĐ-TTg ngày 24/8/2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thống kê trực thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Quyết định số 65/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điểm a Khoản 1 Điều 3 Quyết định số 54/QĐ-TTg).
4. Thông tư số 13/2019/TT-BKHĐT ngày 31/12/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định năm 2020 làm năm gốc để tính các chỉ tiêu thống kê theo giá so sánh) thay thế Thông tư số 02/2012/TT-BKHĐT ngày 04 tháng 4 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định năm 2010 làm năm gốc thay cho năm gốc 1994 để tính các chỉ tiêu thống kê theo giá so sánh.
5. Thông tư số 10/2019/TT-BKHĐT ngày 30/07/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển giới của quốc gia (thay thế Quyết định số 56/2011/QĐ-TTg ngày 14/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển giới của quốc gia và Thông tư số 07/2012/TT-BKHĐT ngày 22/10/2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định nội dung Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển giới của quốc gia; Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển giới cấp tỉnh, huyện, xã).
6. Thông tư số 03/2019/TT-BKHĐT ngày 22/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững của Việt Nam.
7. Quyết định số 01/2019/QĐ-TTg ngày 05/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí chất lượng thống kê nhà nước đến năm 2030.
8. Thông tư số 01/2019/TT-BKHĐT ngày 04/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định Chế độ báo cáo thống kê Ngành Thống kê (thay thế Thông tư số 08/2012/TT-BKHĐT ngày 07/11/2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định Chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương).
9. Thông tư số 06/2018/TT-BKHĐT ngày 11/12/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê ASEAN.

10. Quyết định số 43/2018/QĐ-TTg ngày 01/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam.
11. Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng chính phủ ban hành Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam.
12. Nghị định số 60/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 của Chính phủ quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia (thay thế Quyết định số 15/2014/QĐ-TTg ngày 17/02/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chế độ báo cáo thống kê Tổng hợp áp dụng đối với Bộ, ngành).
13. Quyết định số 11/2018/QĐ-TTg ngày 01/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bảng phân loại tiêu dùng theo mục đích của hộ gia đình Việt Nam.
14. Thông tư số 05/2017/TT-BKHĐT ngày 30/11/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Kế hoạch, Đầu tư và Thống kê.
15. Nghị định số 85/2017/NĐ-CP ngày 19/7/2017 của Chính phủ quy định cơ cấu, nhiệm vụ, quyền hạn của hệ thống tổ chức thống kê tập trung và thống kê bộ, cơ quan ngang bộ.
16. Quyết định số 01/2017/QĐ-TTg ngày 17/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục giáo dục đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân.
17. Quyết định số 54/2016/QĐ-TTg ngày 19/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã (thay thế Thông tư số 02/2011/TT-BKHĐT ngày 10/01/2011 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành quy định nội dung Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia; danh mục và nội dung Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, huyện, xã).
18. Quyết định số 43/2016/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình điều tra thống kê quốc gia (thay thế Quyết định số 803/QĐ-TTg ngày 28/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình điều tra thống kê quốc gia).
19. Nghị định số 94/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ ban hành quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê (thay thế Nghị định số 40/2004/NĐ-CP ngày 13/02/2004 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê).
20. Nghị định số 95/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ ban hành quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực thống kê (thay thế Nghị định số 79/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ ban hành quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê).
21. Nghị định số 97/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ ban hành quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia (thay thế Thông tư số 02/2011/TT-BKHĐT ngày 10/01/2011 của Bộ Kế

hoạch và Đầu tư ban hành quy định nội dung Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia; danh mục và nội dung Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, huyện, xã).

22. Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính ban hành quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia (thay thế Thông tư số 58/2011/TT-BTC ngày 11/0/2011 của Bộ Tài chính ban hành quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê và Thông tư số 53/2012/TT-BTC ngày 09/4/2012 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí các cuộc Tổng điều tra thống kê do Thủ tướng Chính phủ quyết định).
23. Luật số 89/2015/QH13 ngày 23/11/2015 của Quốc hội ban hành Luật Thống kê.
24. Thông tư liên tịch số 43/2015/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT ngày 23/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn thống kê, đánh giá thiệt hại do thiên tai gây ra.
25. Thông tư số 06/2014/TT-BKHĐT ngày 14/10/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Hướng dẫn một số điều quy định tại Nghị định số 216/2013/NĐ-CP ngày 24/12/2013 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của thanh tra ngành Kế hoạch và Đầu tư; Nghị định số 07/2012/NĐ-CP ngày 09/02/2012 của Chính phủ quy định về cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và hoạt động thanh tra chuyên ngành đối với thanh tra chuyên ngành thống kê.
26. Thông tư số 02/2012/TT-BKHĐT ngày 04/4/2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định năm 2010 làm năm gốc thay cho năm gốc 1994 để tính các chỉ tiêu thống kê theo giá so sánh. Thông tư số 07/2011/TT-BKHĐT ngày 17/5/2011 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc áp dụng chỉ tiêu thống kê “Chỉ số sản xuất công nghiệp hàng tháng” thay thế chỉ tiêu “Giá trị sản xuất công nghiệp theo giá cố định 1994 hàng tháng”.
27. Thông tư số 04/2011/TT-BKHĐT ngày 31/3/2011 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành quy định hệ thống biểu mẫu báo cáo thống kê cơ sở áp dụng đối với doanh nghiệp Nhà nước, doanh nghiệp và dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

II. Văn bản pháp lý khác

28. Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 01/02/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án thống kê khu vực kinh tế chưa được quan sát.
29. Quyết định số 772/QĐ-TTg ngày 26/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019.
30. Quyết định số 501/QĐ-TTg ngày 10/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông trong Hệ thống thống kê nhà nước giai đoạn 2017-2025, tầm nhìn đến năm 2030.

31. Chỉ thị số 44/CT-TTg ngày 06/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuẩn bị Tổng điều tra dân số và nhà ở thời điểm 0 giờ ngày 01 tháng 4 năm 2019.
32. Quyết định số 643/QĐ-TTg ngày 11/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tăng cường quản lý nhà nước về chất lượng Thống kê đến năm 2030.
33. Quyết định số 1919/QĐ-BKHĐT ngày 28/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành việc phân cấp thẩm quyền quyết định trong lĩnh vực quản lý tài chính từ nguồn chi thường xuyên và quản lý tài sản nhà nước cho Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê.
34. Quyết định số 572/QĐ-BKHĐT ngày 06/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành việc phân cấp quyết định đầu tư dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước cho Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê.
35. Quyết định số 1471/QĐ-BKHĐT ngày 12/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành quy định nội dung, cơ chế phối hợp, chia sẻ thông tin thống kê giữa Tổng cục Thống kê và các Bộ, ngành.
36. Quyết định số 1225/QĐ-TTg ngày 31/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành tổ chức Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản năm 2016.
37. Quyết định số 1161/QĐ-TTg ngày 23/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án hội nhập thống kê ASEAN giai đoạn 2016-2020.
38. Quyết định số 715/QĐ-TTg ngày 22/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới quy trình biên soạn số liệu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
39. Quy chế phối hợp số 9078/BKHĐT-NHNN-BTC-BCT ngày 02/12/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước, Bộ Tài Chính, Bộ Công Thương ban hành Quy chế phối hợp trong Quản lý và điều hành kinh tế vĩ mô.
40. Quyết định số 680/QĐ-BKHĐT ngày 28/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Quy chế phổ biến thông tin thống kê của Tổng cục Thống kê.
41. Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 29/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành việc tăng cường công tác thống kê Bộ, ngành.
42. Công văn số 9820/BKHĐT-TCTK ngày 05/12/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về Tài liệu hướng dẫn theo dõi và đánh giá thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2030.
43. Quyết định số 1397/QĐ-TTg ngày 13/8/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt dự toán kinh phí thực hiện Đề án “Đổi mới đồng bộ hệ thống chỉ tiêu thống kê”.

44. Công văn số 2274/BKHĐT-TCTK ngày 10/4/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về Khung theo dõi và đánh giá thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2030.
45. Quyết định số 395/QĐ-BKHĐT ngày 30/3/2012 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Mô hình khung Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 cho các Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
46. Công văn số 602/BKHĐT-TCTK ngày 09/02/2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2030.
47. Quyết định số 1803/QĐ-TTg ngày 18/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2030.
48. Quyết định số 1075/QĐ-BKHĐT ngày 26/7/2011 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt Chương trình ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin và truyền thông của Hệ thống thống kê nhà nước đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020.

PHỤ LỤC 4. DANH MỤC ĐỀ ÁN THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN THỐNG KÊ GIAI ĐOẠN 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

TT	Tên đề án	Cơ quan chủ trì biên soạn	Hình thức văn bản	Cấp ban hành	Thời gian trình ban hành
1	Phát triển nguồn nhân lực thống kê	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	Quyết định	Thủ tướng Chính phủ	2022
2	Xây dựng Luật Thống kê (sửa đổi) và các văn bản liên quan	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	Quyết định	Thủ tướng Chính phủ	2023
3	Đổi mới cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của hệ thống thống kê tập trung	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	Quyết định	Thủ tướng Chính phủ	2021
4	Tăng cường năng lực thống kê bộ, ngành	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	Quyết định	Thủ tướng Chính phủ	2023
5	Xây dựng, ban hành tiêu chuẩn, quy trình sản xuất thông tin thống kê Việt Nam	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	Quyết định	Thủ tướng Chính phủ	2022

TT	Tên đề án	Cơ quan chủ trì biên soạn	Hình thức văn bản	Cấp ban hành	Thời gian trình ban hành
6	Xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia tập trung, thống nhất	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	Quyết định	Thủ tướng Chính phủ	2022
7	Tư liệu hóa và chuyển đổi số trong công tác thống kê	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	Quyết định	Thủ tướng Chính phủ	2022